

PHAN BỘI CHÂU



# VIỆT NAM VONG QUỐC SỬ

越南亡國史

纂南蕃夙珠

● MỘT TÁC PHẨM BỊ CẤM LƯU HÀNH DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC.

● MỘT TÀI LIỆU LỊCH SỬ QUÍ GIÁ CỦA NHÀ CÁCH MẠNG TIỀN BỐI.

● KÈM THEO NGUYỄN VĂN CHỮ HÁN IN Ở CUỐI SÁCH.

● Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI và G.S. BỬU-CẨM ĐỀ TỰA.

● NGUYỄN - QUANG - TỔ<sup>\*</sup>  
*Cử-nhân Văn-chương Việt-Hán*  
phiên dịch và chú giải

[www.sachxua.net](http://www.sachxua.net)

Tao-dan

SÀO - NAM PHAN BỘI - CHÂU

\*\*\*

# VIỆT - NAM<sup>^</sup> VONG QUỐC SỦ

- \* Nguyễn - Quang - Tô  
Cử - nhán Văn - chương  
phiên - dịch và chú - thích.
- \* A - Nam Trần - Tuấn - Khi  
và Giáo - sư Bùu - Cầm  
đề tựa.
- \* Kèm theo nguyên tác bǎn  
Hán - văn.



# ÍT ĐÒNG GIỚI-THIỆU

của Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI

**SÀO-NAM PHAN BỘI CHÂU** Tiên-sinh không phải chỉ là một nhà ái-quốc chí-sĩ, mà còn là một học-giả, một nhà văn.

Nhưng văn-học cũng không thể không mang thời-đai-tinh. Thời-đai-tinh của nền văn-học mà Phan Tiên-sinh theo đuổi là nơi cửa Khổng-sân-Trình, là Hán-văn. Bởi vậy những tác-phẩm mà Tiên-sinh viết từ năm 1925 (năm bị Pháp bắt ở Tàu) trở về trước, hầu hết là bằng Hán-văn.

Nhưng, thời Pháp-thuộc, những tác-phẩm của Tiên-sinh bị coi là quốc-cấm, chỉ được phô-biển bí-mật âm-thầm, mà độc-giả cũng đều là những vị túc-nho. Bởi vậy văn-dề phiên-dịch ra Việt-ngữ không được đặt ra.

Sau năm 1945, lầu Thống-trị của Pháp ở Đông-duong sụp đổ, một số tác-phẩm bằng chữ Hán của Phan Tiên-sinh được dịch ra tiếng Việt.

Riêng cuốn «VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ» này thì trước đây Cụ Sa-Minh cũng đã lược-dịch ra một số đề làm tài-liệu tham-khảo cho Sinh-viên Đại-học Văn-Khoa SAIGON. Việc phiên-dịch chưa được chầu-đáo, lại đem hợp-định cùng những tài-liệu khác, hơn nữa, lại không có phần chữ Hán của nguyên-tác. Vì thế giá-trị của tác-phẩm bị sút kém đi khá nhiều.

Nay thấy Ông bạn tên-học Nguyễn-Quang-Tồ (Cử-nhan Văn-chương) có đưa cho tôi xem bản-thảo «VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ» cả nguyên-tác và bản dịch. Nguyên-tác Hán-văn Ông Tồ sao-lục ở trong bộ «Âm Bằng Thái Tùng Trợ» của Lương-Khai-Siêu Tiên-sinh. Về phần phiên-dịch và chú-thích, thì dịch-giả tự làm lấy.

Sau khi đọc kỹ bản thảo, tôi thấy rãnh, dịch-giả đã thành-công trong việc văn viết gọn-gàng trôi chảy, phiên-dịch sát đúng nguyên-tác.

Ngoài công-tác phiên-dịch, dịch-giả còn làm nhiều câu chú-thích khá công-phu và đầy-dủ.

Là một lão-nho đã từng phiên-dịch nhiều tác-phẩm chữ Hán, tôi trân-trọng giới-thiệu tác-phẩm này với các bạn đọc.

SÀI-GÒN, Ngày đầu Xuân Gà gáy  
Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI

# TỰA

của G. S. BƯU - CẨM

**T**RONG tâm-thức mỗi người Việt-nam chúng ta, SÀO-NAM PHAN BỘI-CHÂU tồn-tại như một Tiết-Tháo hiện-thân, một niềm kiêu-hỗngh bốt-diệt về sự đối đầu của dân-tộc trước bọn xâm-lược Tây-phương vào thời-kỳ mạt-điệp thế-kỷ 19.

Lòng kính - ngưỡng của đồng-bào Việt-nam đối với nhà chí-sĩ sông LAM núi HỒNG, do đó, cũng là một hiện-tượng hiền-nhiên tất-yếu về đời sống Tình-Cảm, cũng như về Tri-Thức làm người, và luôn luôn ở trạng-thái yên nghỉ, không cản nhắc, hỏi tra...

Ngay cả những hạng người mà «sự-nghiệp» gắn liền với sự tồn-vong của Đế - Quốc Thực - Dân, hình ảnh đầy hào - quang của SÀO-NAM PHAN BỘI-CHÂU thường khi cũng đến với họ như một thúc-tinh, mà cho dù họ «viễn-chi», vẫn phải «kính», kèm theo một tình tự hò-thẹn, hò-thẹn về sự «cũng làm người Việt-nam»...

Tuy nhiên, nếu về thân-thể, về sự-nghiệp đấu-tranh cho sự sống còn của đồng-chủng, SÀO-NAM PHAN BỘI-CHÂU là một ngôi sao sáng mà mọi người đều thấy rõ, thì về sự-nghiệp trước-cács của Cụ, — một góc cạnh của sự-nghiệp đấu-tranh — cho tới nay, rất nhiều đồng-bào Việt-nam, đặc-biệt là các bạn thành thiếu-niên, vẫn chưa mấy người được may-mắn có dịp thường-lãm và chiêm-ngưỡng. Thật là một sự thiệt-thời đáng phòn-hàn đối với các bạn đó về đường cầu học, cũng như về bồn-phận tụ-luyện để nối chí tiền-nhân.

Sự thiệt-thời như chúng ta đã biết, không ngoài các nguyên-nhân :

- 1) Tác-phầm của PHAN SÀO-NAM thuộc loại «quốc-cẩm» dưới thời Pháp-thuộc;
- 2) Tác-phầm của PHAN SÀO-NAM hầu hết đều viết bằng Hán-văn.

«Quốc-cẩm» thì đã qua rồi! Nhưng «Viết bằng Hán-văn», cho tới nay, vẫn còn là một trở-ngại không nhô trong sự phô-biển các tài-liệu,

## VII

một cố-gắng đáng khen trong ý-thức làm sáng tỏ thêm những ý-nghĩa, cũng như đề trình-bày thêm nhiều sự-kiện lịch-sử cần-thiết có liên-hệ với nguyễn-tác.

Là kết-quả của một công-trình đầy thiện-chí như vậy, dịch-phẩm của ông Nguyễn-Quang-Tô rất đáng được cảm-tình của các bạn trẻ tân-học có khuynh-hướng nghiên-cứu cõi-văn.

Thật là một việc làm thiết-thực hữu-ích và rất hợp-thời của một bạn tân-học, khi ông Nguyễn-Quang-Tô đặt vấn-dề phiên-dịch Việt-Nam Vong Quốc Sử. Và dịch-giả quả đã thành-công trong thiện-chí và cố-gắng của mình.

Nghĩ vậy, tôi thành-thực và vui mừng giới-thiệu dịch-phẩm Việt-Nam Vong Quốc Sử với các bạn trẻ.

Sài-gòn, ngày 30 tháng 1 năm 1969

BƯỚU - CẨM

Giáo-sư Đại-Học Văn-Khoa Saigon  
Chuyên-viên nghiên-cứu Cõi-văn Viện Khảo-Cứ

không riêng gì của PHAN SÀO-NAM, mà là chung cho tất cả các tài-liệu có của Việt-nam chúng ta. Những cố-gắng của các vị tiền-bối qua các sự-Nghiệp phiên-dịch trong thời-kỳ Cận và Hiện-kim, thực-sự chưa đem lại nhiều kết-quả so với nhu-cầu học-hỏi nghiên-cứu của lớp con em.

Trong những năm gần đây, do chủ-trương của Bộ Văn-Hóa Giáo-Dục, được sự hưởng-ứng của nhiều vị túc-nho, công-tác phiên-dịch tài-liệu Hán-văn đã ghi nhận được sự xuất-hiện của một số tài-liệu có, rất đáng khích-lệ. Tuy nhiên, có lẽ vì chưa có một chương-trình cụ-thể nhằm thống-nhất hoạt-động trong tinh-thần hợp-tác tập-thì, công-tác phiên-dịch xem ra vẫn chỉ có tính-cách lẻ-tẻ cá-nhân, chưa gây được thành một cao-trào dịch-thuật hào-hứng và có hiệu-quả lớn lao. Vả chăng, rồi đây, sau ngày các vị túc-nho vĩnh-viễn vắng mặt, trong lớp hậu-sinh tân-học, mấy người kế-tục được sự-nghiệp phiên-dịch Hán-văn! Thật là một băn-khoắn lo-lắng cho các Vị có trách-nhiệm đối với tương-lai văn-hóa nước nhà!...

Cá-nhân có nói: « Chất chưa sạch để lại cho con cháu, con cháu chưa chắc đã có thể áp dụng » (Tích thư dĩ dì tử tôn, tử tôn vị tất nồng độc)... Thật là một sự lo-lắng chí-lý của tiền-nhân. Và đối với chúng ta, kho-tàng tài-liệu Hán-văn hiện nay, trước nhu-cầu học-hỏi của lớp hậu-sinh, đang là một sự thật nhôc-nhở chúng ta thường-xuyên về giá-trị câu nói của tiền-nhân vậy. Hơn hết bao giờ, câu « Tre già măng mọc » đang là một hy-vọng thiết-tha vô cùng của chúng ta!

Mới đây, Ông NGUYỄN-QUANG-TÔ, một bạn tân-học, có cho tôi xem bản dịch VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ nguyên bằng Hán-văn của Sào-Nam PHAN BỘI-CHÂU, và có nhã ý muốn đề tài để tựa.

**Đọc xong bản-thảo, tôi có cảm nghĩ rằng niềm hy-vọng tre già măng mọc đang thành niềm tin-tưởng của riêng tôi! Và bản dịch V.N.V.Q.S. của Ông Nguyễn-Quang-Tô là một chứng-liệu.**

Đối-chiếu với một số tài-liệu phiên-dịch mà trước đây tôi có dịp đọc, tôi thấy qua V.N.V.Q.S., dịch-giá có một lối hành-văn khá thanh-thoát nhẹ-khàng; nguyên nghĩa nguyên ý được bảo-vệ trong một tinh-thần cố-gắng tột-đa; dày-dù mà không cầu-nệ, ngắn gọn mà không thiêu sót. Điều đáng nhận-xét ở dịch-giá, là rất có thè với lối hành-văn như vậy, dịch-giá dễ phản-bội văn-thè ở một số tác-phẩm có văn-thè đặc-biệt. Tuy nhiên, với V.N.V.Q.S., theo tôi nghĩ, văn-thè không có gì là « đặc-biệt » để phải quá cầu-nệ. Trái lại, với lối hành-văn nhẹ-nhang gãy-gọn — phải chăng đã lanh-hội được tinh-thần của tác-giá — dịch-giá đã làm sáng tỏ thêm được ý-nghĩa của một số câu và đoạn văn trong nguyên-tác.

Ngoài ra, qua phần CHÚ-THÍCH trong V.N.V.Q.S., tôi thấy ở dịch-giá

# Lời Người Dịch

**V**Ề São-Nam Phan Bội-Châu, lúc còn nhỏ đi học ở quê nhà — Nghệ-an — tôi vẫn thường được nghe các bậc tiền-bối, cũng như Phụ-thân và Thúc-phụ tôi nói đến những tác-phẩm như:

- LƯU-CẦU HUYẾT LỆ TÂN THƯ
- NGỤC TRUNG THƯ
- VIỆT-NAM NGHĨA LIỆT SỬ
- VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ

và còn nhiều tác-phẩm khác nữa, chữ Hán cũng như chữ Việt...

Tuy vậy, lúc bấy giờ người dân ở Nghệ-Tinh, mà có lẽ chung cả đồng-bào toàn-quốc nữa..., mỗi lần nhắc đến những tên « PHAN ĐÌNH-PHÙNG », « PHAN BỘI-CHÂU »... hay những tên sách như trên, trong lòng dù kính-ngưỡng, cũng không khỏi e sợ nỗi tai vách mạch rùng! Vả chăng, riêng tôi đang buồi thiếu thời, ham chơi hơn là học hỏi, nên cũng chỉ nghe với ý-thức thỏa-mãn tính tò-mò của trẻ con. Những tên sách như vậy chỉ đề lại trong trí nhớ tôi một hình ảnh dù thiêng-liêng cao quý nhưng xa-xôi.

Cho đến trong những ngày gần đây, trên đường cầu học, tôi tìm được tác-phẩm « VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ » tại Thư-viện Quốc-gia Việt-nam (a).

Dù biết rằng tìm sách mà lại tìm được ở Thư-viện thì không có gì được gọi là « công-phu » cả, nhưng lòng tôi vẫn khấp-khổi mừng thầm vì « Hoàng-thiên bắt phụ ».

---

(a) Xem chú-thích trang IX.

Đã may lại càng may!

Khi Việt-Nam Vong Quốc Sứ đến với tôi, tôi lại được thêm một số tác-phẩm của Âm-Băng-Thất Chủ-Nhân LƯƠNG-KHÁI-SIÊU nữa. Lý-do vì Việt-Nam Vong Quốc Sứ được in chung trong « Âm-Băng Thất Văn Tập » 飲冰室文集, quyển thứ IX, đóng chung với hai quyển VIII và X (b).

Tôi xin trình-bày sơ-lược nội-dung của mỗi quyền (Âm-Băng Chủ-Nhân dùng chữ CHỦNG 種; có lẽ mỗi quyền được dành cho một số vấn đề cùng thuộc một biệt-loại) :

- Quyền VIII (第八種): một số triết-thuyết và triết-gia hữu-danh Âu-châu.
- Quyền X (第十種): một số tác-phẩm nhận-định về tinh-hình chính-trị, đặc-biệt là tinh-hình Trung-quốc.
- Riêng quyền IX (第九種); gồm 3 phần :
  - a) Lịch-sử một số quốc-gia trên thế-giới (1)
  - b) Bài bình-luận về Âu-châu đại-chiến
  - c) Tiêu-truyện một số nhân-vật lịch-sử thế-giới: Anh, Pháp, Hung, Ý... (2).

Trong phần đầu « Việt-Nam Vong Quốc Sứ » được ghép vào thứ tư, sau « Hy-lạp sứ », « Nhã-diễn sứ », « Ba-lan Diệt-Vong sứ », và trước « Triều-tiên Vong Quốc Sứ », « Lịch-sử Nhật-bản xâm-lược Triều-tiên ».

Do vị-trí của « Việt-Nam Vong Quốc Sứ » như vậy, chúng tôi đã phiên-dịch luôn cả « lời giới-thiệu Việt-Nam Vong Quốc Sứ » của Âm-Băng-Thất Chủ-Nhân. Ngoài ra, Âm-Băng Chủ-Nhân còn viết thêm một bài nhan-de là « Việt-Nam Vong Quốc Sứ Tiên-lục » (越南亡國史前錄), tường-thuật lại cuộc tiếp-kiến Phan Sào-Nam khi Người mới trốn sang Trung-quốc. Bài này nối tiếp « Việt-Nam Vong Quốc Sứ », nên ở trong sách này, chúng tôi cũng xin xếp vào phần sau cùng, coi như là một Phụ-lục.

Về niên-đại tác-phẩm, cứ theo lời giới-thiệu của Âm-Băng-Thất Chủ-Nhân, thì « Việt-Nam Vong Quốc Sứ » được viết vào khoảng không lâu trước tháng 9 năm Ất-Ty (1905). Đối-chiếu với các tài-liệu cách-mạng Việt-nam hiện có, niên-đại này cũng phù-hợp, nghĩa là đúng vào

Điều đáng ghi nhận đầu tiên là « Việt-Nam Vong Quốc Sứ », tuy danh-xưng là SỨ, nhưng Phan Sào-Nam đã phải viết như một thiên hồi-ký, nếu xét về phương-thức làm việc. Những tài-liệu lịch-sử mà nhà chí-sĩ của chúng ta đã trình-bày, đều do trí nhớ mà thôi. Nước mót mắt, lại trong hoàn-cảnh phải bôn-dao từ quốc-nội đến hải-ngoại, làm sao người có đủ tài-liệu như bây giờ để tham-khảo. Vâ chăng, chính ở diêm này, chúng ta càng thêm phần kính bái: chép lại cả một giai-đoạn lịch-sử ngót 50 năm (1858 — 1905) của đất nước, mà nhà chí-sĩ chúng ta chỉ cần dùng trí nhớ. Mọi phương-tiện thông-tin liên-lạc trong nước đang ở thời-kỳ sơ-chuyển, lại — như Người đã viết — bị thực-dân kèm chế ngặt-nghèo. Vậy mà đại quan tính-chất liên-tục của các sự-kiện chính-yếu trong trường-kỳ đấu-tranh hào-hùng của dân-tộc đều đã được vẽ lại trọn vẹn. Đến cả những cá-nhân anh-kiet từng địa-phương, Nam cũng như Bắc, đã hoạt-động và hy-sinh cho đại-nghĩa, cũng được ghi lại đầy-đủ. Phải là một người đã tự nhận lãnh vai-trò cực-kỳ quan-yếu trong toàn-bộ đại-cuộc diệt thù cứu nước mới có cái nhìn thông-quan đầy-đủ đến như vậy.

Tuy nhiên, một diêm khác mà chúng tôi tưởng cũng cần nêu lên ở đây; đó là ở phần « Phàm-lệ », khi nhận-định về « Việt-Nam Vong Quốc Sứ », Âm-Băng-Thất Lương-Khai-Siêu có viết: Kỳ gian văn tự bất hữu nhã tuẫn. « Trong sách, lời văn có chỗ không được nhã tuẫn » (其間文字不有雅馴). Theo thiền-ý chúng tôi, có lẽ nhà chí-sĩ Trung-quốc đã dựa vào một số nghị-luận của Phan Sào-Nam đối với bọn Việt-gian phản-bội, cũng như đối với những con dân Việt yếu kém và tiêu-cực trong dũng-khí đấu-tranh với địch như trường-hop nhận-xét về hai Cụ Phan Thanh-Giản và Lâm-Duy-Hiệp trong cuộc đàm-phán với Pháp năm 1862.

Thật ra nếu nhận-xét của Âm-Băng Chủ-Nhân có đúng phần nào theo quan-diêm « thận ngôn » của Nho-gia, thì quan-diêm đó có lẽ không còn thích-hop với nhu-cầu tinh-cảm của Phan Sào-Nam đối với hạng trí-thức vong-bản, cũng như trong nhiệt-tinh đấu-tranh tích-cực « chí tử bất biến ». Chúng ta có thể nhận rõ hơn tinh-tự đó qua « Việt-Nam Vong Quốc Sứ », là tác-giả đã vừa chép sứ, vừa kêu gọi: chép sứ Việt-nam mất nước, chép sứ Pháp thống-trị Việt-nam. Kêu gọi đồng-bào Việt-nam làm cách-mạng, kêu gọi hạng người tay sai Pháp trả súng diệt địch !

Cho nên, chúng tôi nghĩ chỉ nên xem « Việt-Nam Vong Quốc Sứ » như là một tài-liệu cách-mạng mà, đối-ngoại thì tố cáo thực-dân Pháp với thế-giới, đối-nội thì kêu gọi đồng-chủng đồng-bắc, điều mà Phan

dùp mà Phan Sào-Nam xuất-tương trong phong-trào Đông-Du (1904 — 1918), mở màn cho cuộc vận-động cách-mạng Việt-nam ở hải-ngoại,

Về lý-do trước-tác, qua lời phát-đoan, chúng tôi thấy Phan Sào-Nam đã có ý định viết « Việt-Nam Vong Quốc Sứ » từ trước, nhưng cứ mãi phân-vân trong tinh-tự « Lệ cạn rồi mà lời chưa sao thoát ra được ».

Kịp đến khi được hạnh-kiến Âm-Băng-Thắt Chủ-Nhân Lương-Khai-Siêu, do lời yêu-cầu và tán-trợ của nhà chí-sĩ Trung-quốc trong tinh-thần « đồng bệnh », nhà cách-mạng Việt-nam lưu-vong mới mạnh-dạn cho « Việt-Nam Vong Quốc Sứ » ra đời. Riêng phần Âm-Băng-Thắt Chủ-Nhân, sau Mậu-Tuất chính-biến (1898) và nhất là trong hoàn-cảnh đất nước bị đế-quốc Tây-phương và Nhật-bản xâm-xé, ông cũng lo-lắng rất nhiều cho tương-lai dân-tộc. Lời yêu-cầu của ông với Phan Sào-Nam — qua phần phát-đoan « Việt-Nam Vong Quốc Sứ » — do đó, nhằm hai mục-tiêu :

- a) Giúp một nhà chí-sĩ Việt-nam lột trần bộ mặt tàn-ác và gian-giảo của thực-dân Pháp đang thống-trị Việt-nam, cho thế-giới biết.
- b) Trung-bày thảm-trạng « Việt-nam mất nước », đề gián-tiếp cảnh-tình đồng-bào Trung-quốc mình trước nguy-cơ liệt-cường xâm-lược: « thấy người giục mình ».

Tuy hoàn-cảnh đất nước đại-quan có phần khác nhau, hai nhà chí-sĩ Việt-Trung đã gặp nhau ở một điểm: « vì sự tồn-vong của giống nòi, làm cách-mạng chống đế-quốc xâm-lược ».

Về nội-dung tác-phẩm, ngoài lời phát-đoan đã được trình-bày, « Việt-Nam Vong Quốc Sứ » gồm 4 phần. Nguyên-tác không đặt tên là gì, chỉ ghi: NHẤT, NHỊ, TAM, TÚ; nhưng chúng tôi xin tạm gọi là 4 Chương:

#### I.— CHƯƠNG THỨ NHẤT :

Nguyên-nhân và sự thực về Việt-nam mất nước.

#### II.— CHƯƠNG THỨ HAI :

Tiêu-truyen một số anh-hùng chí-sĩ khi nước vừa mất vào tay giặc.

#### III.— CHƯƠNG THỨ BA :

Ác sách thống-trị của thực-dân Pháp tại Việt-nam.

#### IV.— CHƯƠNG THỨ TƯ :

Nhin về tương-lai Việt-nam.

Sào-Nam hằng ôm-ấp suốt thời-kỳ ở hải-ngoại, và được trình-bày qua: Hải-Ngoại Huyết Thư, Lưu-Cầu Huyết-Lệ Tân Thư, Hoán-Tỉnh Quốc-Dân Ca... Cũng do đó mà tài-liệu nên được chiêm-ngưỡng dưới khía cạnh đấu-tranh chính-trị trực-diện với địch, nhiều hơn là khía cạnh lịch-sử. Và một vài sai-thù về niên-đại, hay về sự-kiện xảy ra (a), thường không phải quá quan-trọng. Trái lại, nếu xét về thời-gian tinh, « Việt-Nam Vong Quốc Sứ » lại chính là cuốn lịch-sử đầu tiên do người Việt-nam viết ra, nói về quá-trình thực-dân Pháp xâm-lược Việt-nam, cũng như cuộc đấu-tranh kháng Pháp của dân Việt.

Tất cả « Việt-Nam Vong Quốc Sứ » đã minh-xác với chúng ta một kết-tinh tim ốc và hơi thở của một con người chan-chứa nhiệt tinh :

« *Vắt gan lấy máu làm canh  
Vòi cao dã có Trời xanh thấu tình  
Mũi tên gõm hết tinh thành  
Vàng kia đá nọ tan tành như không* » (b)

Trong tinh-thần kính-ngưỡng một chí-sĩ tiền-nhân, nhân dịp kỷ-niệm đế Pách chu-niên sinh-nhật Người, lại được sự khích-lệ của Thúc-phụ — Cụ Đông-Tùng, Chuyên-viên Hán-học Thư-viện Quốc-gia Việt-nam, — chúng tôi lạm dịch Việt-Nam Vong Quốc Sứ. Hơn nữa, cũng với tinh-thần kính-ngưỡng nói trên, và với mục đích giúp độc-giả có tài-liệu tra-cứu, nên tiếp theo phần dịch-nghĩa, chúng tôi có cho in toàn-thể nguyên-tắc bằng Hán-văn.

Chúng tôi xin ghi nhận nơi đây mỗi chân-tình cảm-tạ đối với gia-dinh Bác Phan-Nghi-Đệ (dâu và cháu nội của nhà chí-sĩ Song Lam núi Hồng) đã dành cho chúng tôi mối thiện-cảm khi chúng tôi ngỏ lời xin được phiên-dịch tác phẩm.

Saigon, ngày kỷ-niệm Đệ bách chu-niên sinh-nhật  
Cụ Sào-Nam Phan Bội-Châu  
**NGUYỄN - QUANG - TÔ**

★ CHÚ-Y.— Gặp những chỗ có ghi số 1, 2..., xin độc-giả xem ở phần **Chú-thích** in ở cuối sách.

(a) Xin xem phần **Chú-thích**.

(b) 流肝血以調氣，帝天可鑑，注精誠於一符，金石能開。  
(Lịch can huyết dì điều canh, Đế Thiên khả giám; chú tinh thành ư nhất tiên, kim thạch nǎng khai — Phan Sào-Nam, Hải-Ngoại Huyết-Thư).

(N. Q. T. dịch)

TIỀU - SỬ  
của  
**SÀO - NAM PHAN BỘI - CHÂU**

**C**ụ họ PHAN, húy BỘI-CHÂU, tự HẢI-THU. Còn hiệu SÀC NAM thì ra hải-ngoại mới có.

Sinh vào khoảng giữa tháng 5 năm Đinh-Mão (1867), niên-hiệu Tự-Đú thứ 20, trong một gia-dình nông-nghiệp, tại làng Đan-nhiệm, tổng Xuân liễu, huyện Nam - đàn, tỉnh Nghệ - an. Thân-phụ là Cụ PHAN-VĂN-PHČ thân-mẫu là Cụ Bà PHAN-THỊ-THUẤN.

— Năm Ất-Dậu (1885), Kinh-thành thất-thủ. Tuy còn là thư-sinh 1 tuổi, cùng các bạn đồng-môn lập « Sĩ-Tử Càn-Vương Đội », đồng-thời liên lạc với các nhà chí-sĩ ái-quốc, hoạt-động đánh Pháp tại thành VINH.

— Năm Canh-Tý (1900), Thành-Thái năm thứ 2, đỗ Thủ-khoa trườn Nghệ; văn-chương cả 4 kỳ thi đều được phê **ƯU HẠNG**. Do đó còn có tên là **GIẢI SAN** (San là tên tục của Cụ khi còn đi học ở Nghệ).

— Năm Quý-Mão (1903), mùa Xuân, cùng Cụ Đặng-văn-Bá vào Miền Trung hoạt-động cách-mạng. Tới Huế, gặp các nhà chí-sỹ Nam Ngā nhất là yết-kiến Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đè, tò-chức Nghĩa-Đảng. Kỳ-Ngoại Hầu được tôn làm Hội-chủ. Cụ Nguyễn-Thành phụ-trách Nam-Ngāi. Còn C Phan đảm-nhiệm công-việc từ Quảng-trị trở ra Bắc.

Tháng 6 năm đó, Cụ lại ra Bắc-kỳ, tiếp-xúc với Hoàng-Hoa-Thám, му tò-chức Nghĩa-Đảng. Việc xong, Cụ trở về Huế. Đến tháng Chạp năm đó lč vào Nam, tìm liên-lạc các nhà chí-sỹ Miền Lục-Tỉnh.

— Năm Giáp-Thìn (1904), tháng 5, ở Nam về Huế, viết LUU-CÀI HUYẾT-LỆ TÂN-THƯ, nhằm cảnh-tinh nhóm quan-lại Nam-Triều trước thản nạn quốc phá gia vong. Do THƯ này, Cụ đã kết-thân với hai Cụ PHAI CHÂU-TRINH, TRẦN-QUÍ-CÁP, và gây được tiếng vang trong giới chí-sĩ còn ẩn-náu tại Kinh-dō.

— Cũng trong năm 1904, tháng 10, sau hội-nghị của Đảng, Cụ đượ cử sang Nhật cầu-viện, cùng đi với các Cụ Tăng-Bạt-Hồ và Đặng-Tử-Kính

Trong cuộc hành-trình, cụ ghé Trung-hoa gặp lãnh-tụ BAILY NGUYỄN-THIỆN-THUẬT hiện lưu-vong tại Quảng-đông. Tới Hoành-tân, Cụ yết-kien Âm-Băng-Thát Chủ-Nhân LƯƠNG-KHẢI-SIÊU. Sau đó, cùng Âm-Băng qua Đông-kinh gặp KHUYỀN-DƯỞNG-NGHỊ, ĐẠI-ÔI BÁ-TƯỚC, và nhiều chính-khách trong Đảng TIẾN-BỘ ở Nhật. Do lời khuyên của nhiều nhân-vật Đảng này, Cụ cùng Cụ BẶNG-TỬ-KÍNH lại trở về nước (1905) rước KỲ-NGOẠI-HẦU CƯỜNG-ĐỀ sang Nhật.

Cũng trong năm này, Cụ trở sang Trung-quốc, và theo lời khuyên của Âm-Băng Chủ-Nhân, Cụ soạn tác-phẩm KHUYỀN THANH-NIÊN DU-HỌC, giao cho Cụ TĂNG-BẠT-HỒ về nước phò-biển, và vận-động Du-học-sinh Việt-nam xuất-dương sang Nhật. VIỆT-NAM VỐNG QUỐC'SỬ cũng được soạn-thảo trong dịp này.

— Năm Bính-Ngọ (1906), Kỳ-Ngoại-Hầu từ nước sang Hương-cảng, rồi qua Nhật. Cùng đi có cả Cụ Phan Chau-Trinh. Cũng do lời đề-nghị của Phan Tây-Hồ về vấn-đề cỗ-động dân-tâm, nâng cao dân-trí, Cụ viết tiếp: HẢI-NGOẠI HUYẾT-THƯ (tập đầu), TÂN VIỆT-NAM KỲ-NIỆM LỤC, VIỆT-NAM SỬ-KHẢO, HẢI-NGOẠI HUYẾT-THƯ (tập tiếp).

— Cũng trong năm 1906, trong khi phong-trào Du-học-sinh đang bùng-bột, thì Cụ lại về nước nghiên-cứu tình-hình, và gặp HOÀNG-HOA-THÁM. Được sự hưởng-ứng nhiệt-liệt của Hùm YÊN-THẾ, Đồn TÚ-NGHỆ với vai trò chính là Cụ Tú-tài NGUYỄN-VĂN-NGÔN, được thiết-lập vào dịp này.

— Năm Kỷ-Dậu (1909), do sự phản-bội của Nhật, Phong-trào Đông-Du thất-bại, du-học-sinh và các nhà chí-sĩ Việt-nam bị Nhật trục-xuất. Cụ chạy sang Thái-lan, cùng các Cụ Đặng-Tử-Kính, Đặng-Thúc-Hứa hiệu NGỌ-SƠN, ... xây-dựng cơ-sở cách-mạng, với khẩu-hiệu « súe chùng dài thời » (trừ giông đợi thời). Trong thời-gian này, Cụ soạn nhiều tác-phẩm cổ-võ lòng yêu nước bắn Hán-văn như: ÁI-QUỐC CA, ÁI-CHỦNG CA, ÁI-ĐOÀN CA..., được Cụ LÊ-ĐẠI hiệu là Từ-Long phiên-dịch ra Việt-văn đem về nước phò-biển.

— Năm Nhâm-Tý (1912), sau Cách-mạng Tân-Hợi Trung-hoa, Cụ lại sang Trung-quốc. Được các Ông HỒ-HÁN-DÂN, TRẦN-KỲ-MỸ giúp đỡ xây-dựng lại đại-cuộc cách-mạng. Dịp này, Cụ viết LIÊN-Á SỞ NGÔN, kêu gọi Nhật-bản và Trung-quốc nện-cung nhau xây-dựng một Á-châu hùng mạnh.

Cũng trong năm này, một số chiến-sĩ cách-mạng Việt-nam qua Trung-quốc, Cụ thành-lập VIỆT-NAM QUANG-PHỤC HỘI, và được cử làm Tòng-lý, Hoàng-Trọng-Mậu làm Bí-thư. Quang-Phục Quân đã về nước đánh Pháp nhiều trận ở các vùng Tuyên-Quang, Lạng-sơn...

— Năm Quý-Sửu (1913), Cụ bị Long-Tế-Quang bắt sáp đem bán cho Pháp để lấy một số tiền rất lớn. Nhưng cuộc trả giá chưa xong thì Long

đã bị quân cách-mạng Trung-quốc hạ bệ. Cụ được Hồ-Hán-Dân và quân cách-mạng Trung-quốc giải-thoát. Dù cách-mạng Việt-nam lâm thoái-trào tinh-thần Cụ vẫn không lay chuyển, tiếp-tục ở lại Hàng-châu hoạt-dộng, gây-dụng ca-sở và giúp-dỗ một số du-học-sinh Việt-nam.

— Năm Giáp-Tý (1924), Cụ thành-lập TÂM-TÂM-XÃ. Thời cũng trong năm đó, ngày 18-6-1924, liệt-sĩ PHẠM-HỒNG-THÁI ném bom giết Toàn-quyền MERLIN tại Sa-diện. Cách-mạng Việt-nam lại cháy bùng.

Cũng trong năm này, do một khúc quanh lịch-sử thuận-lợi, lại được sự tán-đồng của các đồng-chí, Cụ chủ-trương đề TÂM-TÂM-XÃ gia-nhập thành « TOÀN THẾ-GIỚI BỊ ÁP-BỨC NHƯỢC-TIỀU DÂN-TỘC, Á-ĐÔNG BỘ, VIỆT-NAM CHI PHÂN-BỘ »

— Năm Ất-Sửu (1925), trong khi công cuộc cách-mạng đang được xúc-tiến mạnh, thì tháng 7 năm đó, trên đường trở về Hàng-châu dự lễ kỷ-niệm thành-lập Phân-bộ Việt-nam. Cụ bị Pháp bắt tại nhà ga Bắc-trạm Thượng-hải.

— Ngày 23-11-1925, Hội-đồng Đè-Hình Pháp họp tại Hà-nội, kết án Cụ: TỬ-HINH. Nhưng trước áp-lực dư-luận quốc-nội cũng như quốc-ngoại, nhất là trước phong-trào đòi ân-xá dâng lên mãnh-liệt, đến ngày 24-12-25, Toàn-quyền Pháp là VARENNE phải ký quyết-định « ân-xá » tử-tội PHAN BỘI-CHÂU, và đem về giam lỏng tại Bến Ngự (HUE).

— 15 năm sau, ngày 29-10-1940, Cụ mất; hưởng thọ 74 tuổi.



Về văn-nghiệp, có lẽ trong các nhà chí-sĩ cách-mạng Việt-nam, PHAN SÀO-NAM là người sáng-tác nhiều nhất, về tài-liệu phục-vụ nhu cầu cách-mạng cũng như về văn-học nói chung. Sau đây là một số tác-phẩm nổi tiếng của Cụ :

### VỀ TÀI-LIỆU CÁCH-MẠNG

- VIỆT-NAM NGHĨA-LIỆT SỬ, — VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ
- HẢI-NGOẠI HUYẾT-THƯ (hai tập trước sau)
- LƯU-CẨU HUYẾT-LỆ TÂN-THƯ, — VIỆT-NAM SỬ-KHẢO
- TÂN VIỆT-NAM KÝ-NIỆM LỤC.
- TỰ-PHẢN (đã được chính Cụ phiên-dịch ra Việt-ngữ)

### VỀ TÀI-LIỆU VĂN-HỌC

- KHÔNG-HỌC-ĐĂNG, — CHU-DỊCH KINH BỊ-KHẢO
- NAM QUỐC-DÂN TU-TRI, — NỮ QUỐC-DÂN TU-TRI

Ngoài ra còn rất nhiều tác-phẩm khác, văn xuôi cũng như văn vần,

*Lời Giới-thiệu*

« VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ »

của

ÂM-BĂNG-THẮT CHỦ-NHÂN

*T RÊN đời này, có công-lý chăng ! Chỉ có cường-quyền n thôi !*

*Đọc lịch-sử thế-giới, tên nước kề có hàng ngàn, mà nay nhìn lại, c còn tính hàng chục, còn thì đã bị tiêu ma !*

*Ngay trong hàng chục số quốc-gia còn lại, thì trong mười phần, cũn lại có đến bảy tám phần là vận-mệnh quốc-gia đang bị đe-dọa tiêu-von,*

*Chăng cần trưng bằng-cớ đâu xa. Ngay một vài quốc-gia lân-bang liền kề Trung-quốc ta, đến nỗi gà gáy chó sủa cũng nghe, bấy giờ cũn không còn nữa ! Cũng chăng cần phải nhìn xem đâu cho xa, đời tôi từ 2 năm trở lại đây đã chứng-khiến biết bao cảnh sao đời vật đổi Mạ tốt ti từ mà lúa nếp trồ bông tua-tủa, chính-sách tiệm-tiếng của đế-quốc thực-dâ có cẩn ai nói với ta !*

*Trong những ngày rất gần đây, tôi có được giao-thiệp với một ngườ Việt-nam vong mện. Thường khi ông ta tới nói chuyện, tôi nghe ông ta nói mà không hiểu tại sao ông ta lại róm lệ sụt-sùi ! Tôi nghĩ nếu mình khôn biết thương mình mà lại đi thương người khác, thì có lúc người sẽ l phải xót thương cho mình !*

*Xin ai nấy đọc đoạn sách sau đây chớ có lầy làm xót thương ngườ trong cuộc, mà chỉ nên lo sợ cho phận mình ; như thế may ra khỏi vô ích.*

Tháng chín năm Ái-Tỵ  
ÂM-BĂNG CHỦ-NHÂN chí

## LỜI PHÁT ĐOAN

**C**ON người đau-khổ nhất là mất nước; càng đau-khổ hơn nữa khi con người mất nước đó lại phải nói đến việc quốc-gia mình.

Đã từng bao lâu nay tôi muốn dự-thảo một cuốn lịch-sử Việt-Nam Vong-Quốc. Vậy mà bao lần huyết khát lệ cạn, tôi vẫn chưa hạ bút được một chữ nào.

Nay nhân Âm-Băng Tiên-sinh có nói với tôi rằng: « Tôi với Ông thật là đồng bệnh. Vả chăng, chính-sách tàn-ác của người Pháp lâu nay thi hành tại Việt-nam, cả thế-giới vẫn chưa ai biết rõ. Ông nên vì tôi trình-bày ra ánh-sáng; tôi sẽ vì Ông mà phô-biển rộng-rãi cho mọi người, hầu thế-giới có thể am-tưởng cái thảm-trạng ấy trong muôn-một. Kìa như người Mỹ phát-khởi được phong-trào giải-phóng nô-lệ, chính cũng là nhờ ở sự đóng góp khai-nguồn của những nhà viết sách viết văn. Cho đến trong cuộc chiến-tranh giữa Nga và Thổ-nhĩ-ky (4), ánh-hường của báo-chương cũng không nhỏ. Nếu như Ông là người không còn lưu tâm tri ý đến tiền-đồ tổ-quốc của Ông thì khỏi nói làm chi, còn không, thì càng nên trình-bày hiến-tình của nước nhà cho mọi người thêm rõ. Riêng tôi, — Âm-Băng chủ-nhân nói tiếp — cũng muốn tâm-sự với Ông một điều: Trung-quốc chúng tôi hiện nay thật cũng chẳng khác gì người nằm trên đống củi mà ở dưới thì lửa đỏ đang lẩn lẩn nhen-nhum lên. Ấy vậy mà người nước tôi, ai nấy vẫn an-nhàn say-sưa hứa-hứa như là không có việc gì sắp xảy ra. Nếu có nghe người bàn đến nguy-cơ vong-quốc thì vẻ mặt cũng dửng-dưng như không. Giờ đây, Ông hãy viết và kể chuyện Việt-nam mất nước, may ra một phần lớn đồng-bào Trung-quốc chúng tôi nghe vậy mà giật mình thức-tỉnh giấc mơ; ngày kia thấy lại ánh-sáng. Được như vậy, chẳng những nước chúng tôi được nhở, mà Việt-nam của các Ông cũng có lợi. »

Nghé lời tâm-sự của Âm-Băng chủ-nhân, tôi cảm-động vô cùng. Xin lan nước mắt mà chép thiền « Việt-Nam Vong-Quốc Sử » này.

## CHƯƠNG THỨ NHẤT

**NGUYỄN - NHÂN  
và SỰ THỰC VỀ VIỆT - NAM MẤT NƯỚC**

**N**GƯỜI C dòng lịch-sử, từ trước các đời Hán, Đường bên Trung-quốc, Việt-nam vốn là Giao-chí bộ, cùng với Lâm-ấp, Chiêm-thành là những dân-tộc chưa khai-hóa. Đến dưới thời-kỳ Triệu-Đà (đời Tần), và Mã-Viện (đời Hán), dần dần mới thành ra một bộ-lạc nhỏ. Từ Tống trở về sau, các vị anh-hùng dân-tộc như Đinh-Duệ (*tức là Đinh-Tiên-Hoàng*), Lý-Công-Uẩn (*tức Lý Thái-tô*) tiếp nhau nổi dậy, dày công khai-thác ngày thêm mỏ-mang. Cho đến khi thâu gồm cả các bộ Chău-nhai, Tượng-quận, Văn-lang và Việt-thường, thì đã trở thành một quốc-gia rộng lớn.

Đến đời Nguyễn, các bậc anh-kiệt Việt-nam như Trần-Quốc-Tuấn, Trần-Quang-Khai..., trong các lần giao chiến « Sát Đát », đã giết được tướng Nguyễn là Toa-Đô, và bắt được thái-tử nhà Nguyễn là Ô-Mã-Nhi đưa về Yên-kinh. Cho nên hồi đó đã có thơ truyền-tụng :

*Chương-duong cướp giáo giặc  
Hàm-tử bắt quân thù  
Thái-binh nêu gǎng sức  
Non nước ấy ngàn thu (5).*

Trong thời-kỳ này, nhân-tài Việt-nam, người người quan-tâm đến tiến-bộ, và mỗi việc đều cố-gắng hướng về tiến-bộ.

Thế nước nhờ vậy ngày càng mạnh. Đến đời Lê, đánh đuổi quân Minh, thu-phục một nửa nước Chiêm-thành, và toàn thâu cả lãnh-thổ Lâm-ấp.

Đến Nguyễn Quang-Trung cũng thật là một vị vua anh-hùng với chiến-công đánh bại quân Xiêm, đánh đuổi tàu-bọn Tây-dương thù nghịch. Thật là uy-danh lẫm-liệt, khiến cho ai nấy từ trong lòng đến ngoài miệng, ngưỡng-mộ vô cùng.

Cho đến nay với Nguyễn-triều ; bao nhiêu nhân-tài buổi đầu kiến-quốc cũng đều có tinh-thần hết sức cầu-tiễn ; do đó mới gồm thâu luôn cả đất Chiêm-thành, rồi cả vùng phi-nhiều Chân-lạp (*nay là Tây-cổng (6)*). Về phía Tây, chinh-phục Cao-miền, Vạn-tượng ; đi lên phía Tây Bắc là Ai-lao, Trần-ninh và Lạc-hoàn, Nam đến Côn-lôn ; Bắc đến Quảng-dông, Quảng-tây và Vân-nam. Đất nước Việt-nam vào thời-kỳ này so với từ đời Đường (Trung-quốc) trở về trước là Giao-chí bộ, thật đã được mở rộng lên gấp 5, 6 lần.

Nếu như vua quan triều-định Việt-nam đều lo tiếp-tục cầu-tiễn, nâng cao dân-trí, phát-triển nhân-tài ; kế-hoạch-hóa quốc-gia, tình-hình quân-sự mỗi bộ môn, mỗi phương-diện đều chăm lo tiến-hóa, thì thực-lực quốc-gia đâu có khác gì lửa hồng gấp cùi khô, hừng-hực dâng cao cháy đỏ rực cả một góc trời !

Thế nhưng, như người ta vẫn thường nói : bình đầm nước thì nghiêng đồ ; người Việt-nam ta lúc bấy giờ lại có thái-độ tự mãn « ôm vàng vào mặt », ngồi đây giึง chẳng biết có trời rộng mênh-mańg. Văn-hóa cũng như quân-sự dã hèn kém mà ngày càng thêm sa-sút ; lại thêm quan-niệm hủ-chấp chính-giáo, mỗi việc đều chỉ biết mô-phỏng theo các triều-đại Minh, Thanh. Văn-nhân thì chỉ biết « ôm cây đợi thỏ », cầu-nệ theo sách-xưa, tục-học tăm-chương mà cứ vênh-vang đắc-chi. Người có trách-nhiệm về võ thì cũng chỉ lấy cờ trống làm vui làm đep, lấy côn-quyền làm trò khoe tài du-hý trẻ con ; tự cho mình là hạng người tài hoa chưa từng có.

Điều đáng chê-trách hơn nữa là những người có trách-

nhiệm về vân-mạng quốc-gia lúc bấy giờ lại còn ra mặt coi rẻ nhân-dân, xem thường dư-luận. Mọi việc có quan-hệ đến đường lối quốc-gia, người dân chẳng được hay biết mảy may, chỉ đứng ngoài mà ta-thán.

Xưa thày Mạnh-Tử có nói: « Minh từ đánh nước mình trước, rồi ngoại-nhân mới tới đánh sau ». Chính vì vậy, mà đối với Việt-nam, mới có việc nước Phật-lan-tây (có người còn gọi là Đại-Pháp) ở xa hàng vạn dặm trùng-dương, mang quân tới xâm-lược.



Ngược dòng lịch-sử, cách đây khoảng 100 năm, vào khoảng Gia-Long nguyên niên (7), Pháp là quốc-gia đã từng cho các già-nô sang Việt-nam, tại các địa-phương Tây-cống và Hà-tiên để xin giảng đạo. Đầu-tâm xâm-lược của người Pháp đã bắt đầu từ đó (8). Thế nhưng, lúc bấy giờ dân-tộc Việt-nam vua tôi hòa-thuận, chính-giáo trong nước lại tốt lành; thêm vào đó, lại chưa nǎm vắng được nội-tinh Việt-nam, nên người Pháp chưa dám có hành-dộng.

Dần-dà đến năm Tự-Đức nguyên niên (9), Pháp thấy rõ Việt-nam chỉ là một quốc-gia hèn kém về chính-giáo, dân-quyền ngày càng bị tước-đoạt, nhân-dân ấm-áre bất-mẫn; đúng là tật-eu-chứng báo hiệu thời-kỳ bài-vong. Thế là cơ-hội thuận-lợi đã tới. Pháp bèn cho một số giáo-sĩ Thiên-Chúa-giáo sang tiếp-xúc với triều-dinh Việt-nam xin mở cửa thông-thương buôn-bán. Thế rồi tập-trung tàu buôn ở Tây-cống, binh-Puynh của Pháp bắt thuyền xâm-nhập hải-cảng Đà-năng (ở Quảng-nam, là một trong những hải-khẩu quan-ýnh của Việt-nam) mở cuộc tấn-công. Nhưng, ba năm qua mà quân Pháp vẫn chưa chiếm nổi hải-cảng này, nên dành phải rút lui. Dù vậy, thất-bại trong cuộc xâm-chiếm hải-cảng này, Pháp quân lại càng thêm tức-tối, nuối nhiều ám-mưu, và càng thêm thêm muối. Ya đây chính là manh-nha cuộc chiến-tranh của Pháp xâm-Xược Việt-nam.

Trước tình-thế như vậy, nếu lúc bấy giờ vua quan Việt-nam biết kịp thời cải-tổ rộng lớn cơ-đốc chính-trị và quân-sư, mở rộng dân-quyền; trên dưới vua tôi một lòng chăm lo việc nước; dốc lòng học hỏi cầu tiến ở ngoại-nhân; dẹp bỏ những tập-quán hủ-bại tích lũy ngàn xưa..., khác nào khi trời chưa mưa đã kịp thời chuẩn-bị trong ngoái, thì thế nước còn có thể vẫn-hồi được!

Đàng này, triều-dinh Việt-nam có khác gì đói mắt ngủ mơ-màng, trong tấm thân đau yếu liệt-nhược. Trong khi vua quan được nâng lên tận trời mây, thì nhân-dân lại bị xem như loài cỏ rác. Trong khi hу-văn được sùng-thượng thì võ-lược lại bị khinh-thường. Trong khi giặc cướp đã dòm ngó ngoài sảnh, mà trong nhà vợ con vẫn nhởn-nho ca hát, còn chủ nhà thì trùm chǎm ngủ kỹ, lâu lâu trở mình rên-rỉ một chút mà thôi. Than ôi! Tình-thế nguy-vọng đã gấp đến nơi rồi!

Quả đúng như vậy. Giặc đã muốn đến, mà mình lại tước, thì giặc đến, nào phải tại ai!

Tự-Đức năm thứ 15, Pháp đem lực-lượng quân-sư hùng-hậu tới Tây-cống, yêu-cầu Việt-nam mở enope thương-nghi. Triều-dinh Việt-nam liền cử một viên Khâm-sai đại-thần phó hộ. Nhưng khi viên này đến Tây-cống, Pháp quân lại dùng uy-thể quân-sư, buộc phải ghi vào nội-dung thỏa-hiép (10) thương-nghi rằng: « Vua tôi triều-dinh Việt-nam đều thuận tình xin được nước Đại-Pháp bảo-hộ, và xin cắt đất 6 tỉnh làm nhượng-diện (tức là Gia-định, Biên-hòa, Định-tường, Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên) » (11).

Sau khi hòa-ước này được ký kết, người Pháp lại còn định một ước-chương, trong đó có một điều ghi rằng: « Việt-nam đã thuận chịu Pháp-quốc bảo-hộ, thì không còn được tự-tiến giao-thiép với một quốc-gia nào khác nữa » (12). Với điều-khoản này, tiếng súng đầu tiên báo hiệu Pháp cướp Việt-nam thực-sự bùng nổ!

Thật ra lúc bấy giờ, tình-hình 30 tỉnh Nam-kỳ còn ổn định, lực-lượng quân-sư và tình-hình kinh-tế còn dồi-dào. Nếu

Than ôi ! Cái vinh-hàng ngàn năm được thụ-phong, bù sao  
được cái nhục một ngày phải trả ǎn ! Cây khô trồ hoa, làm  
sao tươi lâu ! Gái già được chồng sang càng thêm xấu mặt !  
Phải chăng đó là trường-hợp Việt-nam lúc này !



Năm Ất-Dậu (20), quân Pháp tại tấn-công kinh-thành Huế. Vua Hàm-Nghi phải xuất-bôn ra Nghệ-an (21), hạ chiếu Cần-Vương khắp trong nước. Trong khi đó, Phụ-chinh đại-thần là Nguyễn-Phúc-Thuyết sang Quảng-dông nhờ vị Tông-đốc tỉnh này chuyên-đạt lên Thanh-triều lời thỉnh-cầu viện-trợ cho Việt-nam. Người Pháp biết được như vậy, liền liên-lạc với nhà Thanh tìm cách ngăn-trở; chắt-vấn triều-định nhà Thanh về mục-đích cuộc tiếp-xúc với đại-biều Việt-nam. Vốn đã sợ Pháp từ lâu, chính-phủ Thanh-triều chẳng những không dám giúp Việt-nam, mà lại còn an-tri Nguyễn-Phúc-Thuyết tại Thiệu-châu !

Riêng vua Hàm-Nghi, khi quân Pháp cướp Nghệ-an, Ngài cũng bị giặc bắt (22). Quân Pháp đem Ngài sang Paris (23) hòng tiêu-diệt mưu-đồ trờ về nước của Ngài. Chưa hết, chúng còn lừa-dày Ngài sang tận Algérie, và cấm chỉ người Việt-nam qua lại thư-tin.

Thật ra, địa-thể Việt-nam hiềm-yếu ; nhân-dân Việt-nam, dân cũng như quân, đều nhanh-nhẹn, hùng-dũng, dồi-dào tinh-tuần và khả-năng chiến-dấu ; quân Pháp chưa dễ đã xâm-chiếm được. Chỉ vì vào thời vua Tự-Đức, có gian-thần Trần-Tiễn-Thành và Nguyễn-văn-Tường ; hai người cầm quyền quốc-gia trong lạy, mà vừa nhút-nhát iron-hèn, vừa lòng lang dạ cáo. Tệ nhất lại là Nguyễn-văn-Tường, một người xảo-trá a-dua ; được vua tin-eagy, hắn vẫn thường nuối chí soán đoạt. Lợi-dụng khi nội-tình quốc-gia rối bời, bèn ngoài giặc Pháp dòm ngó ; thế-dịch lại hùng mạnh ; Tường đã dùng các thủ-doan ngoại-giao hiếp-chế triều-định, mưu-đồ tham-vọng ich-kỷ. Đem

tiền của đút lót đi lại với địch, Tường còn ước hẹn với quân Pháp tự-nguyện làm nội-ứng ám-trợ. Làm Cơ-mật-viện đại-thần, mà mỗi điều bí-mật quốc-gia, y đều bảo cao cho địch quân biết trước. Ngược lại, người Pháp cũng thường cho Tường tiền của, và do sự đi lại này, mọi bí-mật về giao-thông với hai nước Anh, Đức đều bị Tường làm cho bại-lộ.

Trong nước lúc bấy giờ lại có bà Thái-hậu họ Phạm (24) mẹ đẻ vua Tự-Đức, là một người đàn bà đã ngu lại tham, mọi việc triều-chính đều can-dự vào. Trong khi đó vua Tự-Đức, bất cứ việc gì cũng phải hỏi được ý-kiến của mẹ rồi mới dám thi hành. Biết vậy, Nguyễn-văn-Tường liền đem tiền của Pháp cho, dâng lên Thái-hậu để tìm cách lung-lạc.

Thật là một bà u-mê, một tên gian-tặc cầu-kết lộng quyền trong ngoài, làm điên-đảo chính-sự quốc-gia. Những bậc chính-nhân quân-tử lần lượt bị hãi-hại, kẻ bị giết, người bị truất quyền đuôi về nhà.

Kịp đến khi kinh-thành bị Pháp chiếm. Chính Nguyễn-văn-Tường đã dẫn giặc vào thành. Trong khi Nguyễn-Phúc-Thuyết cầm quân cự địch, cho người bảo Tường mang quân tiếp-ứng : chẳng những Tường không làm, mà còn tìm cách liên-lạc với quân Pháp để báo tin !

Thuốc đạn hết không được tiếp-cấp, thành bị vỡ ! Địch quân chiếm thành !

Cho rằng là dọ công-lao của mình, Tường những mong được quân Pháp phong vương ! Nhưng, vốn ghét-hạng người phản-trắc, lại sợ dùng sê-sinh hậu-loạn, người Pháp đày Tường ra biển, vứt thây xuống nước rồi đem cái hòm sắt không trổ về (25), buộc con cháu tên gian-thần phải chuộc vàng 10 vạn. Ấy dó, người Pháp gian-giảo như vậy. Nhưng dân cõi vào nhà thì bị cõi vỡ. Những kẻ mượn huy-cop làm xẳng, bá-lại không biết lấy tên giặc Tường làm gương sao !

Nhắc lại thời-kỳ tiêu-nhân năm quyền-chính, triều-định nát, kinh-thành thất-thủ. Nhưng khi vua Hàm-Nghi bá

nhiều hai viên Khâm-sai phung-mệnh đi thương-nghi đều là những người có đảm-lực cơ-mưu, dựa theo tinh-thần hòa-trúc giao-thương và giảng-đao đã có từ trước mà cương-quyết giữ vững lập-trường tranh-luận, thì cũng chưa đến nỗi để mất hết lợi-quyền quốc-gia về tay giặc. Nhưng đáng phàn-nàn biết bao! Hai viên Khâm-sai đại-thần Phan-Thanh-Giản và Lâm-Duy-Nghĩa (13) lúc bấy giờ tinh-thần cũng như tài-năng quá non kém, đầu chồn gan thỏ; vừa thấy quân Pháp đã sợ run, mồ hôi tuôn như mưa xối. Giả-sử người Pháp có bắt phải đem nộp cả cha mẹ, dâng cả chưc-tước, thì hai ông này cũng cứ cùi đầu mà dâng nộp cả hai tay, nói chi đến 6 tỉnh Nam-kỳ (14)!

Sáu tỉnh này, nhân-dân giàu khí-lực, thóc lúa lại dồi-dào (*thóc lúa xuất-khẩu tại Tây-công đem lại nguồn-lợi rất lớn*); thật là một kho báu trời cho Việt-nam. Người Pháp tới đây kinh-doanh đã lâu tới bốn, năm mươi năm. Nhưng đến thời-kỳ này chúng mới phơi bày thủ-đoạn lang sói, vo-vết thẳng tay. Lại chiếm thêm cửa biển Cần-giờ là cửa biển sâu rộng nhất mà cũng là cửa ngõ của Việt-nam: thuyền tàu Âu-châu tới đất nước Việt-nam không thể không qua cửa biển này được.

Mở đầu cuộc kháng-chiến chống quân xâm-lược Pháp, lúc bấy giờ có Hương Tiển-sĩ Nguyễn-Huân, võ Cử-nhan Nguyễn-Trung-Trực, Hương Vi-hộ (15) Trương-Định, Trương-Bách-Nghĩa-quân của các anh-hùng dân-tộc này đã giao-tranh dũng-liệt với quân Pháp hàng trăm trận. Nhưng cuối cùng vì lực-lượng vũ-khi non kém so với địch quân, nên đành thất-bại. Gia-thuộc các vị anh-hùng này đều bị giặc giết, mồ mả tàn hoang!

Đặc-biệt, Nguyễn-Huân là người vô cùng dũng-liệt. Trong cuộc khởi-nghĩa diệt thù, Nguyễn đã 3 lần bị Pháp bắt. Nhưng cứ mỗi lần bị giam cầm, Nguyễn lại tìm cách thoát ngục, lại tìm cách xây-dựng lại nghĩa-quân để tiếp-tục kéo dài kháng-chiến. Cho đến lần cuối cùng bị giặc bắt rồi kết án tử-hình; ra pháp-trường trước khi lâm-hình, Nguyễn còn làm thơ có câu như sau :

*Nỗi xung-mất via quân Hồ-Lô  
Quyết thắc không hàng rặng núi sông (16).*

Trước thái-độ bất-khuất của Nguyễn, người Pháp xử tội chém và cho ném thi-hài xuống biển (17).

Tới Tự-Đức năm thứ 35 (18), Pháp-quân chiếm thành Hà-nội. Tông-đốc Hoàng-Diệm biết thế giữ thành không nỗi đã cắt máu viết biếu trước khi thắt cổ tuân-tiết. Biểu có câu :

*Dám đâu nói lòng trung nghĩa  
Những lo sự thế tối nỗi  
Mất thành không tài cứu vãn  
Sống hẹn cùng Đô nhán-sĩ trên đời  
Thân chết nào có tiếc chí  
Chết nguyễn theo Nguyễn-tri-Phương dưới đất.*

(Trong một trận Pháp tấn-công Hà-nội lần trước, cha con Tráng-liệt-bá Nguyễn-tri-Phương đã tuân-tiết)

Trong thời-gian này, một vị hulu-quan tên là Nguyễn-Cao, đô giải-nguyên, nguyên Án-sát Hải-dương và Bắc-ninh cũng đã tuân-tiết. Trước quốc-nạn, Nguyễn-Cao đã qui-tu được hàng ngàn nghĩa-quân, mưu-đồ khôi-phuc tinh-thành. Bị quân Pháp bắt, Nguyễn lấy dao mổ bụng, tự tử, nhưng chưa chết ngay, bèn lấy dao cắt lưỡi. Có người làm thơ điếu ; thơ có câu rằng :

*Thề cùng trời đất phơi lòng dở  
Cắn chặt non sông khạc lưỡi hồng.*

Nguyễn chết, nhưng người Pháp vẫn hàn vi đã không được tý tay giết Ông, nên chúng còn chém đầu bêu giữa chợ !

Thời-gian không lâu sau đó, các tỉnh thành khác lần lượt bị địch quân xâm-doạt. Đến năm Giáp-Thân, Kiến-Phúc nguyên niên, quân Pháp lại đem binh thuyền tấn-công cửa Thuận-an (19), buộc Việt-nam phải trả lại cho nhà Thanh ấn-tin đã được vua Thanh phong vương cho vua Việt trước đây. Như vậy, nhà Thanh đã thực-sự nhường Việt-nam cho Pháp bắt đầu từ năm này.

chiểu Càn-Vương, những vị anh-hùng ưng-nghĩa và hy-sinh cho đại-cuộc cứu-nước, nếu không phải là hàng đã bị bãi-truất quyền ở biên-quận, thì cũng là những người quân-tử đang nhàn-lản giang-hồ, không quyền không-vị, những trang-hào-khiết không có một tấc sắt trong tay; cầm-kịch trước mỗi thù vong-quốc, mà coi cái chết nhẹ-tura lông-hồng. Cho nên, trừ Tây-Công vốn đã bị chiếm-từ lâu (26), cơ-cấu nguy-quyền ràng buộc ngày-thêm-thắt-chặt, khó-lòng hoạt động chống-lại-giặc; còn thì tại các tỉnh Trung, Bắc-kỳ khác, cho đến những vùng chân-núi ven-biển, xa-xôi hẻo-lành, không đâu là không có nghĩa-quân khôi-nghĩa, cùng-thề sống-chết với giặc-thù; lâu-thì vài-mươi năm, mau-lắm cũng-một-vài-năm.

Có người đánh-nhau với Pháp mà chết.

Có người bị Pháp bắt-giết.

Có người bắt-khuất không chịu-giặc-dụ-dỗ mà chết.

Lại có người tuy-mặt ngoài-cộng-tác với Pháp, mà bên-trong vẫn-âm-thầm-lo-dai-sự, rồi bị bại-lộ co-mưu mà chết.

Cũng có người căm-gặc-trần-hồng tìm-phương-diệt-thò mà chết.

Thật thương tiếc biết bao! Anh-hùng kiết-sỹ, kết-tình của ngàn-năm giang-sơn tú-khi mà chẳng-gặp-thời, đến-nỗi biển-thành khói-lan tro-ngọc, khác-nào sóng-giận-biển-dông-dâng-lên-rồi-lại-tan-biển-di-không-còn-nữa!

Đau-xót-thay! Nghĩ đến-thảm-trạng này lúc-nào-lại-ruột-thắt-lệ-rơi, tâm-hồn-não-nuột; muốn giải-bày mà chẳng-nở, muốn-im-miệng cũng-chẳng-dành. Than-ô! Lúc đắt-nước thanh-bình, thì trên-miếu-đường bọn-bất-tài ăn-no say-ngủ; đến-khi nghiêng-ngửa giang-sơn, thì nơi-chiến-địa sa-trường-tráng-sỹ quên-mình dành-nuốt-hận.

Nếu như-trước đây, khi nước-chưa-mất, có được-hàng-vạn ngàn-nghĩa-quân-tráng-sỹ này từ-trong-triều đến-ngoài-quận, cầm-vận-mệnh-trong-tay; thì nước-mất-về-tay-giặc-sao-được-i

Trời-nắng-thì-chẳng-lò-toán,  
Đến-khi-gió-cuốn-mưa-chán-thở-dài.

Ai-làm-nên-nỗi-này, ai-gây-nên-nỗi-này? Ngàn-vạn-anh-hùng-tráng-sỹ dưới-suối-vàng-biết-không, không-hiết, chắc-cũng-chẳng-vui-gì khi-demet-tâm-thần-trung-liệt-của-mình để-nong-đèn-đáp-lại-thảm-nạn-quốc-phá-quân-vong. Đau-xót-thay! Những-những người cầm-vận-mệnh-quốc-gia nõ-nào để-cho người đồng-chủng chỉ-có đưọc-cái-tiếng-thơm-trung-liệt mà-thôi-hay-sao?



## CHƯƠNG THỨ HAI

**TIỂU TRUYỆN**  
**CÁC ANH-HÙNG CHÍ-SĨ KHI MẤT NƯỚC**

**NGUYỄN-BÍCH**

Ông quê ở Nam-định; đỗ Nhị-giáp Tiển-sĩ (27). Lúc quân Pháp tiến chiếm tỉnh-thành Hưng-yên, ông còn làm Tuần-vũ. Tại đây, ông đã anh-dũng giữ thành, quyết tử-chiến với quân giặc. Nhưng rồi thành mất, ông bỏ vợ con, lên núi kết-nap nghĩa-quân. Toàn hụt Bắc-kỳ, những người trung-nghĩa đều qui-tụ dưới ngọn cờ cách-mạng kháng-chiến của ông.

Hơn hai năm qua, nghĩa-quân ông đã nhiều lần giao-chiến với quân Pháp. Gặp khi vua Hàm-Nghi hạ chiếu Cần-Vương, ông liền phung chiếu sang Trung-quốc cầu-viện. Được các ông Hoàng-Đinh-Kinh và Lý-Tử-Tài giúp đỡ, mưu-đồ khôi-phục hai tỉnh Tuyên-quang, Lạng-sơn; nhưng chẳng may ông tử-trận. Gia-dinh thân-thuộc ông từ Nam-định trốn chạy lên Lạng-sơn mất những hơn 10 ngày.

Quân Pháp cho rằng tin ông chết là giả-tao, nên bắt giữ toàn gia. Lúc bấy giờ cụ bà thân-sinh ông đã 70 tuổi, mà quân Pháp vẫn bắt giam vào nhà pha, lâu năm không thả.

Vì cuộc khởi-nghĩa của ông mà hào-dịch làng Trinh-phô, cư-quán của ông, cũng bị Pháp bắt giam, tịch-thu gia-sản. Mục-dịch là khủng-bố đe-dọa để bọn này tìm ông cho ra. Thật là một người tận trung với nước, cả làng oan khóc tröm phần. Cái lưu đúc « văn-minh » ghê-gớm đến thế sao ?

**VŨ-HỮU-LỢI**

Ông quê tại Nam-định; đỗ Tiển-sĩ. Khi thành Nam-định thất-thủ, ông cũng bỏ luôn chức Đốc-học tỉnh này mà về quê (buổi đầu, mỗi khi hạ xong một thành, chiếm một phủ huyện, thì những quan-chức Việt-nam nào chịu đầu hàng, người Pháp vẫn cho giữ nguyên chức nguyên hàm; mục-dịch là để mua chuộc làm tay sai) cùng với người bạn là Đỗ-Huy-Liêu mưu-đồ khôi-phục.

Công việc cách-mạng đang âm-thầm chuẩn-bị, thì lại tiếp được chiếu Cần-Vương. Ông liền phất cờ khởi binh. Quân Pháp đã phiêu lẩn giao chiến với nghĩa-quân của ông nhưng không thắng được.

Lúc bấy giờ có tên Nguyễn-văn-Báo, đầu đội mũ Tiển-sĩ, mà lòng dạ lại chó heo, in một tên Việt-gian phản-bội. Được quân Pháp đem mời quan trước nhử, Báo nhận làm giàn-diệp cho chúng. Tưởng rằng Báo là bạn đồng-khoa, Lợi thật lòng tin Báo. Không ngờ Báo đi tin cho Pháp mang quân đột-nhập đồn, thế là Lợi bị bắt.

Lúc này tình-hình Bắc-kỳ chưa ổn-định, nên Pháp cũng muốn đem quan-tước chiêu-dụ Lợi để hòng thu-phục nhân-tâm. Nhưng Lợi vẫn giữ vững tinh-thần bất-khuất. Thế rồi, đúng vào ngày 30 Tết, Lợi bị Pháp chém đầu treo giữa chợ phía Nam thành.

Có người cảm-khai, làm câu đối điếu Lợi mà dung-ý nhắc đến việc làm hèn hạ của Báo. Câu đối như sau :

« *Thần chết giặc chưa tan, lệ thảm anh hùng tuôn chảng ngọt.  
Bạn bầu khi trả mặt, ngọc vàng sụp dây còn chăng?* »

**ĐỖ-HUY-LIÊU**

Cũng quê tại Nam-định. Đỗ Nhị-giáp Tiển-sĩ. Gặp khi nước mất, cùng Võ-Hữu-Lợi đồng mưu-sự bị nhà cầm-quyền

## ĐỊNH - VĂN - CHẤT

Người Nghệ-an ; khởi-nghĩa Cần-Vương nhưng thất-bại, bị nhà cầm-quyền Pháp bắt chém treo đầu. Cho tới khi thi-thề ông rửa ra, mòn-dồ xin đem về mai-tang. Nhưng nhà cầm-quyền Pháp chỉ cho chôn thây, còn đầu thì đốt đi. Một cường-quốc văn-minh mà hành-vi lại như thế đó ! Bất hạnh thay cho ông Chất lại gặp phải !

Gia-thân ông, vì thời-cuộc thân-phu và bào-de ông đã tử-nạn từ trước ; cho đến cả hai con trai, một con gái, hai cháu gái của ông còn thơ-dại cũng bị giặc giết nốt. Một quốc-gia văn-minh mà say máu đến như vậy được sao !

Trước kia, Định-văn-Chất đỗ Tiến-sĩ và đã từng làm Tri-phủ Nghĩa-hưng. Ông rất được lòng quân dân địa-phương. Đánh nhau và thắng quân Pháp nhiều trận ; cho đến khi thành Nam-dịnh thất-thủ, ông vẫn không để cho phủ Nghĩa-hưng bị rơi vào tay giặc. Do đó mà quân Pháp đã trả thù ông tàn-khổc như vậy. Phải chăng con người Việt-nam hết lòng yêu nước lại là xúc-phạm nặng nề đến pháp-luat của người Âu-châu ?

## NGUYỄN - HIỆU VÀ PHAN - BÁ - PHIẾN

Hai ông đều quê ở Quảng-nam ; làm quan nhưng không phụ-trách việc gì quan-trọng. Khởi-nghĩa kháng Pháp 3 năm liền huyết-chiến, mà địch-quân không làm gì nổi.

Lúc bấy giờ có Nguyễn-Thân, người Quảng-ngãi, trước từng có tên trong tổ-chức, nhưng sau phản-bội, ra đầu thú với Pháp, làm một trong những tên tay sai đặc-lực nhất. Đồ-dảng của Thân là Lê-Khiết, cũng là một con chó săn chỉ-diểm rất đặc-lực ; thường-xuyên tích-cực đi lùng tìm nơi ẩn-cứ của hai ông Hiệu và Phiến. Nhì cợp được thèm móng vuốt là Thân và Khiết, quân Pháp càng ra sức tìm bắt hai ông.

Biết rằng nghĩa-quân sẽ bại, những người nghĩa-khi trong 3 tỉnh tất bị khủng-hỗ tàn-sát, Hiệu mới bàn mưu với Phiến rằng : « Hai ta là vai chủ chốt của nghĩa-quân cách-mạng trong 3 tỉnh này. Nay gặp tình-thế không còn hoạt-động được nữa, thời thì cũng đến chết là hết. Nhưng nếu hai ta cùng chết thì cũng chẳng ích gì cho đại-sự. Vậy ông cứ chết trước, còn tôi sẽ tìm cách phản-tán nghĩa-quân, rồi tìm cách tự để cho giặc bắt. Giặc tất sẽ tra-khảo ; tôi nhân đó sẽ liệu bẽ che đầu tổ-chức cách-mạng. Một mình tôi chết, không đáng tiếc chi ; tổ-chức cách-mạng ta còn, có ngày chí ta phải thành-tựu, và như vậy là hai chúng ta như không bao giờ chết cả ».

Phiến rất cảm-khai và đồng ý với cơ-mưu của Hiệu. Liền đó, Phiến mặc áo đội mũ, hướng về cửa Khuyết lạy năm lạy, rồi lại quay sang Hiệu lạy tiếp mà nói : « Thời bác gắng ở lại, tôi đi ! » Nói xong dốc bầu thuốc độc uống một hơi, tuân-tiết.

Lúc sinh-thời, khi khởi phát đại-sự, Phiến vẫn thường mang thuốc độc trong túi áo ; lập chí của ông hy-sinh vì cách-mạng, vốn đã có từ lâu.

Về phần ông Hiệu, sau khi ông bị bắt và giải về kinh-đô Huế, nhà cầm-quyền Pháp cho họp hình quan tra-khảo.

Lúc bấy giờ, nghĩa-quân cách-mạng 3 tỉnh những người có tên tuổi đã có khoảng trên vài trăm. Nhưng Hiệu vẫn giữ vững một lời cung xưng chỉ có một mình ông là chủ chốt « làm giặc » mà thôi. Còn tất cả mọi người khác đều bị ông dùng uy-lực ép buộc. Và vì sợ bị đốt nhà nên không thể chống lại ông, chư họ không có lòng gì khác cả. Chỉ chém một mình ông là đủ, không cần tra-vấn làm khổ họ nữa. Án thành, Hiệu không nói gì thêm và đưa cổ chịu chém !

Dưới cờ cách-mạng của Hiệu có Hồ-Học, là một nông-dân áo vải, khởi-nghĩa và nổi danh là chiến-tướng. Nhưng Học cũng bị giết.

Than ôi ! Hai ông Hiệu và Phiến chẳng quản thân chết nhau tan, chỉ một lòng tận-tuy lo cho nghĩa-quân an-toàn để mưu-đồ

Pháp bắt giam, không cho ăn uống. Nhưng còn mẹ già phải nuối, Liêu chưa dám tuẫn-tiết; luôn mấy năm liền bị giam giữ như vậy.

Kịp khi tình-hình ôn-định, nhà cầm-quyền Pháp cho rằng Liêu tuy có âm-mưu nhưng chưa thực-sự có hành-động phản-kháng, nên phỏng-thích Liêu. Tuy nhiên hàng tháng Liêu bị buộc phải đi trình-diện nhà chúa-trách Pháp một lần.

Cho đến mấy năm sau, khi mâu-thân mất và cù-tang xong, Liêu cho mời tất cả môn-sinh tử-đệ tới nhà rồi dặn dò rằng: « Trước đây ta sở dĩ cứ phải dùng-dắng chưa dám chết là vì còn bà mẹ già. Nay mẹ ta đã mất, tang đã trọn, thì ta chết được rồi ». Nói xong uống thuốc độc tuẫn-tiết.

Sinh thời, Liêu là người bên ngoài có phong-thái ôn-nhã, nhưng trong lòng dào-dạt khi-khai hiên-ngang. Mỗi khi có ai đê-cập đến người Pháp, hoặc những hành-động của người Pháp nô-lệ-hóa người Việt-nam, thì Liêu chỉ mỉm cười không đáp. Tuy vậy, bao giờ Liêu cũng nghĩ tới và ôm ấp một chi-khi tựa như Trương-Lương, Khổng-Minh. Vậy mà bị quân giặc ràng buộc khó khăn, chung thân Liêu vẫn chưa có cơ hội trở bảy tài-chí. Thường Liêu có làm bài thơ rằng:

« Trăm ngàn năm mới có một ngày  
« Mười mong, tám, chín được là may  
« Chưa già, Đỗ-Phủ luống hoài cõ  
« Tái sinh, Giả-Nghi cũng khóc nay ».

## TỔNG-DUY-TÂN

Ông là người Thanh-hoa (28); đỗ Tiến-sĩ. Toàn-gia bị người Pháp giết hại, tuyệt cả dòng dõi.

— Năm đầu niên-hiệu Duy-Tân, ông bỏ quan về làng; cùng con là Cử-nhan Tổng-Duy-Thanh ứng-nghĩa Cầu-Vương, khởi-nghĩa ở vùng Thanh-hoa; liên-kết với các ông Cầm-Bá-Thước và Đinh-văn-Mao,

Nghĩa-quân của các ông ước khoảng vài ngàn người, đã nhiều lần chiến-thắng quân Pháp. Lại được Nguyễn-Qui-Yêm người Nghệ-an cũng đem nghĩa-quân tới hội-ứng. Quân kháng-chiến lập căn cứ tại Sầm-tố (29).

Lúc bấy giờ tại Thanh-hoa có tên Cao-Ngọc-Lệ là một con chó rất dắc-lực của Pháp. Lệ nguyên là một viên thuộc-lai của Tống-Duy-Tân; vì vậy mà Duy-Tân đã bị Lệ dối lừa, rồi bị Pháp bắt. Vốn là người nỗi tiếng đương-thời, nên Duy-Tân được những người — dù là tay sai của Pháp, — âm-mưu giải-thoát, nhưng cũng không thành. Cuối cùng Duy-Tân bị Pháp chém bêu đầu. Riêng gia-quyền, thì trong thời-kỳ Duy-Tân chưa sa vào tay giặc cũng đã bị giặc bắt giam vào ngục tối mà chết. Nguyễn-Qui-Yêm cũng bị giặc giết.

## NGUYỄN-ĐÔN-TIẾT

Quê Thanh-hoa; vốn người lanh-lợi, và có chí lớn. Đang chuẩn-bị khởi binh ứng-nghĩa thì kế-hoạch bị bại-lộ; bị nhà cầm-quyền Pháp bắt giam và tra-tấn cực-hinh, nhưng vẫn kiên-quyết không cung-khai một chi-tiết nào về tổ-chức nghĩa-quân. Nhà cầm-quyền Pháp dẫn ông ra chém mấy lần rồi lại không chém, mục-đich để khống-bố tra-khảo ông về toàn bộ tổ-chức Đảng. Nhưng ông vẫn khăng-khang bảo-toàn bí-mật. Cuối cùng Pháp đày ông đi Lao-bảo.

Than ôi! Nguyễn-Đôn-Tiết! Con người 10 năm trước đó còn phong-độ nho-nhã nỗi tiếng tài danh; giờ đây mặc áo tù, mang xiềng-xích, tay cầm dao rựa, phải đi theo lung bỗn giặc làm đủ mọi việc cực-phục nặng-nề!

Sinh thời, Nguyễn-Đôn-Tiết đỗ Tiến-sĩ, từng làm quan Tri-phủ, nhưng lòng vẫn mang nỗi nặng-quốc-ưu; đã bao lần kêu nạp những tay anh-hùng bảo-hán mưu đồ đại-sự. Ông không chịu chết không phải là sợ chết đâu! Cái làm-sự mồi-mòn ấy biết bao giờ có được một niềm vui ở dưới suối vàng!

tiếp-tục đại-sự. Trong con mắt, trong cõi lòng các ông chỉ có hình ảnh duy-nhất là Tồ-Quốc và Đồng-Bào ! Những tấm can-trường ấy thật trời đất phải trọng, quỉ thần phải ghi. Ngó lại những đờ-dảng kia, cứ lây-lết sống thừa, sa đà đến chết, chẳng còn nhận ra được trên đời này đâu là điều đáng nhục, đâu là điều đáng hận. Sao khỏi hổ-thẹn với anh-linh của hai ông ở dưới suối vàng !

## LÊ-TRUNG-DỊNH VÀ TRẦN-DU

Hai ông đều người Quảng-Ngãi, đồng hương với Nguyễn-Thân. Cũng là dân Quảng-ngãi cả, mà hai ông kháng Pháp, Thân lại theo giặc. Trong khi hai ông vì đại-nghĩa Cần-Vương mà tử-tiết, thì chính Thân lại là kẻ mưu hại hai ông. Đối với Việt-nam, Thân là người đồng-chủng, đối với Quảng- ngãi, Thân lại càng là đồng-chủng thân-thiết hơn ! Ôi ! Đồng-chủng mà không hiết yêu đồng-chủng đã là quá lầm ! Lại còn vì dị-chủng mà cầm dao giết hại đồng chủng nữa ; không biết Thân là hạng người có tâm-dịa như thế nào !

Người Pháp mến Thân, chuộng Thân, nâng-đỗ Thân, không biết có được lợi gì ? Nếu như tổ-tiền cha mẹ Thân đều sinh-quản tại Pháp, thì người Pháp lấy gì làm bảo-fảm Thân sẽ không vì một chủng-tộc khác mà làm hại nước Pháp không ? Ngày nay Thân phản-bội dân-tộc Việt-nam, quên quê-hương Quảng- ngãi mà làm tay sai cho Pháp, thi ngày kia Thân lại sẽ quay lurng lại với Pháp, quên Khâm-sứ Pháp, để làm tay sai cho kẻ khác chống lại Pháp. Những trò phản-phúc như vậy, Thân vốn hay làm ; người Pháp quả ngu dại đến như thế sao, quả dẽ bị người ta lừa dối đến như thế sao ? Nếu vậy thì người Pháp tin yên Thân, con người phản-trắc sờm bạn chiểu thù đó, rồi sẽ cho Pháp một bài học, sẽ liên-kết với giặc để chống Pháp, sẽ dẫn người dị-chủng với Pháp tới đánh lại Pháp, việc đó Thân làm như trở bàn-tay.

Nhưng người Pháp đâu có ngu và dẽ bị lừa lọc, người

Pháp chắc không bao giờ tin Thân, hạng người mất gốc như thế. Nguy thay Nguyễn-Thân !

## PHẠM-TOẢN

Người Bình-định ; là võ học-sinh, ở trong tổ-chức nghĩa-quân Bình-định ứng-nghĩa Cần-Vương. Toản là một người hiền-hách, từng đánh nhau với quân Pháp 3 năm, nhưng công việc chưa thành, thi Toản đã chết trong núi. Nhà cầm-quyền Pháp thuê người vào núi tìm được mộ Toản, khai quật thi-hài lên và đốt cháy. Những việc lâ-lùng như vậy, tưởng cũng là rất thông thường đối với một quốc-gia « văn-minh » như Pháp !

## LÊ-NINH

Người Hà-tĩnh, được lập Ấm-sinh, đứng ra lập nghĩa-dảng. Ninh là con nhà thế-gia lại giàu có. Hồi còn thiếu thời, Ninh đã thấy rõ nguy-cơ vong-quốc, và đã có chí xông-phá tên đạn. Ninh kết-nạp các anh-hùng hiệp-khách, dùng tiền rất hào-phóng, thủ-hạ có hàng vài trăm tấc-sí.

Khi kinh-thành Huế mất, Ninh ứng chiểu khởi-nghĩa Cần-Vương, làm Nghĩa-quân Tham-tán. Quân Ninh đã từng đánh bại quân Pháp nhiều trận, chém đầu nhiều tướng Pháp. Khi Ninh bị bệnh chết, nhà cầm-quyền Pháp nhân đó phân-tán dân làng sang các làng khác và xóa luôn tên làng ấy. Anh em Ninh có 5 người, thi 4 người đã chết vì nạn nước. Nghĩa-quân dưới cờ Ninh sau khi Ninh mất, đều gia-nhập vào nghĩa-quân Phan-Đinh-Phùng. Nhiều người trở thành chiến-tướng tài giỏi.

Lê-Ninh tuy không thành-công, nhưng quả thật xứng-đáng với vai-trò nổi bật nhất trong tổ-chức nghĩa-dảng.

## HÀ-VĂN-MỸ

Người Hà-tĩnh ; vốn là thư-sinh ứng-nghĩa Cần-Vương.

Người có mưu-trí thâm-trầm. Thường hay cải-trang hồn nhập vào đồn binh Pháp làm gián-điệp rất đặc-lực cho nghĩa-quân; lấy trộm vũ-khi quân-trang của giặc, vận-chuyển vào núi, mà giặc không thể làm gì được. Về sau, bị trúng thương vì quân thù, Mỹ tự tay bắn luôn vào cổ tuẫn-nạn.

Lúc sinh thời, Mỹ thường mang trong người loại vũ-khi ngắn gọn, tự nguyện không chịu để cho thân mình ô-uế vì bắn tay quân Pháp. Khác nào như con phù-du tự gieo mình vào lửa đèn (30), con người như Mỹ thật đáng thương thay! Tuy nhiên Mỹ cũng đã nêu gương vô cùng lâm-liệt trong nghĩa-đảng.

Mỹ chết rồi, nhưng quân Pháp vẫn hận vì không tự tay hại được Mỹ. Chúng bèn cắt đầu bêu chợ hơn 10 ngày. Con người như Mỹ có tội gì để cho người Pháp xử sự tàn-ngược? Thế mới là hành-động của một nước « văn-minh » sao?

## NGUYỄN - SĨ

Người Nghệ-an. Võn là tay giang-hồ phiêu-bạt (31); thường mang trong người cây đoán dao. Mỗi khi nghe nói đến quân Pháp, Sĩ liền trợn mắt nghiến răng, tóc dựng đứng, thề quyết chém đầu giặc.

Sĩ gia-nhập nghĩa-quân, được giữ chức Lãnh-binh. Trải qua hàng trăm trận giao-chiến, chưa bao giờ Sĩ tránh né quân địch. Sĩ lại có tài phủ-du quân binh và thương-yêu sĩ tốt. Những khi được thương-cấp tướng-thưởng vàng bạc, Sĩ liền phân chia đồng đều cho mọi binh-sĩ thuộc cấp, không hề tư túi một đồng.

Than ôi! Không tham tiền, không sợ chết, Sĩ gồm cả hai. Được một phần-tử giang-hồ phiêu-phat mà có đức-tinh như vậy, ta cũng thấp hưọng cùi đầu mà lạy ngàn vạn lạy.

Khi Sĩ chết, quân Pháp còn cho đào mả Sĩ.

Tuy xuất thân ở địa-vị hèn mọn, Sĩ vẫn là chiến-tướng

nổi danh trong đám nghĩa-quân. Và sau Sĩ, tại địa-phương Nghệ-an, ít thấy có người nào được như vậy.

## NGUYỄN-HỮU-CHÍNH và NGUYỄN-XUÂN-ÔN

Hai ông đều người Nghệ-an ; đồ Tiển-sĩ ; nhiệt-thành yêu nước ; bẩm-tính đều chân-thanh, nhưng so với Chính, Ôn lại có phần hơn.

Khi Ôn bị bắt bỏ cùi giải vào Huế, nhà cầm-quyền Pháp làm khô nhục đủ điều Nhưng đến chết ông vẫn bất-khuất trước quân thù.

Thật là vung dao vạch trời, ôm hận xuống đất, cừu nhẫn còn đó, lòng nào nỡ nhìn thấy con cháu giống nòi được!

## PHAN-ĐÌNH-PHÙNG

Năm Đinh-Dậu (32) quốc-nạn xảy ra. Vua Hàm-Nghi phải xuất-bôn, huyện Hương-khê tỉnh Hà-Tĩnh được chọn làm nơi hành-tại.

Hà-Tĩnh cũng thuộc Nghệ-an. Nhân-dân Nghệ-Tĩnh ứng-nghĩa Cần-Vương rất nhiều, chống nhau với quân Pháp một thời-kỳ rất lâu, mà thiệt-hại so với các tỉnh khác cũng có phần khốc-liệt hơn.

Trong khoảng 11 năm trời, nghĩa-quân Cần-Vương Nghệ-Tĩnh gồm đủ mọi thành-phần, kè cả những người làm nghề hàn-hạ, đã anh-dũng đạp mọi chông gai, cương-quyết vươn lên cùng hy-sinh chiến-dấu với quân giặc nước.

Trong cuộc bách chiến này, có những người thật là anh-hùng danh-tướng, như Chưởng-dinh Cao-Thắng, Đề-lãnh Nguyễn-Đăng... xông-pha dũng-liệt, tiếng tăm lẫy-lừng.

Chưởng-dinh Cao-Thắng, là người vừa dũng-cám, vừa thiện-chiến. Chỉ trong thây súng của Pháp một lần là có thể

bắt chước chế-tạo, mà tinh-xảo không kém. Trong những trận giao-chiến với Pháp, Thắng đã từng chém đầu nhiều sĩ-quan của địch cấp Thiếu-tíy, Trung-úy... Địch-quân sợ đến nỗi phải truyền bão nhau hễ thấy Thắng thì phải lẩn tránh.

Nếu Việt-nam có được vài trăm người như Thắng, thì quân Pháp lại không phải bỏ mà cúi đầu lùi-thủi về nước hay sao! Từ ngày Thắng gia-nhập nghĩa-quân, hễ khi nào thấy giặc là đánh liền, quả thực là một đối-thủ đáng sợ cho quân giặc. Khi Thắng chết, làng Thắng bị Pháp đốt, mộ Thắng bị Pháp khai-quật.

Đề-lanh Nguyễn-Đăng cũng là người quả-cảm không kém Thắng, mà về mưu-lược lại còn hơn.

Lúc đầu khi quân Pháp mới sang, Đăng đã từng đi lính cho Pháp, làm tinh-báo. Lợi-dụng công-tác này, Đăng dẫn quân Pháp đi lùng bắt nghĩa-quân kháng-chiến, nhưng lại âm-mưu với đồ-đảng đem rượu thịt thết lính Pháp ăn uống; thura lúc chúng no say, Đăng giết sạch, cướp hết vũ-khi rồi gia-nhập nghĩa-quân Cần-Vương, được phong-chức Lãnh-binh. Lâm trận, Đăng thường biết tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu của địch, lấy quân đang hăng đánh quân đã mệt-mỏi; tùy cơ ứng biến thần-tốc vô cùng, khác nào phong-độ của một vị danh-tướng đời xưa. Biết bao lần giao-tranh với giặc mà Đăng chưa hề bị bại. Tiếc thay trời đang giúp Pháp, nên đại-sir chưa thành.

Thắng và Đăng chết rồi, địa-phương Hà-tĩnh không còn ai là danh-tướng nữa. Cả hai, sinh thời đều phục-vụ dưới cờ nghĩa-quân Cần-Vương Phan-Đinh-Phùng.

Còn Phan-Đinh-Phùng, hồi thư-sinh cũng đã tỏ ra người tài ba lỗi-lạc, không chịu ép mình vào khuôn sáo đương thời. Đỗ Đinh-nghuyên, ông được bồ làm Ngự-sử.

Gặp lúc bọn quyền gian nắm vận-mệnh quốc-gia, mưu-đồ phế-lập, dùng uy-lực buộc triều-thần phải hội-hợp để vâng theo lời chúng; triều-thần ai nấy sợ nín im thin-thít; chỉ một

mình ông với vẻ mặt phùng-phùng nghĩa-khí cương-quyết chống lại và nghiêm-khắc đòn hặc bọn chúng chẳng chút e-dè.

Khi vua Hàm-Nghi hạ chiếu Cần-Vương, ông đang cư-tang thân-mẫu. Nhưng mặc tang-phục phung chiếu, ông bắt tay ngay vào công cuộc khởi-nghĩa; đốc-suất các đạo nghĩa-quân, xây đồn trại, tiến chiêm thành-trì của giặc. Hầu hết nhân-dân hai tỉnh Nghệ-an và Hà-Lĩnh đều ứng-nghĩa Cần-Vương, khiến cho uy-lực của Pháp như mất hết.

Pháp bèn lợi-dụng tay sai rất dắc-lực là Hoàng-Cao-Khai — vốn cùng quê với ông — dùng vàng bạc và lời lèng ngon ngọt du hàng, nhưng thất-bại. Ngay cả vị tân-quân lúc bấy giờ vốn đã bị Pháp uy-hiếp — cũng khéo-léo dụ ông đầu hàng, nhưng cuối cùng âm-mưu này của người Pháp cũng thất-bại nốt.

Dụ hàng không được, nhà cầm-quyền Pháp cho bắt giam những người thân-thích, đồng-thời cho đạo mồ-mả tồ-tiên của ông. Con em đến báo tin, ông khẳng-khai nói: « Mấy đời chịu ơn nước, phải cùng chung phần nạn nước, điều đó tồ-tiên ta chắc cũng cam lòng. Ta đã vâng theo tiên ý tồ-tiên, dầu chết cũng không thôi ».

Ông lại tiếp-tục dựa vào những nơi hiềm-yếu, nuôi quân, tích-trữ lương-thực, chế-tạo khí-giới, xúc-tiến mạnh thêm công-cuộc khởi-nghĩa, thanh-thể của ông vang dội khắp Trung-Bắc-kỳ.

Lúc bấy giờ Nguyễn-Thân được lệnh chủ Pháp chỉ-huy vài ngàn lính tập, cùng với vài ngàn lính Pháp, chia đường mở cuộc tấn-công vào lực-lượng nghĩa-quân. Nhưng trong khi địch quân còn dò-dẫm chưa vào được khu-vực do nghĩa-quân làm chủ, thì ông đã bị bệnh mà mất. Quân địch bèn phá-hủy hết căn-cứ của nghĩa-quân. Lúc này trong nghĩa-quân không còn ai là chiến-tướng tài giỏi như Cao-Thắng và Nguyễn-Đăng nữa để có thể đương đầu với địch, nghĩa-quân vì vậy cũng tan vỡ luôn. Than ôi!

« Nghĩa Khởi chưa thành, thân đã mất,  
Anh-hùng thảm áo, lệ lâm-ly ».

Lúc lâm-chung, ông có thơ tuyêt-mệnh như sau :

« Chín trùng lận-đận miền quan-tái  
Träm họ phôi-phá đám lửa nồng (33) ».

Nhà cầm-quyền Pháp tuyên-bố ai tìm được xác Phan-Đinh-Phùng thì sẽ trọng thưởng. Nhưng trong đám nghĩa-quân dưới cờ, chẳng một ai làm việc chỉ-dẫn cho địch. Chúng bèn cho xục-xạo trong núi, gấp một tên Mọi biết và chỉ-diểm mộ ông. Thế là chúng khai-quật lên, thấy tử-thi đúng là có một ngón tay thừa. Trên mặt quan-tài, lại có cái ấn « Lưỡng Kỳ Kinh-Lược Đại-Sứ Bình Tây Đại-Súy » do vua Hàm-Nghi sắc-phong. Chúng lôi tử-thi của ông ra, rồi đỗ thêm dầu vào mà đốt. Lại sợ có người lượm tro đem chôn, chúng bèn cho tán nhỏ và vãi tung ra cho mất hết tàn-tích (34). Thật xưa nay chưa bao giờ nghe nói tới một khốc-hình thảm-trạng như thế! Vậy mà lại thấy ở một quốc-gia « văn minh » Âu-Tây ! Đối với họng trộm cướp thực-sự cũng chưa có luật-pháp nào như thế, huống lại đối với một nghĩa-sĩ Cần-Vương sao ! Một nước « văn-minh » mà lại có hành-động như vậy, làm sao cho thiên-bụ khỏi ngờ !

Phan-Đinh-Phùng mất vào tháng 7 năm Ất-Vị (35), nghĩa-quân Cần-Vương ta vỡ ; thì đến tháng 11 năm đó, nhà cầm-quyền Pháp bắt dân 4 hạt phải bồi-thường số tiền chiến-phí 20 vạn đồng.

Việt-nam mất !

Thế là một dài từ Lạng-son ở Bắc, đến Hà-tiên ở Nam, từ biển Nam-hải ở Đông đến Xiêm-là ở Tây, bao gồm 36 tỉnh, hơn 120 phủ huyện, với dân-số 100 triệu (36) người già trẻ gái trai, đã hoàn-toàn nằm trong tay quân địch.

Cuộc chiến-tranh Pháp xâm-lược Việt-nam kết-thúc. Bắt đầu từ đây, chúng tha hồ dùng mọi thủ-doạn ác-độc để xây-dựng bộ máy thống-trị. Cũng từ đây, gót chân lang sói của chúng ngày càng dày xéo tàn-nhẫn lên đất nước Việt-nam.

### CHƯƠNG THỨ BA

#### CHÍNH-SÁCH PHÁP CAI-TRỊ VIỆT-NAM:

— LÀM CHO KHỔN-KHỒ  
— LÀM CHO NGU DỐT

— LÀM CHO HÈN YÊU  
— LÀM CHO ĐÙI MÙ

**R**ÔNG-RÀ 30 năm trời, dân-tộc Việt-nam phải gánh chịu thảm-họa chiến-tranh và thiên-tai kế tiếp nhau xảy ra ; khổ đau đền nghẹt thở. Giờ đây làm sao còn chịu đựng nổi những thủ-doạn cai-trị độc hại của quân Pháp ngày ngày róc hết xương da ! Phải chăng chúng chầy người Việt-nam sẽ bị tuyệt-chủng.

Nay đề-cập đến thủ-doạn độc-ác của người Pháp, chỉ những sợ người nghe cho là nói quá lời !

Mà thật thế ! Pháp là một quốc-gia văn-minh cường-thịnh, lại di xâm-lăng áp-bức một nước nhược-tiểu như Việt-nam, như vậy thì còn gì là quốc-thề Pháp. Người Pháp tự-nhận là giống người văn-miuh mà lại di giết hại người Việt-nam hèn kém, như vậy thì còn gì là chính-trị nước Pháp ! Chính vì thế mà tôi sợ nói người ta không tin.

Tuy nhiên, những điều tôi sắp trình-bày sau đây thực là tự mắt thấy, tự tai nghe, hoàn-toàn không phải là chuyện bịa đặt hay tưởng-tượng với dung-ý bêu-xấu người Pháp. Nếu tôi có dối trá thì trời đất chẵng dung !



Mắc mưu lừa-dối, các cường-quốc tin nghe luận-diệu phản-bua của người Pháp thật. Trong khoảng 30 năm nay, chẳng có một thương-thuyền cường-quốc nào ghé bến Việt-nam cả ; mà cũng chẳng có cường-quốc nào nghĩ đến đặt quan-hệ ngoại-giao và thương-mại với Việt-nam (40). Tôi nghĩ rằng các cường-quốc đó chua dẽ bị người Pháp đánh lừa ; tất nhiên cũng vì một nguyên-nhân nào đó mà tôi không thể hiểu được. Và cũng do đó, nhà cầm-quyền Pháp càng thúc ép trói buộc họ-hàng Vương-tộc thêm gắt-gao. Mỗi tháng vài ba lần nhà cầm-quyền Pháp kiểm-soát tên tuổi họ-hàng nhà vua, theo tên điểm người rất kỹ. Hễ có người vắng mặt là chúng truy lùng khắp nơi để tìm bắt trị tội. Hành-động như vậy phải chăng người Pháp sợ tình-hình bí-mật bị tiết-lộ. Gần đây, nhà cầm-quyền Pháp lại chấm dứt việc cấp lương cho hoàng-tộc ; vậy mà không một ai lọt ra ngoài được để tố-cáo trước dư-luận thế-giới và hiện-tinh sinh-hoạt của hoàng-tộc.

Đã có vua, Việt-nam cũng có hàng-ngũ bầy tôi. Thực-dân Pháp đối xử với hang triều-thần như thế nào, xin các ngài thử đọc những dòng sau đây sẽ rõ :

Giang-sơn Việt-nam tan-nát, ngôi trời nghiêng-ngửa, nỗi đau-dớn uất-hận đó, đã là thần-tử chịu ơn vua lộc nước, làm sao có thể nhắm mắt làm ngo. Vì thử nhân-dân Việt-nam hưng tai cúi đầu cam tâm phụng-sự người Pháp, thì còn gì là trời đất nữa !

Đã đành thế-lực của nhân-dân Việt-nam so với người Pháp thì còn sút kém khá nhiều, về cuộc đấu-tranh kháng Pháp của dân-tộc này có khác gì một đứa trẻ 3 tuổi đối đầu với một tên khồng-lồ cao lớn, sao không thất-bại được. Nhưng, những người chiến-bại đó, biết bao người vẫn nhất-định không chịu khuất-phục, cũng như biết bao người lúc chết vẫn căm giặc sôi gan !

Đại-diện cho những người không chịu khuất-phục phải kể đến Phan-Đinh-Phung, đến Phạm-Toản. Những người này, nếu như nhà cầm-quyền Pháp cứ để yên cho họ sống trong

thảm sơn cùng cốc, thì mãi rồi cũng đến nát với cỏ cây, có hại gì cho người Pháp (41). Đáng này, người Pháp lai ra tay ác độc, bắt giữ vợ con thân-nhân, làm tội làm lính họ-hàng làng nước của họ, lại còn khai-quật cả phần mộ của họ nữa ! Sở dĩ họ không chịu khuất-phục, chính là vì bôn-phân dương-nhiên của họ. Vậy mà người Pháp lại lột-trần thân xác họ, đem treo lên cửa thành, hoặc ném vào nước lửa, thật đau-dớn biết bao !

Lại có người vì quá đau giận mà tự-tử, như Nguyễn-Cao, như Hà-văn-Mỹ... những người chẳng có tội tình gì mà phải tự-sát, để vợ con khốn-khổ không nơi nương tựa, thật là oan khốc tủi sầu, trời rung đất chuyền ! Nếu như người Pháp biết nương bàn tay ác độc, lưu lại cho họ giọt máu ngầm vào lòng đất, thì người Pháp đã có thiệt hại gì ! Đáng này chỉ vì căm giận họ, muốn trả thù cho đã nư, người Pháp đã đào mồ lôi thi-hài họ lên mà đốt, cắt đầu mà bêu ! Thủ hỏi những xác chết như vậy làm gì được người Pháp nữa, mà còn bắt phải chịu những khổ-trạng xưa nay chưa từng có ở cõi đời này, để rồi dương-dời mắt hổ lang, dơ hai bàn tay ra múa, người Pháp lấy đó làm toại-nguyện. Làm như vậy không sợ người ta ghê-gớm phỉ nhão sao !

Cũng có người ra đầu hàng Pháp để mong khôi tội như các ông : Nguyễn-Thành, Phan-Trọng-Mưu (42), và Nguyễn-Quang-Cử (ba người này hai người đỗ Tiến-sĩ, một đỗ Cử-nhân, nên nhà cầm-quyền Pháp không giết, mục-dịch dùng họ để chiêu-du những kẻ khác), thật là những kẻ khép-nhược yếu hèn ! Đã là người trượng-phu nhưng tay vào đại-sứ, tè náo chỉ mới ném mũi thất-bại, đã vội mất hết nghĩa-khi, cúi đầu xin lũ giặc thương-tình ! Hạng người lòng dạ thối tha như vậy để lại cũng không sao, mà giết đi cũng chẳng nở. Tuy nhiên, ở quan-diễn của người Pháp thì họ là những người đã chịu hàng-phục, sao còn ra tay giết họ ! Thật thương thay cho bọn người hàng giặc ! Ở nơi ngoài cửa Bắc An-hòa (43), tất cả rồi cũng không thoát khỏi một lát gươm đưa !

Việt-nam là một quốc-gia theo chế-dộ quân-chủ, do đó xin trình-bày trước hết thái-độ xử-trí của người Pháp đối với nhà vua.

Vì quân-vương lúc bấy giờ là đức Hàm-Nghi, Ngài lên ngôi lúc còn ít tuổi, lại chỉ mới được một năm, làm gì đã có điều-thất đức bay phạm tội ác; chẳng qua chỉ là một vị vua vẫn-nhược mà thôi.

Khi người Pháp đánh chiếm kinh-thành, thì Ngài phải xuất-bôn; tới đâu thì cũng là giang-sơn của tổ-tiên đế-lại, có âm-thiệt-hai gì đến người Pháp. Vậy mà người Pháp đã đuổi bắt Ngài, lại còn đày Ngài sang thành Alger xa cách trùng-dương thăm-thẳm; lại giam giữ Ngài vào nơi tối-tăm, không cho tiếp-xúc với người ngoài, và cắt đứt mọi liên-lạc thư-tử với người Việt. Một vị vua chỉ có đức, không có tội (37) mà bị đày sang đất-khách; nếu như người Pháp muốn giết thì cứ giết quách đi! Đàng này người Paap lại cố dành lại mạng người đó để hàng năm vò-vết hàng vạn đồng, lấy cớ làm kinh-phí cung-dưỡng nhà vua. (*Hàng năm số thuế người Pháp thu của nhân-dân Việt-nam, được chia làm 3 phần. Người Pháp dành chiếm 2, người Việt-nam không được dự vào. Còn một phần nói là để làm chi-phí cấp dưỡng cho vua quan Việt-nam. Trong một phần ba này, hàng năm lại còn trích ra 3 vạn đồng nữa để bồi-hoàn cho người Pháp* (38), gọi là ngân-khoản cung-dưỡng vua Hàm-Nghi).

Kỳ-thực, việc cung-dưỡng nhà vua có hay không ra sao, người Việt-nam làm sao biết được. Người Pháp chỉ mượn 3 vạn đồng ấy để kéo dài cuộc đời một con người dở-sống dở-chết. Thật là độc-hại! Nếu như họ cuớp không số tiền đó, dân Việt-nam cũng chẳng biết làm sao hơn. Nhưng, muốn hợp-lý-hoa việc ăn cuớp này, người Pháp mới phải nguy-tạo ra câu-chuyện giả-nhân, giả-nghĩa đó. Đây thật là mánh-khóe gian-giảo của người Pháp!

Hiện thời vua Việt-nam tại triều là vua Thành-Thái (39),

Người Pháp lưu vua trong nội-điện, gọi vua là Hoàng-đế; nhưng lại cho lính Pháp canh giữ cửa điện. Mọi sự ra vào đều do bọn lính Pháp cai-quản. Bróc ra khỏi cửa một bước là nhà vua phải vâng theo hiệu-lệnh của chúng. Còn trong nước, bất cứ chính-lệnh chéo-chỉ nào, đều phải trình-xin và được nhà cầm-quyền Pháp chấp-thuận rồi mới dám thi-hành. Trái lại, khi nhà cầm-quyền Pháp ra chỉ-thị hay mệnh-lệnh gì, quan-lại tôi-tớ Việt-nam phải cúi đầu bái-lạy (*y như là đối với vua*) mà tuân-hành. Còn vua cũng chỉ biết gật đầu, mà chẳng dám mở miệng hỏi việc gì với việc gì... Làm vua một nước mà như vậy, thì có khác gì đã bị truất-phế. Nếu như người Pháp cứ tự-tiện công-nhiên viết là hai vị Hoàng-đế Đại-Pháp và Đại-Việt thì cũng chẳng có ai dám thắc-mắc, và có phải là êm-chuyện hơn không?

Đàng này, người Pháp cứ lưu cái ngôi vua bù-nhin như vậy. Mục-đích là để bao-nhiều chính-sách ác-ngược thi-hành tại Việt-nam cũng như khi vang-truyền ra ngoại-quốc, nếu gặp phản-ứng bất-lợi, họ sẽ dễ-bề tránh-trút: « *dó là nguyên-vọng của vua quan Việt-nam!* Vua quan Việt-nam thỏa-thuận như vậy... » Người Pháp cho rằng nhân-dân Việt-nam mù-và-diếc, và cả thế-giới cũng như không có công-luận. Vì vậy mà chúng cũng cho rằng cái mưu mô-xảo-trá đó có thể dùng để đánh-lừa nhiều người Việt-nam, cũng như trên thế-giới. Kết-quả là chúng đã thành-công trong âm-mưu che-dấu tội ác của chúng tại Việt-nam. Đó không phải là mánh-khóe gian-hiem của người Pháp sao?



Người Pháp lại còn dùng hai tiếng « Bảo-hộ » để đánh-lừa các cường-quốc trên thế-giới. Vì trong công-ướce quốc-tế có định-rõ rằng: một nước có lợi, mọi nước đều được chia phần; nên người Pháp đã che-dấu và nói khéo là Việt-nam vẫn-còn Vua, Pháp chỉ là người ngoài-tới bảo-hộ, khách-manh cũng không-lần được chủ, Pháp có lợi gì hơn ở Việt-nam đâu!

mà thôi. Thuế nhẹ như vậy là vì chính-phủ để tự-do cho dân kê-khai, các quan-chức không cần tra hỏi. Nguyên-do Việt-nam vốn là nước dãi dân rất rộng-rãi, khác nào là nuông chiều. Vì vậy mà người dân lâu dần thành lười-biếng, thiếu hẳn tư-cách làm cho quốc-gia phú-cường. Nếu như khi chiếm được Việt-nam rồi, người Pháp có lưu ý đôi chút đến việc chấn-hưng tinh-trạng trầm-trệ, buộc dân đóng góp tiền là để mở-mang dân-trí, làm lợi cho dân thì có phải là hạnh-phúc cho dân biết bao, và làm sao dân oán trách người Pháp được.

Đảng này, người Pháp chẳng hề bận tâm đến việc đó; trái lại họ còn giành nắm trong tay mọi thứ lợi-quyền, còn nhân-dân Việt-nam thì một chút tơ-tóc cũng chẳng được bồi-thi. Bao nhiêu dân tài dân lực, cũng như máu-tủy của dân, người Pháp còn dùng trăm phương ngàn kế để bóc-lột, sáng đến chiều, rồi chiều lại đến sáng, tháng năm chồng-chất, dân Việt thật chẳng còn chén cõm mà ăn, manh áo mà mặc.

Lại còn biết bao nhiêu hình-thức bóc-lột linh-tinh vụn-vặt khác nữa, thật không kẽ sao cho xiết. Sau đây tôi chỉ xin đề-cập đến một số có tính-cách lớn lao để trình-bày cùng đồng-bảo Việt-nam:

### 1) Thuế ruộng đất:

Lúc đầu, nhà cầm-quyền Pháp ra lệnh cho nhân-dân Việt-nam phải kê-khai hết số ruộng đất sở-hữu thật đầy-dủ, không được ẩn-laten. Nếu man-khai thì người sẽ bị phạt, mà ruộng đất sẽ bị tịch-thâu. Còn nếu ai tố-giác được sự ẩn-laten thì sẽ được trọng-thưởng. Chẳng hạn như hiện nay có tên Trần-Nhật-Tinh, vốn là thông-ngoan cho Pháp, chỉ có công tìm ra được thêm số định, số điền, mà được bổ làm Án-sát Thành-hóa. Đó chính là thủ-doạn của người Pháp thả mồi cho lũ chim mồi chó săn-vây.

Ruộng đất được chia làm 3 hạng: thuế-thượng, đẳng-diễn, mỗi mảnh một đồng-bạc; thuế đất cũng vậy. Trung và hạ-đẳng mỗi hạng tùy theo đó mà giảm bớt, và có sự tham-gia định

ước của nhân-dân; lâu ngày đã thành lệ như vậy. Mới được một năm, người Pháp kiểm cớ nói rằng dân Việt-nam bỏ hoang nhiều ruộng đất, nên phải giao thêm ngạch thuế để khuyễn-kích người Việt siêng-năng canh-tác hơn! Thủ-doạn của người Pháp là mỗi khi sắp thi-hành một chính-sách nào, đều khôn khéo đưa ra những xảo-thuyết nhân-nghĩa như vậy, hòng bưng tai bít mắt mọi người, và đó là câu nói đầu cửa miệng rằng Pháp bảo-hộ Việt-nam.

Như vậy, thuế ruộng đất cứ hàng năm lại gia-tăng, hạ-đẳng lên trung, trung lên thượng... Đến thượng-đẳng không còn biết gia-tăng vào đâu được nữa, thì lại chiếu số ruộng mà tăng, theo cách cứ 100 mẫu thêm 10 mẫu, và 10 mẫu tăng thêm 1 mẫu. Và chỉ trong vài năm, ruộng đất chịu thuế hết hạ-đẳng chỉ còn thượng-đẳng và trung-đẳng mà thôi (*Số định cũng theo cách gia-tăng như vậy: cứ 100 thêm 10, và 10 thêm 1 xuất*). Dân làng nào không khâm nổi thuế mà làm doan cung, và xin khâm xét đeo đặc-lại, thì nhà cầm-quyền Pháp cũng chẳng cần cùu xét; lại còn giao số ruộng đất này cho các quan-chức canh-nông của họ đứng ra khai-khản. Còn thuế thì buộc giao cho Tông, Lý địa-phương chịu trách-nhiệm bồi-hoàn (*theo lệ Việt-nam, nhân-viên chịu trách-nhiệm thu thuế là Chánh Tông, Phó Tông và Lý-trưởng; gọi chung là Tông Lý*).

Hiện nay trong thôn-dân Việt-nam, số thực-diễn chịu thuế bị các quan-chức canh-nông Pháp chiêm đoạt ở đâu cũng có. Đó là một thực-trạng; nhưng cũng chẳng biết kêu ca vào đâu được: (*Người Việt-nam làm đơn xin Pháp quan đo lại ruộng đất; đơn đó gọi là doan cung từ, tức là tờ cam-doan không dám man-trá trong việc cung-khai thực số ruộng đất sở-hữu của mình*)

### 2) Thuế nhân-khẩu:

Ban đầu nhà cầm-quyền Pháp đưa ra luận-điệu là làm dân phải đóng góp công-dịch cho quốc-gia, xưa nay vẫn thế; và muốn được yên-nghiệp quanh năm thì ngoài thuế thân ra,

Đã giết họ, nhà cầm-quyền Pháp còn ngăn cấm không cho gia-nhân tới thu nhận tử-thi về chôn ! Đến nỗi xương phơi máu chảy, người đi đường cũng phải tránh xa.

Với thủ-đoạn gian-xảo, lúc đầu mới một vài người ra đầu thú, tigrười Pháp còn ngon ngọt khen thưởng dễ du-dỗ, lôi kéo thêm những người khác. Đến lúc mọi người lần lượt theo nhau ra hàng, căn-cứ sơn trại trống không, thì người Pháp mới trở mặt, đem tất cả ra cửa An-hòa, «tặng» cho mỗi người một lát kiếm thì những người liệt-sĩ kiên-trinh không chịu ra hàng lại càng vỗ bàn mà thêm khoái trá ! Làm như vậy, đã mang tiếng giết kẻ đầu hàng, lại làm cho người liệt-sĩ thêm phần hưng-khởi kiên-tri tâm-chí kháng Pháp. Hình phạt không danh-nghĩa, giết hại kẻ vô tội..., người văn-minh mà cũng có thể làm được hay sao !

Riêng người Việt-nam, hãy mở to hai mắt mà trông, và đừng dại tin người Pháp nữa ! Lúc tình-hình chưa ổn-định, người Pháp thường cho công-bố biết bao văn-kiện, miệng lại hô-hô dụ-dỗ đầu hàng thì khỏi tội ; tới nay chúng đã hành-động như thế nào?... Các người còn tin chúng nữa không ?

Thủ-đoạn lang đoc khác nữa của người Pháp cũng như lòng dạ rất quí-quyết của chúng là, lúc mới đầu sang xâm-chiếm Việt-nam, chúng chỉ dùng lời ngon ngọt, tiền thưởng nhiều để dụ-dỗ ; chúng lại lấy quan sang bồng-hậu mua chuộc người Việt làm chó săn chim mồi cho hùng, gây nên biết bao thảm-trạng : Như hạng Nguyễn-Thân, Hoàng-Cao-Khai (cả hai đều là tay sai rất đặc-lực trong việc tim bắt những người kháng Pháp), dù được lòng chủ Tây, nhưng đồng-bào trong nước thi xem chúng chỉ là hạng côn-đồ ác hiềm, vô nghĩa vô hạnh, lòng lang dạ thú. Hoặc như hạng Võ-Doãn-Nhã xuất thân chỉ là thông-ngôn cho đinh mà làm quan tới Tông-đốc Hiệp-Biện, hay như Đốc-phủ Lộc, Đốc-phủ Phượng, bọn chúng xuất-thân cũng chỉ làm thông-ngôn, giúp nanh vuốt cho giặc.

Thủ-đoạn của người Pháp là khi chúng muốn làm việc

gi, trước hết đều cho hạng tay sai biết ; bọn này lo chạy đôn chạy đâ hết mình phung-sự, còn người Pháp chỉ ngồi không hưởng lợi. Cho đến khi năm chồng tháng chắt, nhờ ăn máu uống mủ đồng-bào, bọn tay sai trở nên giàu có, người Pháp mới bởi lòng tim vết, kiém cớ bắt tội ; công-lao góp nhặt đầy túi nhơ bắn trong bao lâu này, bọn chúng chỉ còn có nước hai tay kính-cần đem dâng nạp cho «quan Khâm-sứ bảo-hộ». Thành ra bao nhiêu lợi lộc lại trả về tay người Pháp, còn lại tiếng xấu, bọn tay sai phải chia nhau gánh chịu. Thủ-đoạn hung-tàn quí-quyết như vậy thật là cồ kim chưa từng có !



Việt-nam cũng là nước có dân. Người Pháp đối với nhân-dân Việt-nam như thế nào, xin các ngài cứ xem những giòng sau đây thì rõ. Tôi nghĩ rằng, khi mọi người đọc tới đây, nếu không vỗ bàn mà ta-thán kêu lên thì thật là người không có tai mắt, không tâm-huyết, mà cũng không phải là người nra. Riêng tôi, dám quyết-đoán mà nói rằng, thật không còn thiền lý, nhân-đạo nào nữa ; xin các ngài thử xem đi. Tôi sợ rằng càng xem, các ngài càng thêm đau lòng rời lệ. Thật chẳng muối nói ra chút nào, nhưng nếu không nói ra thì các ngài làm sao biết được sự thật. Hơn nữa, riêng tôi há chẳng đã là một «tử-tội» hay sao ! Vậy thì tôi cứ nói :

Nhân-dân Việt-nam hồi chưa mất nước, chỉ phải đóng thuế cho nhà vua có hai thứ thuế là «sưu» và «thuế» ; ngoài ra không còn phải đóng góp một tạp-thuế nào thêm nữa.

Sưu tức là thuế thân. Với thuế này, thường tám, chín ngàn dân, hoặc đền hai, ba mươi ngàn mới phải đóng một suất. Mỗi suất nhiều lắm cũng chỉ 300 đồng tiền mà thôi. Số-dû thuế nhẹ như vậy là vì chiếu theo nhà, chứ không theo đầu người mà phát thâu, đó là không kể khi đau yếu bệnh-hoạn thì còn được chước miễn nữa.

Thuế tức là thuế điền-thô. Người có 30, 40 mẫu thì chỉ một mẫu phải chịu thuế, và thuế này cũng chỉ một héc-lúa

người dân còn phải đóng thêm khoản tiền công-dịch đó. Khoản thuế nhán-khầu được gọi là tiền sưu; mỗi năm mỗi tráng-dinh phải đóng 2\$20. Lại còn khoản tiền công-dịch này gọi là tiền công-ich, mỗi năm mỗi tráng-dinh đóng 0\$80. Như vậy là hàng năm một tráng-dinh phải nộp 3\$00 tiền sưu-dịch. Thế nhưng lúc đầu, nhà cầm-quyền Pháp hạ lệnh chỉ phải đóng 1\$00, rồi dần-dà hàng năm mới tăng dần. Tới nay ở Tây-công, hàng năm mỗi suất dinh phải nộp đến 5\$, 6\$; còn ở Trung, Bắc-ky thì 3\$. Nếu chưa tới tuổi tráng-dinh thì nộp dưới 3\$; nhưng hàng năm lại gia-tăng và chưa biết đến bao giờ mới khỏi tăng.

Về việc thuế này, tại Việt-nam có một mẩu chuyện nhỏ kẽ lại thật cười ra nước mắt :

Một làng nọ, số đình chịu thuế vốn đã quá nhiều, trải qua nhiều lần binh cách, số dân đình lại chết mất quá nửa. Lệ thuế của Pháp lại chỉ có tăng mà không có giảm; trong khi đó thôn-dân chỉ có hai bàn tay trắng, thực-sự không còn khả-năng đóng thuế công-sưu công-ich nữa !

Cả làng mới hội-hợp bàn với nhau: « Tất cả chúng ta đến mức cùng-quẫn như thế này thật không còn biết trời nào mà lèn, đất đâu mà xuống. Böyle giờ phải bảo tất cả dân đình thôn ta lên quan bảo-hộ mà kêu nài, liều mình chịu chết; tưởng như vậy quan bảo-hộ không có lý gì mà giết hết chúng ta, đè xem các quan sẽ phân xử như thế nào ».

Thật đáng thương cho nhóm thôn-dân cùng đường tuyệt kế phải liều mình làm một việc kêu-nài không đầu không đuôi. Họ không biết gì về thủ-doạn tàn-độc của người Pháp cả. Số tiền hàng ngàn hàng trăm đồng đó, chúng đâu chịu bỏ qua !

Thế rồi dân làng nhất tề kéo nhau đến dinh quan Pháp sụp lạy kêu khóc. Viên quan Pháp mới bảo: « Tại sao chúng bay không đem vợ con già-tài điền-thô bán hết đi, lấy tiền nộp đủ thuế cho Đại-Pháp ». Nghe vậy, dân làng sững-sốt

chưa biết suy tính ra sao, bèn khóc òa lên một lượt rồi nói: « Vợ con chúng tôi đã bán rồi, nhà cửa bán rồi, cả ruộng đất cũng đã bán sạch. Böyle giờ chỉ còn Trời ở trên đầu chưa bao giờ nứa mà thôi ! »

Nghé vậy, viên quan Pháp vỗ bàn cười lèn hô hố: « Tốt lắm ! Tốt lắm ! Trời trên đầu chúng bay chưa bán được, thì đem bán cho ta. Cứ viết văn-tự đi, xong thì ta miễn tiền sưu thuế cho liền ! » Taôn-dân lầm lết nhìn nhau, chưa biết trả lời ra sao cả, thì đã thấy viên quan Pháp đem bút giấy tới, buộc phải viết văn-tự bán Trời!... Viết xong văn-tự, thôn-dân người thì ký tên, người diêm chỉ. Việc xong, viên quan Pháp duỗi tay làng ra hết, bỏ văn-tự vào túi áo.

Về phần dân làng, ra đi mà lòng phẫn-vận không hiểu là đáng mừng hay đáng sợ; chưa biết ý định viên quan Pháp như thế nào.

Cho đến khi họ trở về làng, chưa kịp vào nhà thì đã thấy một đội lính tuần-cảnh Pháp bồ vây bốn mặt làng, xóm-xác như là tấn-công một thành-trì nào. Thế rồi nghe chõ này loan truyền, dân kia hô-hoán rầm lên rằng: « Làng chúng bay đã bán Trời cho Đại-Pháp chúng tao rồi. Böyle giờ Trời đã thuộc về Đại-Pháp, không còn phải của chúng bay; chúng bay không được lui lại dưới Trời, không được tắm ánh Trời nữa. Nếu thấy chúng bay xuất đầu lộ diện ra khỏi nhà, tức là chúng bay dám trông Trời, xâm-phạm Trời của Đại-Pháp; chúng bay phải tội chết, Đại-Pháp quyết không tha thứ ».

Bọn lính tuần-cảnh « giữ Trời » như vậy luôn 3 ngày. Dân làng khóc nào nước chảy không có chõ thông; ngày không thấy mặt trời, đêm chẳng thấy trăng sao; tinh-thể thèm càng cùng-quẫn. Lại phải khóc lóc muôn thẳm nghìn sầu, kéo nhau lên quan Phap xin chuộc lại mảnh Trời trên đầu ! Và kết-quả là dân làng phải thực-sự hán hết vợ con, nhà cửa, ruộng đất mới nộp đủ sưu thuế, mới được yên thân, và nhà cầm-quyền Pháp mới chịu ngừng tay ác độc !

Ngau-ngữ Việt-nam có câu rằng:

*Không trời rồi cũng khô  
Có trời hẳn còn hơn  
Nhưng vợ con thì sao  
Ruộng vườn thôi phải bỏ  
Ta thuộc trời ta về  
Trời chưa già vây đó.*

Lại còn thứ thuế thân đánh vào thương-gia Trung-quốc kiều cư tại các thành-phố ở Việt-nam. So với nhân-dân Việt-nam, thứ thuế đánh vào Hoa-kiều còn nặng hơn nhiều. Thuế thân này, thương-hạng đến 50, 60\$, hạng trung bằng một nửa thương-hạng; còn hàng dưới ít nhất cũng phải 10\$.

Các loại tiền sưu thuế vừa kể trên, ai nạp đầy-đủ, nhà cầm-quyền Pháp cấp cho một bài-chỉ. Bài chì này in bằng chữ Pháp có đóng dấu của nhà cầm-quyền Pháp: nội-dung mang tên họ, tuổi, quê-quán của người đã nạp sưu thuế, và là bùa hộ-mệnh, phải cẩn-thận giữ-gìn. Lúc đi đường, cũng như lúc ngồi nhà, nếu gặp họa linh-kín, bọn ma-tà (*linh tuẫn-cảnh* Pháp gọi là *ma-tà*, *còn loại linh trinh-thám* thì gọi là *linh kín*) kiểm-soát, nếu không xuất-trình được bài chì này, sẽ bị coi là trốn sưu, và bị trừng-phạt nặng.

Đối với hạng quan chức thân-sĩ tại già hoặc đang đi làm việc cho chính-phủ, theo quốc-lệ Việt-nam, thì khỏi phải đóng thuế thân. Với hạng này, nhà cầm-quyền Pháp cấp cho một thẻ miễn sưu. Nhưng cứ 3 năm một lần đổi cấp thẻ mới thì phải đóng 3\$, so với sưu lại còn nặng hơn.

Thẻ có 3 loại: xanh, đỏ và vàng. Màu vàng dành cho người được miễn sưu; mau đỏ cho người phải nộp sưu; còn màu xanh dành cho người ngoại-tịch. Đối với hạng ngoại-tịch này, lại còn một thuế lệ riêng-riệt: như người Việt-nam đi buôn bán, từ làng quán đi đến nơi khác, nếu vội-vàng chưa kịp tới nhà cầm-quyền Pháp ở địa-phương xin giấy thông-hành, thì khi tới nơi đâu, phải tới nhà cầm-quyền Pháp ở địa-phương đó

nộp 1\$, để xin lãnh thẻ ngoại-tịch đó (*tức thẻ màu xanh*). Tiền thuế này nhiều hay ít là tùy theo thời gian cư-trú lâu hay mau. Nạp tiền nhận thẻ xanh xong mới được vào khách-sạn trọ. Chủ khách-sạn nào cho người không có thẻ xanh mướn phòng, nếu bị lính-tuần-cảnh phát-giác, thì cả hai khách và chủ đều bị phạt nặng. Đấy chính là hình-thức của người Pháp chia-lời với bọn chủ khách-sạn.

Nhân-dân tuy phải nạp tiền công-fch mà về hành-dịch vẫn không được giảm. Mỗi người dân khi bị bắt đi hành-dịch đều được hứa sẽ trả tiền công; lúc đầu quả có được lãnh ti tiền; nhưng về sau, nhà cầm-quyền Pháp lại trở mặt bảo: phải tự-túc; chứ không còn phát tiền công nữa! Thật là qui-quyết, mà cũng thật là vô đạo! Nhân-dân Việt-nam đối với chúng chỉ là bầy nô-lệ, và mạng sống có hơn gì cỏ rác!

### 3) Thuế nhà ở :

Ngạch thuế này chiếu theo số phòng mà định. theo từng hạng mà thu, chứ không có thề-lệ nào nhất định. Tại đô-thị, loại phòng thương-hạng hàng năm phải nạp thuế từ 90\$ đến 100\$, hạng trung từ 50\$ đến 60\$, hạng hạ từ 20\$ đến 30\$. Hàng hiên trước và sau nhà cũng phải chịu thuế (*người Việt gọi là thuế mái hiên*). Lại còn thuế sân, thuế cửa ngõ, thuế viên-cu... tất cả đều không có thề-lệ nào nhất định, chỉ chiếu theo hạng mà nạp tiền, theo phòng ốc mà tăng giảm. Bất cứ chỗ nào ở ngoài ngõ cũng đều có bảng ghi bằng chữ Pháp. Nếu không có bảng ghi thì bị coi là trốn thuế, sẽ bị phạt nặng và liền bị trục-xuất.

Ở nông-thôn, ngạch thuế này tương-đối nhẹ hơn.

### 4) Thuế bến đò :

Các bến đò ngang, dù chỉ ở cách nhau vài thước, cũng đều có một công-ty chuyên-trách thu thuế bến đò, do người Việt-nam đấu thầu. Tiền thu thuế được phải nộp cho quan Pháp. Ở các sông lớn, mỗi lần xuồng đò sang sông, người dân phải

nạp 30, 40 đồng tiền. Còn ở sông nhỏ, mỗi lần qua đò cũng phải nạp 6, 7 đồng tiền. Con nhà nghèo đi lại buôn bán muru sinh, thật khổ về thứ thuế này vô cùng!

### 5) Thuế Sinh và Tử:

Con trai hoặc con gái khi mới sinh, liền phải tới quan Tham-biên Pháp khai trình và nạp tiền. Đến lúc chết, lại phải tới viên quan này xin khám-nghiệm và nạp tiền khám-nghiệm. Khoảng này nhiều hay ít đều chiếu theo người giàu hay nghèo mà định. Mục-đich khai trình là nhằm ngăn-ngừa việc lậu-lậu thuế thân. Và cũng chỉ mới ở Tây-cống mới có lệ khai trình này, các địa-phương khác chưa có. Người Pháp trưng thu thuế bao giờ chả tiễn-hành từ từ, có khi nào chúng làm đèn khắp một lượt! Thủ-đoạn của chúng âm-i hút máu mủ của nhân-dân Việt-nam là thế đó!

### 6) Thuế khế khoán: (44)

Biết rõ rằng nhân-dân phải sử-dụng rất nhiều giấy tờ trong việc cầm-cố, mua bán ruộng đất, nhà cửa, làm đơn từ, kiện cáo, v.v..., nhà cầm-quyền Pháp bèn khai ra một cách làm tiền là trên các giấy tờ đều phải có con dấu và chữ ký nhân thực của quan Pháp. Lai bắt việc nào thì phải dùng mẫu giấy in về việc đó, mà phải tới quan Pháp nạp tiền mua mẫu giấy này. Nếu không như thế, sẽ bị coi là làm «trái phép nước», và bắt cứ việc gì cũng sẽ vô hiệu.

### 7) Tập thuế nhân-sự:

Hoặc rước thầy tu, hoặc giỗ tết, cúng tế, hoặc sửa sang nhà cửa, hoặc ma chay, khánh-hỷ... trong dân-gian nếu có sự tu-tập trong chốc lát nào đó, đánh một tiếng trống, thòi một tiếng tiêu, thì hất luận nhà giàu hay nghèo, sang hay hèn... đều phải tới viên quan Pháp địa-phương khai trình nạp tiền 3 hào hoặc 5 hào, tùy theo việc làm nhỏ hay lớn. Viên quan Pháp sẽ cấp cho một giấy phép rồi mới được cử sự.

Thứ thuế này gọi là thuế «xin phép». Việc làm ban ngày thì nạp nhẹ, nếu làm ban đêm nạp thuế nặng hơn. Thuế này mới thi-hành ở đô-thị, còn nông-thôn chưa có.

### 8) Thuế ghe thuyền:

Thuế ngạch này cũng như thuế phòng ốc, được chia làm 3 hạng: thượng, trung và hạ. Loại thượng-dâng dành cho các thuyền-thuyền lớn, mỗi năm đóng thuế từ 100\$ đến 200\$; loại trung-dâng đóng một nửa thượng-dâng; và loại hạ-dâng bằng một nửa trung-dâng.

Thảm-khổ nhất là loại thuyền đánh cá. Hạng ngư-dân này không ruộng đất, không gia-sản, không có một hoạt-động công-thương nào khác, ngoài một chiếc thuyền nan lênh-dênh làm phương-liện sinh-nhai; buồi sáng đánh được cá, buồi chiều mới có ăn. Trước đây triều-đinh Việt-nam cũng chưa hề bắt hạng dân-chài này đóng góp một khoản tiền nào; chỉ bắt họ phải thi-hành những dịch-vụ trên mặt nước, rồi trả cho họ tiền công, thế thôi. Nay thì nhà cầm-quyền Pháp thẳng tay bóc lột: cứ chiếu theo một ngư-dân có mấy chiếc thuyền, mỗi thuyền có bao nhiêu nhân-khầu, rồi chiếu nhân-khầu mà đóng thuế; ngoài ra, còn phải đóng thuế thuyền; đến khi đánh được cá, đem ra chợ bán lại thu thuế cá. Các ngạch thuế này đều có ghi bằng Pháp-văn lên mỗi đầu thuyền (45), nếu không ghi, bị coi là lậu thuế và sẽ bị phạt nặng!

### 9) Thuế buôn-bán:

Ngạch thuế này nặng nhât là đối với các hiệu buôn cũng được chia làm 3 hạng: đại, trung và tiểu, chiếu theo số hàng-hóa nhiều ít mà thu tiền (người Việt-nam gọi là thuế cửa hàng). Hạng đại mỗi năm đóng trên dưới 2, 3 trăm đồng; hạng trung bằng nửa hạng đại; hạng tiểu bằng nửa hạng trung. Từ một tiệm buôn nhỏ nhỏ bày hàng ở nhà, bán vài món hàng, cho đến những tiệm chủ bán tƣong, bán rau, củ, hoặc cau

trầu là những thứ hàng lặt vặt... cũng đều phải có bài chỉ thuế; nếu không là lậu thuế, bị phạt nặng.

### 10) Thuế chợ:

Chợ cũng chia làm ba hạng: đại, trung và tiểu; cho người địa-phương đấu thầu, rồi nạp tiền thuế cho Pháp-quan địa-phương. Chợ lớn, mỗi năm 7, 8 trăm đồng; chợ trung một nửa chợ lớn, và chợ nhỏ một nửa chợ trung. Lại còn thứ thuế người ngồi chợ phải tự nạp; gánh một gánh củi, mang một giỏ rau tới chợ đều phải nạp thuế rồi mới được vào chợ. Người tiểu-phu, kẻ nông-dân, chỉ muru-sinh bằng sưa lao-động chân tay, thật vô cùng khổ-sở vì thứ thuế này. Con nhà nghèo đi chợ về, chỉ những xôn-xao hỏi thăm nhau buổi sáng phải đóng bao nhiêu thuế, buổi chiều đóng bao nhiêu thuế... ngoài ra, không ai nói một câu nào khác hơn!

### 11) Thuế muối, thuế rượu:

Lúc mới đầu, nhà cầm-quyền Pháp chỉ bắt dân làm muối đóng thuế ruộng muối. Về sau, thấy nhân-dân Việt-nam tiêu-thụ muối ngày càng nhiều, lòng tham nỗi dậy, chúng bèn bắt ở địa-phương nào có ruộng muối, phải nạp thuế ruộng muối y như đối với thuế ruộng đất, lại còn gia-tăng thêm nhiều. Còn muối thì nhà cầm-quyền Pháp cũng giành tự nấu lấy; buộc dân làm muối phải phục-dịch cho chúng rồi trả chút ít tiền công.

Muối được sản-xuất ra, những người buôn muối cứ tới viễn quan Pháp nạp tiền mà mua. Nhận tiền giao muối xong, viễn quan Pháp cấp cho một bài-chỉ. Bài-chỉ này lại còn phải đóng thêm một số tiền nữa tùy theo số lượng muối mua nhiều hay ít, ngoài số tiền mua muối đã trả. Một hộc muối sản-xuất ra chỉ mới tới đây, đã phải chịu hai thứ thuế nặng rồi: đó là thuế ruộng muối và thuế bài-chỉ mua muối. Mang muối ra, thương-gia lại phải tới ty Thương-chánh trình xin khám. Tại nơi này, sau khi cân muối được bao nhiêu cân, bao nhiêu tạ,

thương-gia lại phải nạp thêm một thứ thuế khác nữa mới lấy được bài-chỉ bán muối. Hai thứ thuế trước là để đề-phòng muối nấu lậu; còn thứ thuế này là khi muối đã thành. Tính ra một hộc muối tới đây đã chịu 3 thứ thuế nặng. Nạp xong cả 3 thứ, mới được mang muối ra chợ bán. Tới chợ, lại phải nạp thuế «nhập thị», thế là 4 thứ thuế nặng! Như vậy, khả-năng sản-xuất muối tránh sao khỏi cùng khổ, và giá muối tránh sao khỏi không tăng vọt lên!

Trước đây, giá muối tại Việt-nam mỗi hộc không quá 5, 6 chục đồng tiền, mà ngày nay, một hộc muối đã lên tới 4, 5 đồng bạc. Cư-dân Việt-nam vùng duyên-hải chỉ lấy nghề làm muối làm kế sinh-nhai, mà nay bị bóc-lột đến như vậy, thật là trời cháy biển khô, thảm-khổc khổ-cực biết là đường nào!

Cũng có những người vì quá khổ, đã tìm cách thoát khỏi màng lừa của người Pháp, bằng cách chỉ đổi chác buôn bán trong làng xóm với nhau, không thèm vào sở nấu muối cho Pháp hoặc ra chợ. Khốn nỗi, lính Pháp tuần-hành nghiêm-nhặt, và dò la ráo-riết quá, nên mỗi khi bị phát-giác thì toàn gia-sản bị quét sạch. Vì vậy mà ai nấy đều chịu nhịn đói mà chết! Thật hết chỗ nói!

Còn thuế rượu! Cũng chẳng khác nào thuế muối (46); vì cũng do nhà cầm-quyền Pháp giànhi độc-quyền că. Dân buôn rượu cũng phải đến nhà cầm-quyền Pháp lanh mông-bài bán rượu, nhưng về rượu thì chỉ có hai thứ thuế nặng thôi!

### 12) Thuế đèn chùa:

Người Pháp vốn không thờ phượng Thần Phật.

Đèn chùa trong thôn-dân được chia làm 3 hạng: đại, trung và tiểu. Nhân-dân phải đến quan Pháp nạp thuế, lịnh bài-chỉ viết bằng Pháp-văn, rồi mới được thờ phượng (hang đại mỗi năm 50\$, hạng trung 30\$, hạng tiểu một nửa). Hiện nay ở Tây-cống, đèn chùa hầu như không còn mấy,

chỉ ở một đôi làng giàu có thỉnh-thoảng mới thấy một vài người! Thật là cảnh đèn chùa hoang vắng!

### 13) Thuế công-nghệ:

Nhân-dân Việt-nam đa số những người sinh-hoạt tiều-công-nghệ đều sống ở nông-thôn; người cư-trú ở đâu thì hành nghề ở đó. Như nghề nung ở Bát-tràng (Hà-dong), nghề làm giấy ở Phong-lâm, nghề thợ rèn ở Văn-lâm (Hung-yên) (47)...

Ngoài thuế thân mà họ phải chịu, người Pháp còn bắt họ phải đóng thuế công-nghệ, nhiều ít tùy theo nghề. Người đóng thuế công-nghệ cũng được cấp một bài-chỉ; nếu không có thẻ này thì bị cấm hành nghề, và chỉ được làm khi có sự triệu-dung của nhà cầm-quyền.

Với hai bàn tay, người dân nghèo đã phải mưu-sinh bằng nghề tiều-thủ-công, làm sao họ còn chịu nổi cảnh bó tay chờ chết! Thật thảm thương biết bao nhiêu!

### 14) Thuế địa-sản:

Loại thuế này thật không bút nào kê xiết.

Về sơn-lâm-sản: có ngà voi, tê-giác, cầm-thạch... Hải-sản có: đồi-mồi, san-hô, yến-sào, ngọc-trai... Lại còn quế Thanh-hoa, Qui-châu, đường phổi Quảng-ngãi, gỗ lim và thảo-quả Nghệ-an, sa-nhân, đậu-khấu, kỳ-nam, trầm-hương Tây-cống, thuế lá Nam-dịnh và Hải-dương (*thuế lá còn có tên là tương-tư-thảo, hút để phòng sơn lâm chướng khí; người Việt-nam trai cũng như gái đều hút thuế lá*), to sợi Bình-dịnh... hất cứ thô-sản gì cũng đều phải chịu thuế. Trong khi đó, những loại sản-vật nào mà nhà cầm-quyền Pháp giành độc-quyền khai-thác, thì lại không đóng thuế, chỉ phải nộp thuế đất mà thôi.

Nói chung thuế ngạch này do người Pháp đặt ra thật

phức-tạp vô cùng, càng kê ra càng chán, sợ ai nấy cũng phải bưng tai mà chạy không muốn nghe. Xin đan-cử làm ví-dụ một ngạch thuế lá:

#### a) THUẾ ĐẤT TRỒNG THUỐC:

Nhà nào trồng thuốc phải tới Công-ty Pháp nộp thuế đất trồng thuốc. Mỗi mẫu cử chiếu theo thuế đất thường mà bội tăng lên. Nộp thuế xong mới được hạ giống. Đây là ngạch thuế đầu tiên.

#### b) THUẾ THUỐC LÁ TƯƠI:

Thuốc hái về nhà, trong thời-gian năm ba ngày, cắt thành bánh, được bao nhiêu cân, bao nhiêu ta... phải tới Công-ty Pháp trình khám để nộp thuế. Sau đó mới được đem ra bán. Đó là ngạch thuế thứ hai (*Hai ngạch này do nhà trồng thuốc phải nộp*).

#### c) THUẾ THUỐC LÁ ĐÃ THÀNH-THỰC:

Nhà buôn thuốc tới nhà sản-xuất mua thuốc về, lại phải tới Ty Thương-chánh trình. Chiếu theo cân lượng mà nộp thuế. Nộp thuế và nhận bài-chỉ xong, mới được vận-chuyển thuốc từ nơi này sang nơi khác (*Thuế này do nhà buôn thuốc phải nộp*).

#### d) THUẾ CÔNG CUỘC (48) VỀ THUỐC LÁ:

Vận-chuyển thuốc từ tỉnh này đến tỉnh khác, nhà buôn thuốc lại phải tới ngay Ty Thương-chánh tỉnh này nộp thuế. Nộp tiền và nhận xong bài-chỉ mới được phân-phối thuốc ra bán (*Đây là ngạch thuế do người buôn thuốc nộp*).

#### e) THUẾ TƯ CUỘC VỀ THUỐC LÁ:

Các nhà buôn thuốc nhỏ ít vốn, khi nhận được thuốc do nhà buôn lớn phân-phối, lại phải tới các phân-cuộc Thương-chánh trình nộp thuế lãnh bài-chỉ rồi mới được bày bán (*thuế này do các nhà buôn ngồi tại cửa tiệm phải nộp*). Nhưng khi đem thuế ra chợ bán, dù là một gánh, một xách trong tay... cũng lại phải tới nơi thu thuế chợ nộp xong thuế rồi mới được bán.

Tất cả đều do người Pháp cố ý đề-phòng nhân-dân Việt-nam thật ráo-riết, cũng như quá tham-lam của cải Việt-nam, nên người Pháp đã trăm mưu ngàn kế khai-thác bóc-lột ; khiến cho nhân-dân Việt-nam tuyệt đường sinh lô ; có được như vậy người Pháp mới thỏa-mãn.

Nói chung, về thuế sản-vật, bắt cứ là loại qui hay loại tần-thường, tới Ty Thương-chánh là 10 cân cũng phải chịu thuế, tới chợ thì dù chỉ đáng giá 10 đồng tiền cũng phải chịu thuế. Và khi đã đạp chân tới Ty Tuần-cảnh thì chẳng cứ ai, và việc gì, tiền luon-luon là bùa hộ-mệnh.



Người Pháp lại còn một phương-pháp bóc-lột tài-sản nhân-dân Việt-nam qui-quyết hơn nữa, mà có lẽ chưa một quốc-gia văn-minh nào trên thế-giới có thể tưởng-tượng tới hay nghĩ ra. Đó là sự thành-lập cái mà chúng gọi là « Anh-hào hội ».

Người Pháp tuyển lựa trong dân-gian, mỗi địa-phương một vài đứa — loại đầu trâu mặt ngựa, trong làng xóm ai cũng chán ghét — gọi chung là « Hội Anh-hào » (cái tên nghe thật hay). Rồi cứ mỗi tháng nhầm vào 2 ngày chủ-nhật, nhà cầm-quyền Pháp triệu-lập chúng họp nhau tại tòa Công-sứ tỉnh, bàn mưu định kế làm tiền cho Pháp. Chẳng hạn như nhìn xem nơi nào có nguồn lợi gì nên trưng, việc gì nên giành độc-quyền thu lợi...

Người Pháp vốn là hổ đói, mà hạng người Việt-nam này cũng là loài mà quái. Mỗi ngày chúng càng nghĩ ra thêm nhiều cách bươi chài bòn vét, cho đến khi không sót một đồng tiền, không bỏ một hạt gạo chúng mới thôi. Loại tôi-tờ này vốn dốt nát, hư hỏng, xúi chúng nó làm bậy khác nào như ong được mật; quả thật là người Pháp đã khéo lợi-dụng con người ta tùy từng loại, Không biết các nước văn-minh có cùng một thủ-đoạn như vậy chăng?



Một thủ-đoạn cực-kỳ khôn-khéo khác của người Pháp là biến nước người thành rỗng không. Một thủ-đoạn mà bất kỳ một quốc-gia văn-minh nào trên thế-giới cũng không thể nghĩ tới. Đó là tổ-chức bọn lính ma-tà (một ẩn-danh của bọn lính tuần-cảnh Pháp mà người Việt-nam quen gọi là lính cu-lit).

Tuyên-dụng loại lính này, nhà cầm-quyền Pháp nhầm vào các hạng côn-dò không cha mẹ, anh em, không gia-tài, nhà cửa. Lại nhìn xem bộ mặt chúng có vẻ gian-ác tham-lam qui-quyết kuòng, rồi mới tuyển. Khi được tuyển, người Pháp lại bắt chúng ngửa mặt lên chửi Trời một tiếng, rồi lại kêu tên húy cha ra mà chửi nữa. Làm được như vậy, người Pháp rất thích-thú, thưởng cho tiền, rồi mới cho gia-nhập vào đội lính cu-lit. Người Pháp cho như vậy là chúng sẽ không còn e sợ dè-dặt gì nữa, và mới đặc-lực trong công-việc rình mò bắt người. Bọn ác-đôn côn-dò này chính là loại lính kín, ma-tà vậy. Nhiệm-vụ của chúng là chuyên đi rình-rập bắt bờ những việc, hay những người ăn-lau. Hiện nay ở Tây-cống loại lính này rất thịnh, người Việt-nam gọi là quân du-côn. Thế nhưng, người Pháp nuôi ong tay áo, chưa biết rồi sẽ ra sao, người thức-giả đang chờ kết cuộc).

Tổ-chức xong bọn ma-tà lính kín này, nhà cầm-quyền Pháp mới ra lệnh cấm đi đêm, cấm nói chuyện thi-thầm, cấm đánh bạc, uống rượu lâu, nấu muối lâu, chứa đồ-diểm lâu, hàng-hóa lâu, cấm hội-hợp kín, nhất là đối với người là mặt, khác thường... Màng lưới của người Pháp bùa vây khắp nơi càng thắt càng kín, đều nhờ vào sức hoạt-động chó má của bọn lính này. Chúng qua là hạng người trên không trời, dưới không đất, cả mạng minh cũng coi như không, chỉ biết làm vua lồng ông quan-thầy để lấy tiền, nên sóng gió nào mà chúng chẳng gây nên, và có lửa nào mà chúng không thổi nhen nở. Cho nên những việc phải đem đến pháp-định, hầu hết đều do miệng lưỡi quân này thêu dệt. Người Pháp cũng biết như thế, và cũng biết nận-nhận hàm oan, nhưng cuối cùng thì vẫn là : « phải nạp tiền phạt cho Đại-Páap ta thì ta mới buông tha được! ».

Bất cứ việc nhỏ mọn tới đâu, hễ động tới là phạt tiền. Hôm nay tiền phạt chưa có mà nộp, ngày mai lại bị phạt thêm. Lại còn tình-trạng khóc ra đười-ươi cười ra nước mắt nữa, là ép buộc đàn bà con gái nhà tử-tế đi vào đường mайдam. Tại các thành-thị, người Pháp đều cho lấp các nhà chưa đẽ thu thuế kỵ-nữ và gái điếm. Thuế này cũng chia làm 3 hạng: thượng-dâng mỗi năm 30\$, trung-dâng ít hơn một chút, và hạ-dâng lại ít hơn nữa. Mỗi gái điếm nộp thuế được cấp một thẻ màu vàng, có ấn-ký chữ Pháp, gọi là thẻ tùy-thân được phép hành nghề. Hạng gái này ăn không ngồi rồi, lười-biếng, lấy yên hoa làm kế mưu-sinh, đúng là hang người hèn-hạ trong dân-gian; nếu có đánh thuế thì cũng không lấy gì làm lạ. Điều ác hại nhất chính là ở chỗ người Pháp cho bọn lính tuần-ảnh giả dạng thăm hỏi làm mối lái cười gá. Thật là một mưu-mô qui-quyết để ép buộc đàn bà con gái nhà tử-tế. Theo luật-lệ của nhà cầm-quyền Pháp, hàng đêm chúng sai bọn lính tuần-cảnh tới dò-la tại các hộp đêm, nếu gặp gái không có thẻ màu vàng đang hành-lạc với đàn ông, thì bắt về Ty phạt tiền thật nặng. Thuế ca-lau hộp đêm nếu nhờ vậy mà ngày càng được thặng thu, thì bọn tuần-cảnh càng được trọng thưởng. Được thế thừa gió bẻ măng, bọn lính tuần-cảnh càng thêm mạnh-mẽ vu-oan cho người để lập công. Hễ thấy nhà nào trong cảnh góa bụa, chiếc bóng lẻ-loi, hoặc không cha mẹ, anh em làm nơi nương tựa; không quyền không thể để cậy nhờ... thì đang đêm chúng xông vào nhà người ta (*pháp-luat cấm ban đêm xâm-nhập nhà người, trừ bọn lính tuần-cảnh thì được*) vu oan cho là chúa đĩ lậu! Trong hoàn-cảnh có cùng, nạn-nhân lo sợ tai-hoa, đâu dám trông thấy mặt quan Pháp, trong cơn r้า uy sấm sét chẳng biết kén ca vào đâu! Thời thi đành nuốt lệ chịu tánh tẩm thẻ vàng cho xong chuyện. Rõ-ràng đang sống lic-lan-toàn lương-thiện, người cò-phụ phải biến thành hạng gái lầu xanh! Thuế hộp đêm nhờ đó ngày càng thu được nhiều, thành thế bọn tuần-cảnh ngày càng lớn! Than ôi! mang một tấm thẻ vàng vào minh, chung thân vùi vào địa-ngục. Người cò-phụ lèn-

dênh nào có tội tình chi. Thật là một hiện-tượng la-lùng bi-thảm xưa nay chưa từng thấy! Chính-thề dã-man như vậy mà một nước văn-minh Ân-châu có thể thi-hành được hay sao? Thật là mai-mỉa! (*Theo luật-lệ của Pháp, nhà chưa gái điếm có tội, còn gái điếm lại không tội. Đó chính là một thủ-doạn qui-quyết nhẫn làm cho nhân-dân Việt-nam phóng-dâng bại liệt*).

Người Pháp lại còn một thủ-doạn qui-quyết nữa là làm cho nhân-dân thuộc-quốc trở thành đèn tối u-mê, một thủ-doạn mà tôi tưởng rằng các quốc-gia văn-minh trên thế-giới năm châu cổ-tinh học-hỏi cũng không được. Chúng tôi xin kể ra đây để ai nấy đều nghe, và sẽ vì nước Việt-nam mà lè luon giòng, biến thành ngọn triều phẫn-nộ dâng vọt lên trên mặt biển đông!

Dân-tộc Việt-nam vốn được bẩm-thự chính-khi Ly-Hỏa (49) là giống người thông-minh dễ dạy; lại thầm-nhuần tư-tưởng Khổng Mạnh từ lâu, không phải là giống người đã mất hết liêm-sỉ. Người Pháp quan-niệm rằng hiện nay dân-trí chưa mở-mang và tập-quán của từng lớp nho-sĩ cũng chưa thay đổi, rất dễ lung-lạc được. Nhưng một mai trời khai mở tâm-tư, đất quét sạch mây mù, nhân-dân Việt-nam đi ra ngoài các nước văn-minh, thu-thập thêm nhiều kiến-văn, mở rộng thêm đường học-thuật, tài trí thêm phần tiến-hoa, thì dân Việt-nam sẽ không còn chịu nép mình dưới hơi thở người ngoài; lúc bấy giờ người Pháp muốn chế-ngự cũng khó lòng. Nghĩ như vậy, người Pháp bèn thi-hành ác sách ngu dân, dùng mọi thủ-doạn lung-lạc hưng tai bít mắt người Việt. Chính-sách ngu dân đó như thế nào?

Trước kia, tại Việt-nam, trong việc tuyển-chọn nhân-tài, hai khoa thi văn, võ được song song thực-hiện. Hai khoa thi này vốn cũng là một chinh-pháp hủ-lậu đã có từ ngàn năm nay ... Việt-nam, thật cũng chẳng ra gì. Nhưng đổi-chiếu hai khoa thi, võ-khoa vẫn có cái khí-tượng cương cường mạnh-mẽ hơn là văn-khoa ủy-mị yếu hèn. Biết vậy, nên khi chiếm được Việt-nam, nhà cầm-quyền Pháp liền bắt bỏ ngay khoa thi võ, còn

văn-khoa vì có tinh-cách nhu-nhược yếu hèn thật là vô-dụng thì chúng vẫn cho giữ lại. Người Pháp vốn biết người Việt-nam còn rất thích cái lối khoa-cử vô-dụng này, nên chúng để lại với dụng-ý làm si mê mờ tối hạng thiểu-niên thông-minh. Mà hàng thiểu-niên này, nếu không nhờ khoa-cử tiến thân thì trăm ngàn khò-cực làm sao chịu nổi; do đó làm sao bỏ khoa-cử! Vì thế mà phần nhiều nhân-tài trong nước trở thành vô-dụng. Và chỉ vài năm sau khi cướp được nước, khi thấy rõ nhau-tài Việt-nam đã dần dần thoai-hoa vì khoa-cử, người Pháp liền thay đổi chính-sách: xem thường khoa-cử.

Đầu tiên khi chiếm được Tây-công, người Pháp đã bỏ khoa-cử, cho nên những người đỗ Tiến-sĩ ngày xưa, trong dân-gian không ai biết tên tuổi. Ngày giờ ở Hà-nội, việc khoa-cử cũng lần lần bỏ bớt. Người Pháp cho rằng con đường khoa-cử này tuy không có thực-dụng, nhưng vẫn còn huộc người ta phải đọc sách, và do đọc sách mà có thể tăng phát kiến-thức, tự thoát ra ngoài vòng trói buộc. Chỉ bằng bỏ quách thi-cử, thì bọn người đọc sách cũng không còn, người Pháp sẽ dễ bề-ngự-trị hơn. Cũng vì thế, người Pháp qui chuộng hạng người Việt-nam có biết ít nhiều Pháp-ngữ nhưng mù tịt về Nho-học. Và hiện nay hàng-ngũ quan-chức làm việc cho Pháp toàn là hạng người xảo-quyết, thông-ngôn, ký-lục; còn hạng xuất-thân từ khoa-mục thì mười người chỉ được một hai. Hàng khoa-mục này vốn là hạng người bất cõi liêm-sỉ, bất thành diện-mục, vậy mà người Pháp còn nghi-ngờ dè-dặt; huống là đối với những nhân-tài chân-chính Nho-học thì chúng không nghi-ngờ sao được. Vì vậy người Pháp mới ra một cấm lệnh kêu trời van đất không thấu.

Trong nước, hiện nay nhà cầm-quyền Pháp cho thiết-lập một trường học Đại-Pháp (50), một trường học Pháp-Việt. Nhưng chỉ chuyên dạy bằng Pháp-văn, Pháp-ngữ, để có thể đào-tạo một số ít nhiều tay sai phục-vụ cho người Pháp. Thế thôi! Còn những điều tinh-vi sâu rộng, những điều thực-dụng hữu-ich, người Việt-nam không sao thấy được.

Ngoài trường Pháp-học đó, nếu có người Việt-nam nào xuất-dương du-học, hoặc giao-dịch với người ngoại-quốc để học thêm ngôn-ngữ văn-tư các nước, thì đều bị khép vào tội án-thông với ngoại-nhân mưu-phản và bị trừng-trị. Đối với hạng này, nhà cầm-quyền Pháp quyết tìm bắt cho đưọc. Bản-thân bị giết đã đành, mà cha mẹ anh em vợ con cũng liên-lụy. Trái lại nếu bắt không đưọc, thì gia-sản sẽ bị tịch-biên, phần-mộ bị khai-quật, cha mẹ anh em vợ con bị bắt cầm tù. Không biết dung-ý của người Pháp như thế nào khi thi hành điều cấm kỵ như thế. Thủ hối những người cầu lợc văn-tư ngôn-ngữ ngoại-quốc, cũng như giao-thiệp với người ngoại-quốc, có tội gì với người Pháp mà họ lại nghiêm cấm như vậy. (Hiện nay người Nhật-bản có lập nhà kỵ-nữ tại Hà-nội, Tây-công, và Đà-năng, nhưng người Việt-nam cũng bị cấm không được qua lại các nhà này). Phải chăng như vậy là người Pháp đã làm cho nhân-dân Việt-nam u-mê mờ tối và các quốc-gia văn-minh cường-thịnh năm chẵn cũng đều bị người Pháp hung tai bít mắt chẳng hay biết lý gì?

Người Pháp còn một mánh khép quí-quyết khác là vừa vớt tiền bạc, vừa làm lung-lạc, vừa làm ngu-muội nhân-dân Việt-nam. Đó là việc họ cho thiết-lập tại Việt-nam hai tờ báo: một là « Nhật-báo Đại-Pháp », và một là « Đại-nam nhật-báo » (chỉ hai chữ Đại-Nam này cũng đã cho thấy cõi khôn-quyết của người Pháp. Rõ-ràng ai cũng biết là nhân-dân Việt-nam đã mất nước, thì còn « Đại » ở chỗ nào. Người Pháp toàn lừa dối cả Trời sao!) Cả hai tờ báo này đều đặt tại Hà-nội bên cạnh Phủ Toàn-quyền.

Báo tiếng Pháp do người Pháp nắm quyền điều-khiển. Nội-dung nói trời nói đất, chỉ có người Pháp mới hiểu. Còn người Việt không được biết đến. Báo tiếng Việt, cũng do người Pháp làm chủ-tịch, nhưng người Việt-nam được phân-công tham-dự. Tuy nhiên chúng chỉ chọn những phần-tử nào vô liêm-sỉ, hì được tiền là coi nhà cầm-quyền Pháp như thiên-thần, như cha mẹ, hễ cầm đến bút là ca-lùng người Pháp, như bọn Vũ-

Phạm-Hàm, Chu-Mạnh-Trinh chẳng hạn. Mỗi khi nhà cầm-quyền Pháp ban-bổ một lệnh gì, tuy lệnh chưa kịp thi-hành, bọn báo-chí này đã vội-vàng viết bài hết lời tán-tụng ca-ngợi « nhà nước bảo-hộ » ! Khi kiêm-duyết mà bài báo được Tây vênh râu khen « tốt! tốt! » thì mới cho đăng. Trái lại, nếu hơi có một lời nào phỉ-báng chính-sách hiện-thời, hoặc tỏ vẻ bi-phẫn về thời-sự, thì dù lời văn trôi chảy, ý văn hùng-hỗn, nứa chữ cũng chẳng dám cho lên mặt báo. Báo-chí mà như vậy, phải chẳng là khóa miệng luối, bưng tai bít mắt mọi người ! Chỉ có một việc mà nhà cầm-quyền thích nhất là, khi báo in xong, gởi theo hệ-thống bưu-diện cho các xã-thôn buộc phải trả tiền mua báo. Phủ huyện lớn mỗi tháng báo-phí đến 30\$ ; phủ huyện nhỏ cũng phải 15\$. Còn các xã-thôn, lớn thì mỗi tháng 6\$, nhỏ cũng 3\$. Như vậy, hàng tháng người Pháp đã vơ-vét được hàng vạn đồng về tiền bán báo. Còn nhân-dân Việt-nam, thật chẳng khác nào như đứng trong sương mù mà nhìn trời. Sao khỏi buồn cười được !



## CHƯƠNG THỨ TƯ

## NHÌN VỀ TƯƠNG-LAI VIỆT-NAM

**N**GHE kề tới đây, cõi họng ta như tắc nghẽn, nói chẳng nên lời ; mặt ta nóng ran, lông mày dựng đứng ; ta ngược mắt nhìn người kề chuyện, nói :

Thật sao ! Quả thật nước Việt-nam sẽ luân-vong sao ! Giống người Việt-nam sẽ biến thành loài trùng mặt nước, loài kiêu trong đám lửa ; và một trăm triệu dân da vàng sẽ hóa thành hàng vạn hàng ức người da trắng sao ? Điều đó chưa thể biết được.

Chỉ một mình Thân-Bao-Tụ mà giữ được nước Sở, cũng chỉ vì có ba họ nước Sở mà nước Tần mất. Nếu dân-tộc Việt-nam đều có tám huyết thì chung cuoc mất hay không mất, điều đó cũng chưa thể biết được. Mạnh, yếu, lớn nhỏ là phần thân xác hữu hình ; dũng, khiếp, thật, giả là cái tinh-thần vô hình. Lấy tinh-thần đương đầu với thể xác, càng mãi luyện càng cứng, càng về lâu càng mạnh ; lúc đầu chưa thể thắng, cuối cùng cũng thành-công, chỉ hơn nhau ở chỗ dũng hay không dũng, nhiệt-thành hay không nhiệt-thành thôi !

Nếu quả người Việt-nam nồng lòng yêu nước, nhiệt-thành mến chúa như loài ong, thề sống chết với giặc, liều mình như bồ-bảo giã con ; chợ đầu troi nghiêng đất sụp, non dò biển khô, ma tam-nhiệt-thành, lòng hy-sinh dũng-cảm không hề

họ chịu sống với giặc Pháp, và chẳng phải giống người, thì thật ta chẳng dám nói như vậy.



Còn một hạng người nữa, tò-tông cha mẹ vốn đều là dân Việt, anh em vợ con theo đạo Gia-tô; cùng sinh cùng dục, ai chẳng phải là người ở đời đạp đất đội trời, với ta cũng là anh em, có điều gì phải hiềm nghi nhau. Cho nên, gạt sang một bên âm-mưu ngày trước của người Pháp (56), chỉ biết hiện nay họ cũng đang cùng chịu tai-họa của người Pháp. Từ vài mươi năm nay, đối với người theo đạo Gia-tô, người Pháp vẫn không cho hưởng một sự khoan-dung nào trong các trọng hình trọng phạt. Người theo đạo Gia-tô cũng chẳng được giảm một đồng suru thuế nào! Thật là cái ơn 100 năm trước dẫn lối đến đường, nay lại trở thành thù oán; mấy mươi vạn sinh-linh những mong được phúc nay đều mang họa. Xem đó thì biết lòng dạ trớ-tráo của quân giặc Pháp! Phải đâu như đồng bào Việt-nam chúng ta cùng tin-tưởng nhau. Cho nên quỳ gối đi từ giặc sao bằng đồng lòng bảo-vệ giống nòi! Cõi thiền-đường đời sau chưa thấy, những mong hiện-tại hòa-bình; địa-ngục trước mắt thương thay, nỗi ngời trong cảnh tình đờ-thần!

Thứ ngời lặng mà suy, đồng-bảo Gia-tô-giáo cũng là dân Việt-nam, tất phải bảo-vệ đất nước mình. Có như vậy mới là người dân theo đạo Thiên-Chúa, mới là người dân theo Thiên-Chúa Cứu-thể-giáo, mới là đồng-bảo Việt-nam. Còn nếu như không chịu diệt giặc Pháp, chỉ ngồi nhìn bọn giặc làm hại người Việt, thì đâu còn là tín-đồ Thiên-Chúa, và như vậy trong đạo Thiên-Chúa, Cứu-thể không có đạo-lý ấy, cũng như trong đồng-bảo Việt-nam không có hạng người ấy.

Dày là hàng người theo Thiên-Chúa-giáo mà lòng quyết tiêu-diệt giặc Pháp để bảo-vệ đồng-bảo, bảo-vệ đạo-giáo. Nếu bảo rằng dân Gia-tô-giáo không có tư-tưởng diệt Pháp, thi nhân-dân Việt-nam quyết không nói như vậy.



Còn một hạng người hèn-hạ mưu-sinh hả miệng chờ ăn, quanh năm rút bòn máu tủy không đủ cung cho suru thuế. Ngày ngày xuôi ngược, đi làm thuê cho giặc cũng chẳng đủ ăn, vợ con nheo nhóc, lại còn lo dịch-lại kêu đòi, lời sú-phụ day răn cũng mặc, chỉ sợ tuần-định trói tay. Tình-cǎnh như vậy còn sống làm sao, thân hình như thế, khổ chẳng chết liền! Ta đâu phải là cá thịt, những ngại cho dao thót tung-hoành, khổn nỗi thời thế hiếm anh-hùng, giang-sơn vắng lặng. Há họ lại không biết rằng:

*Dại cũng chết mà khôn cũng chết  
Công đâu chui rúc mãi như ai.*

Rồi ra vạn sự đáo đầu, một trường thí mạng. Nếu chẳng may mà chết, còn được tiếng là anh-dũng, chết mà sung-sướng, mà được tiếng thơm. So với cái chết xác mồi-mòn, từ từ đợi chết, như con chó đói chết, như con cá chết khô, rồi cũng chết cả, mà chết chẳng ai hay; thật vinh nhục khác xa nhau biết bao!

Huống chi, người Việt-nam chúng ta đông 50 triệu, nếu thật lòng đồng tâm hiệp lực góp sức chung tay, kẻ nhen lửa người gát củi, cùng tiến bước, đấu-tranh với quân Pháp, thi vạn người Việt cũng giết được 100 tên giặc Pháp, ngàn người Việt giết 10 tên giặc, và 100 người Việt cũng giết được 1 tên. Bốn năm ngàn tên giặc chỉ 4, 5 vạn người Việt chúng ta là có thể giết xong. Loại người mắt tro râu quăn, làm sao sống chung nỗi với người Việt. Được như vậy, người Việt-nam nhất định không bị tiêu-vong. Ta biết dân-tộc Việt-nam đan-khổ cũng đang có những tư-tưởng như vậy. Và tất nhiên dân-tộc Việt-nam sẽ mạnh-mẽ vùng lên, quyết đấu-tranh với giặc Pháp, quyết không để cho giống người da trắng mắt tro râu hổ sống sót một tên nào trên đất nước này.

Dày là hàng người Việt cương-quyết không chấp-nhận một chế-dộ hèn-ngược, nhất định tiêu-diệt giặc Pháp. Nếu như bảo rằng họ không có ý-chí tiêu-diệt giặc Pháp, tức là xem

một phút hao mòn, thì như vậy là tinh-thần đã sung-mẫn, thê-xác phải dũng-mẫn; mấy ngàn thằng quỉ Pháp thèn oán người că n, nhất định không thể cùng sống lâu với 50 triệu người dân Việt cương-quyết diệt thù được; chỉ trong chốc lát mà thôi. Nếu như mọi người Việt-nam đều có tâm huyết như vậy thì làm sao mất nước được!

Đúng thế!

Thứ hỏi người Việt-nam có tâm-huyết không? Thật là điều khó nói quá! Vì nếu bằng vào những sự-kiện rõ-ràng thì quả thật như không một người Việt-nam nào có tâm-huyết cả. Nhưng nếu lý ý đến tinh-thần hồng-bột ngấm ngầm thì lại không một người Việt nào là vô tâm-huyết. Vì có bao giờ họ bày tỏ cùn-trường cho thấy rõ, riêng ta cũng phải từ trong lòng họ mà ra. Tuy nhiên, Việt-nam là quốc-gia của một giống người, chứ không phải của loài thú-vật, cho nên ta cứ theo cái lẽ người mà suy ra và trình-bày cho mọi người rõ.

Trước hết, nói đến hạng người vốn dòng phiệt-duyệt, vọng tộc Nho-gia. Toàn gia-đình họ đời đời hưởng lộc trời chịu ơn vua, trên một trăm năm nay trong cảnh phú-quí của họ, có miếng đinki-chung nào lai không phải là túy máu của nhân-dân Việt-nam. Một vài kẻ dũng-dĩnh ngựa xe, xênh-xang áo mào, cũng có đầu óc người Việt.

Vậy mà xót-xa thay khi trời long đất lở, dâu biền đổi dời, tru giòng trời (51) không người nянց dő, chống nhà lớn (52) chẳng biết nhờ ai! Lúc bình thời, họ chịu ơn vinh-hiển của quốc-gia như thế, suo đến lúc biến, trước họa-hoạn của non sông họ lại đanh nhín mà chịu làm ngõ! Cảnh khuya trông hóng, vuốt bụng gâm mình, thử hỏi tò-tôn cha mẹ ở đâu sinh ra ta, thử hỏi cơm áo vợ con do đâu mà có! Một sáng ngoại-nhân tời, làm trời làm đất gì cũng mặc, sao ta lại có thể chịu ngồi yên! Ta đâu phải giống trâu heo, đâu phải loài gỗ đá, sao ta lại cam chịu thờ phụng người Pháp được! Xưa kia Trương-Tử, Phòng cam tâm phả-sản chỉ vì nghĩ tới năm đời chịu ơn (53), và Văn-Thiên-Tường chịu hao tài cũng chỉ vì không phu

cái công hàng 100 năm dưỡng-sĩ. Nhắc tới can trường của cô-nhân, chắc rằng con em Việt-nam sẽ phấn-khởi lên mà nói: các vị đó là người thế nào, còn ta là người thế nào? Nếu chúng ta cũng có hành-động như họ, thì có khác chi nhau!

Hạng người như vậy, chính là người Việt-nam quyết đền ơn nước, nhứt quyết tiêu-diệt giặc Pháp. Còn bảo họ không quyết diệt trừ giặc Pháp là họ không phải giống người, thì nhất định họ không như thế.

Lại có một hạng người khác nào lũ con đẻ nhà Châu (54), bầy duy-dân của nước Tống (55); mưu sự Cần-Vương đổi với họ là nghĩa đương-nhiên. Vậy mà một người khôi-nghĩa, toàn gia tiêu-vong. Đánh giặc thi có tội gì, vậy mà con đi truyền quân hịch, cha phải vào tù. Giặc Pháp giết hại cha mẹ sur-trưởng họ, tàn-sát vợ con anh em họ, phá hủy nhà cửa, tịch-biên gia-sản họ. Mỗi thù đó, có một ngày nào họ nỡ bỏ quên sao? Nếu như họ quên nhà cửa, tài-sản được, thì ta cũng mong cho họ quên. Nhưng ta thử hỏi cha mẹ sur-trưởng của họ bây giờ ở đâu rồi? Phải chăng đã bị giặc Pháp giết hại? Ta hỏi anh em vợ con họ bây giờ ở đâu rồi? Phải chăng đã bị lũ giặc tàn-sát hết? Ra đời vỗ ngực nam-nhi, danh xưng thật đẹp, mà cui đầu thờ phụng giặc thù, thật là đồ ô-uế trong vũ-trụ. Họ làm nam-nhi với danh xưng tốt đẹp hay là vật bẩn nhơ? Chỉ biết ăn cho no, mặc cho ấm rồi cùng sống chung với giặc, họ sẽ ăn nói sao với các bậc cha mẹ, sur-trưởng, với anh em vợ con đang hàm-oan nằm trong lòng đất! Nhưng ta vốn biết họ là giống dòng Việt-nam, không phải nòi giặc Pháp, ta biết họ săn huyết-tinh nam-nhi chứ không như loài chó lợn; ta cũng biết họ đang ngấm-ngầm suy-nghĩ để anh-dũng quật-cường; họ sẽ dơ tay lên mà hò to: « Hồi quân thù, hồi quân thù! Ta thè quyết tàn-diệt lũ mày để ăn gan uống máu! »

Hạng người này đối với giặc Pháp vốn vừa có thân-cừu, vừa già cùn, chắc chắn không chung trời với giặc. Nếu bảo

họ là loài thảo mộc, không phải là người. Ta không tin như vậy.



Lại còn một hạng người quả thật là chân-chính, xứng đáng là dân da vàng, là nam-nhi nước Việt. Họ vốn không chịu ơn vua lộc nước, cũng chẳng có thù gì với Pháp, nhưng chỉ vì là dân da vàng mà quyết không chịu để cho dân da trắng làm cá thịt.

Bội trời đạp đất đứng giữa cõi đời làm người, họ tin đại cuộc lấp biển đời non, mọi việc đổi thay, tình-thế đều do tự mình quyết-dịnh cả. Hạng này thật không phải là nhiều, nhưng nghĩ rằng trong dân-tộc Việt không có một người nào, thì chẳng đáng hổ thẹn sao! Ta tha-thiết mong rằng dân-tộc Việt-nam có hạng người ấy, và tin chắc rằng Việt-nam có hạng người ấy!

Đối với hạng này, ta cứ lấy nhân-lý mà bàn: dân-tộc Việt chẳng phải là một giống thú-vật. Nước Việt chẳng phải là một nước thú-vật, tất nhiên tâm-trạng họ phải có như vậy.

Tuy nhiên, ta cũng chưa tin hẳn. Vì ta biết từ khi bị Pháp chiếm, dân-tộc Việt-nam ai cũng như ai, chỉ làm nô-lệ cho quân giặc. Chẳng hạn như loại Hoàng-Cao-Khai, Nguyễn-Thân, là những tên đã dốc toàn-lực phục-vụ giặc Pháp, gây tai-họa cho người Việt, giúp người khác giống làm cá thịt đồng-bào. Cho nên bảo rằng dân-tộc Việt-nam không có hạng người như thế, và người Việt-nam đều có tâm-huyết thì thật khó lòng tin nổi. Thật là đau xót!

Nhưng nói đến lòng người Việt, thì chính ta lại đặt niềm tin vào hạng người này, ta đặt hy-vọng vào hạng người này. Ta cứ lấy ví-dụ: nhà có một người con gái, mà hai gia-dinh hàng xóm Đông, Tây hai bên đều muốn lấy làm vợ. Con nhà bên Tây đẹp nhưng lại nghèo, con nhà bên Đông xấu nhưng

lại giàu. Hỏi nguyên-vọng con gái như thế nào thì nó trả lời: ăn cơm ở nhà bên Đông, nhưng sang ngủ nhà bên Tây. Bọn Nguyễn-Thân, Hoàng-Cao-Khai sao không biết làm như vậy? Há lẽ bọn này lại thích làm vợ tên xấu mặt sao? Chỉ cần ăn cơm thôi mà! Vậy thì Nguyễn-Thân đời đời đã chịu ơn nước Việt, cha Thân là Bá-tước của nước Việt, Thân là danh-gia túc đệ, biết đọc sách thánh-hiền, biết bàn luận về việc này người nọ thật là thông suốt dễ nghe. Còn Hoàng-Cao-Khai, dù khú-a thi Việt, được cho đỗ Cử-nhan, thật là thiếu-niên sừng-sỗ, có tư-tưởng lập công-danh. Tuy cả hai hiện đang làm tay sai thực-sự cho Pháp, nhưng bảo họ là tay sai, chắc-chắn họ không nhận như vậy! Sở-dĩ họ hết lòng phụng-sự người Pháp hoặc là vì thời-thế bức-bách dập-dồn, đi sai đường lạc lối, hay là ủy-khúc đợi thời-cơ, thật chưa biết được.

Một phút sa chân thành thiêng cõi hận, ngoảnh đầu nhìn lại, một đời đã xong! Đến như hạng người hèn-hạ buôn người bán thịt mà còn có chút lương-tâm, còn biết Việt-nam vốn là tề-quốc của cha ông mình, của đồng-bào mình, không nỡ ngồi nhìn giặc Pháp phá-hoại, huống là bọn Thân và Khai. Cho dầu là người cuồng-dại tàn-tận lương-tâm, cũng chưa đến nỗi bỏ quên đất nước, chạy theo mồi phú-quí trước mắt để mua lấy ô danh đời sau. Khai và Thân vốn cũng tự biết không hay ho gì về hành-động thất-sách của mình, hơn nữa, thái-độ của giặc Pháp như thế nào há cả hai lại không biết hay sao! Thủ chết giết chó, chim hết gác cung là chuyện xưa nay vốn thế, mà với người Pháp, chúng lại càng tàn-nhẫn hơn nhiều! Gương tày liếp Nguyễn-văn-Tường ngày trước còn sờ ra đó.

Than ôi! Thân và Khai đều có trí-lược, đều biết đọc sách thánh-hiền. Người có trí-lược tất biết rõ thời-cơ: biết đọc sách thánh-hiền tất mạnh-dạn cải-quá. Một mai đổi hướng bánh xe, vùng lên trở dáo, vì cha ông đáp đền ơn nước, vì đồng-bảo mưu cuộc sống dài lâu. Hai người thế-lực lại lớn, công-cuộc vận-động tất dễ-dàng. Trước đây vì phục-vụ giặc Pháp mà nô-lực những 20 phần, thì ngày nay, vì lợi-ích đồng-

bào lai càng nên tăng lên trăm ngàn lần hơn nữa! Đã già hoàn-lương vẫn còn hơn là gái già thất-tiết. Nếu Thân và Khải có quyết tâm làm được như vậy thì thật là mưa tạnh mây tan, tròn xoay đất chuyên. Thể-lực hai người dồn vào đại-cuộc càng nhiều, mạch sống đất nước Việt-nam càng được nâng đỡ, và lòng người Việt-nam càng mong nhớ vào hai người đó. Đối với hai người đó, ta sẽ tôn-kính họ, ca-tung họ, dựng tượng đồng bia đá để kỷ-niệm họ.

Đảng này cả hai đóng cửa ngủ ngon, để mặc đồng-bào Việt-nam tự quyết định vận-mang của mình, đối với đồng-bào, họ thát chảng còn một chút ích-lợi nào nữa. Thật khác nào như trời với vực!

Mặt khác, ta cũng không thể tin được, vì ta biết người Việt-nam chịu đi lính cho Pháp, nếu là phủ huyền nhỏ không dưới vài trăm, và tỉnh lớn cũng không dưới vài ngàn người. Tính chung toàn quốc số lượng lính tập cũng đến 3, 4 mươi vạn.

Làm thân tu mi của giòng giống Việt mà chịu làm đạn mang vai, súng giắt lưng cho người Pháp, chịu để cho người Pháp sai khiến, bảo sang Đông cũng đi, sang Tây cũng đến! Biết bao nhiêu người Việt-nam tóc xanh răng đen hiện đang được kết tập theo sau lưng người Pháp, chịu để cho chúng tay đấm chân đá, suốt ngày chảng biết xót-xa, người mà như vậy, còn bảo là có tâm huyết được sao! Ta không tin như thế! Nhưng chảng muôn giải-thích cho rõ làm gì. Chỉ nói một cách khái-lược làm ví-dụ:

Có con chim cưu ngày ngày lo làm tổ để cho chim thước đẻ. Có người nhà giàu ngày ngày lo dạy con gái để về làm việc cho nhà con trai. Người Pháp trói buộc cha mẹ anh em, dồn họ-hàng làng nước vào thế cùng khổ, vậy mà lại còn bắt buộc hàng người này làm nanh vuốt cho chúng, thì há lại không biêt quay trở lại mà diệt chúng sao! Không có lý như vậy! Ba bốn mươi vạn lính tập người Việt, được người Pháp thao-luyện; khí-giới của Pháp, lính tập Việt cũng đang cầm

trong tay. Mang khí-giới Pháp để cùng lính Pháp ra trận..., lính tập Việt thật đáng gọi là trung-thành với Pháp vậy. Thế nhưng, cha mẹ anh em lính tập đang bị ai trói buộc, họ-hàng làng nước lính tập đang bị ai làm cho khổn-khổ? Lính tập vẫn thường sút-sùi mà kẽ-lè như thế! Huống chi, khi công cuộc xâm-lược đã xong, người pháp đối-dãi với lính tập chẳng còn ân nghĩa gì nữa! Mà ngày lai càng gò bó gắt-gao, phuc-dịch ngày càng nhiều, trong khi lương hường ngày càng giảm bớt. Trước kia, lương tháng lính tập còn được 10\$, hoặc 12\$, có khi nhiều đến 15\$. Thế mà nay chỉ còn 8\$, hoặc 6\$, hay ít hơn nữa, chỉ còn 4, 5\$. Chiến-trường lửa đạn, xem lính tập như thiêん-thần, đến khi tình-thể lặng yên, coi lính tập như cỏ rác. Cắt cỏ cho ngựa, lính tập; quét dọn cũng lính tập; trước kia làm gì có chuyện đó, vậy mà nay thì như thế thật! Chém cây đẵn gỗ, lính tập; gánh nước chè củi cũng lính tập, trước kia làm gì có như vậy, mà nay lại như thế. Người Pháp lang sói như vậy, người Pháp qui-quyết như vậy, lính tập vốn thừa biêt! Làm người ai không có cha mẹ anh em, ai không họ-hàng làng nước; cũng tai mắt như nhau, ai là người lại vỡ tâm huyết? Cắt thịt mẹ cha anh em mình để cho mình ăn no! Lòng dạ các chú lính tập yên được sao! Hút máu mủ họ-hàng làng nước mình để làm ngọt miệng mình, các chú lính tập vui-vẻ được sao! Các chú được người Pháp trả cho mỗi tháng bất quá 10 đồng bạc, nhưng da thịt các chú cũng đã bị người Pháp huộc phải trả lại cho chúng biêt bao ngàn vạn! Chính-sách nạo vét của chúng thật biêt bao giờ mới chấm dứt!

Đau xót biêt bao nhiêu, xào nấu đồng-bào mình để nuôi béo lũ giặc, vậy mà mình vẫn tự-nguyên vui-vẻ vác củi nhen lò! Tình người há lại như vậy được sao? Cho nên bảo rằng anh em lính tập thật lòng với Pháp, bảo rằng họ phản lại đồng-bảo, bảo rằng họ giúp tay giặc Pháp đánh lại người Việt, chắc-chắn là không có lý như vậy được!

Lính tập, lính tập! Các chú há không là người sao? Linh

tập, linh tập ! Các chú lai lòng dạ dê chó sao ! Chắc chắn linh tập không phản-bội đất nước, linh tập không giúp sức cho bọn giặc, và linh tập vẫn mang nặng tấm lòng tiêu-diệt giặc thù !

Và có bài ca như sau (57) :

Các chú linh tập  
 Các chú linh tập  
 Chú ở An-nam sinh  
 Chú ở An-nam trưởng  
 Chú sung chú sướng  
 Chú phủ chú phê  
 Chú mẫn hạn nề  
 Thủ sưu chú chết  
 Họ-đương chú la-liệt  
 Thân-thích chú xác-xo  
 Chú nghĩ lại biết chưa  
 Tây thương yêu chi chú  
 Tây công ơn chi chú  
 Chú con một họ  
 Chú cháu một nhà  
 Yêm bà lại buộc cổ bà  
 Lạy lạy chúa !  
 Trăm lạy, ngàn, vạn lạy chú !



Đâu phải chỉ có bọn linh tập sao ! Lại còn bọn thông-ngoan, kỵ-lục, thậm chí có bọn còn làm bồi bếp cho Pháp..., tất cả vốn là người Việt, vốn có tâm-trang như linh tập. Há có người này lại quên đất nước của tổ-tiên cha mẹ, cam tâm làm tay sai cho Pháp sao ! Không lẽ tất cả đều chạy theo giặc Pháp để làm cá làm thịt đất nước tổ-tông cha mẹ sao !

Quân cướp nước nhất định phải nguy, nhất định phải nguy !

## PHỤ - LỤC

### LỜI NÓI ĐẦU VỀ VIỆT-NAM VONG QUỐC SỬ

(Chép lại theo lời một người  
 Việt-nam lưu-vong)

#### ★ Lời người phiên-dịch

Cứ nhan-dẽ đoạn văn, đáng lẽ chúng tôi phải xếp lên phần đầu « Việt-Nam Vong Quốc Sử ».

Nhưng theo nội-dung, đoạn văn dưới đây là của Âm-Băng-Thất Chủ-nhân Lương-Khai-Siêu tường-thuật lại câu chuyện trong buổi so-kiến giữa Ông và chí-sĩ Phan Sào-Nam — dĩ nhiên là trước khi Phan Sào-Nam viết « Việt-Nam Vong Quốc Sử ».

Và chăng, nội-dung đoạn văn cũng như một bản tóm-lược « Việt-Nam Vong Quốc Sử ». Chỉ ở những dòng cuối cùng, Âm-Băng Chủ-nhân mới đưa ra một nhận-xét — rất xác-đáng, theo thiền-ý chúng tôi — về quá-trình phát-triển từ đế-quốc La-mã đến chính-sách thực-dân xâm-lược của các cường-quốc Tây-phương, cũng như niềm tin của Ông vào cuộc tranh-đấu tự tồn tất thắng của dân-tộc Việt-nam.

Chúng tôi phiên-dịch phần Phụ-lục này với dụng-ý trình hầu Qui Vị « dư-âm hào-hùng » của một tác-phẩm cách-mạng.

NGUYỄN-QUANG-TÔ



**M**ỘT hôm Âm-Băng tôi đang ngồi trong nhà, đọc bản sách bình-luận về việc Nhật-bản thống-trị Mân-châu. Bỗng có một người nói là người Trung-quốc tới xin gặp, nhưng không cho biết tên tuổi là gì. Người khách lại đưa một lá thư tự giới-thiệu, trong lời phát-doan cho biết: « Chúng tôi là người lưu-vong, là duy-dân ở Nam-hải; hàng ngày đang tranh sống với một bọn sài-lang. Thường khi mỏi mắt trông trời, chém gươm xuống đất, trong lòng u-uất hậm-hực thật chẳng còn muốn sống. Ôi ! Thà chúng tôi chết,

chúng tôi thật không còn một sinh thú nào làm người ở đồi nữa!» Tiếp đó, thơ của khát lại bày tỏ nguyện-vọng chân-thành muôn được gặp tôi với lời lẽ: « Trước khi chết xin được gặp Ngài. Tôi gặp được Ngài rồi thì chết cũng không ân-hận gì nữa! »

Àm-Băng tôi nghĩ rằng: Cùng một tiếng khóc nấm đất nên đã biến thành tương tri, mươi năm mãi đọc thư cũng trở thành thông-cảm. Suy-luận như vậy nên càng tự tin rằng không phải vô cớ mà khách lạ đường đột tới nhà.

Tôi nhận thư và thiếp xong, khách vào nhà, thì ra còn có một người đi theo khách nữa. Người theo khách chứng đã ở Lưỡng-Quảng vài mươi năm, có biết nhiều ngôn-ngữ địa-phương này (58).

Hình-dung khách tuy tiều-tụy, nhưng trông vẫn có vẻ tuấn-vi bên trong Trông biết ngay không phải là người tầm-thường.

Chúng tôi bút-dàm với nhau được vài khắc, nhưng vì phòng khách quá ồn-ào chưa thể kết-thúc câu chuyện được. Con em trong nhà nhận thấy khách lạ, cũng muốn xem phong-thái và cách ăn nói của khách ra sao; và lúc bấy giờ đứng hai bên chúng tôi cũng đến mươi đứa. Vì vậy chúng tôi hẹn nhau sẽ gặp lại. Hai ngày sau, theo đúng hẹn, chúng tôi gặp lại nhau tại một túu-lâu nhỏ — túu-lâu Thái-bình-dương ở Hoàn-tân. — Nơi đây trời cao biển rộng, phong-cảnh đẹp tươi, khí xuân phóng-khoáng tràn ngập trong ngoài. Vậy mà ai biết bên trong đang có người nước mắt đầm-dìa!

Ngồi vừa yên chỗ. Tôi mới hỏi về hành-trình của khách ra sao. Khách trả lời: « Từ khi Việt-nam mất nước, chính-phủ Pháp nghiêm cấm việc xuất-ngoại; mọi âm-mưu vượt biên-giới sẽ bị tội chết, nếu có được giảm nữa cũng phải đày đi Côn-lôn (một hòn đảo nhỏ ở bờ biển phía Nam Việt-nam, là một nơi danh-thắng). Những người như tôi, người Pháp lại càng theo dõi sát-sao hơn. Muốn xin một giấy thông-hành đi lại trong nước cũng không được, nói gì đến việc xuất-dương. Riêng tôi, khi ra đi đã phải ăn mặc theo lối Trung-quốc, mạo-niệm quốc-tịch Trung-quốc, giả dạng người làm công cho một thương-gia Hoa-kiều tại Việt-nam mới di thoát được.

Thế nhưng! Một người trốn thoát, thì bà con họ-hàng lại bị giam cầm giết hại. Như hoàn-cảnh tôi thật đau-xót căm giận muôn vàn: nuôi mẫu-thân cho tới ngày người mất, sau đó, tôi phải đem gởi giấu vợ con tới nơi xa-xôi hẻo-lánh, rồi bấy giờ mới tính được việc trốn ra ngoài ». (59)

Tôi nói: « Hoàn-cảnh của khách thật đáng thương tâm! ». Khách

tiả lời: « Phải đâu chỉ một mình tôi! Những vị trưởng-lão quí-tộc trong nước, hoàn-cảnh lại càng thảm-thiết hơn nhiều! » Nói xong, khách bèn lấy từ trong một bao da nhỏ ra một vật đưa cho tôi xem. Tôi xem xong mới rõ là đơn xin cấp giấy thông-hành của Kỳ-Ngoại-Hầu. Đơn viết:

« Đông-Cung ..... Hoàng Thái-Tử .....  
hầu ..... kính bẩm đơn xin việc như sau:  
Nguyên con trộm nghe Quí Quốc có .....  
..... con vốn là kẻ sơ-sinh chưa hiều sự thế như thế nào .....  
Nay con xin phép được mang theo hai người nhà cùng ai với  
con tới ..... gọi là cung bái chút tình, đồng thời đề  
thuận-tiện khi trở về ..... thu-trập ..... hài  
cốt ..... , hầu mai-táng, khỏi chịu cảnh trôi dạt.

Kính xin quan Khâm-sứ đại-thần ở Huế thương tình chấp-thuận, cấp-phát cho con một giấy thông-hành để phòng mọi sự trở-ngoại.

Nay kính bẩm.

« Thành-Thái.... niê.... nguyệt.... nhật. »

Giấy dùng là một mẫu giấy in có đóng thẽ của nhà cầm-quyền Pháp; có chữ ký và con dấu của Khâm-sứ Pháp

Tôi đọc qua một lượt, nước mắt trào ra uất đầm mi mắt, rồi buột miệng nói: « Thương thay, thương thay! Báu ngọc san hô tay xách nách mang, công-tử vương-tôn đầu đường xó cho! »

Tôi lại hỏi tinh-danh là gì thì khách vẫn không chịu nói, mà chỉ khẩn-khoản xin làm người tôi tờ! Giòng dõi qui-phái của một vong-quốc lại ở trong một hiện-trạng như thế này sao! Cái chuyện xung con xung cháu ở đồi Tống cũng là do trời vậy!

Lúc đó, nước mắt khách cũng tầm-tà tuôn rơi, uất đầm tờ giấy dùng để bút-dàm.

Tôi vội nói: « Xin khách ráo lè, nói hết lời cho! Tôi vẫn nghe Việt-nam còn có vua, nay không biết nhà vua ra sao? »

Khách đáp: « Sau trận tấn-công năm Ất-Dậu, người Pháp đã đưa vua Hàm-Nghi của chúng tôi sang Alger ở Nam-Phi; và cấm tuyệt người Việt-nam qua lại tin-tức thăm hỏi; tới nay là 20 năm rồi, nhà vua sống chết ra sao không rõ. Vua hiện giờ hiệu là Thành-Thái, vốn

trước là Thiên-vương, nay được người Pháp lập nên. Khi lên ngôi Ngài mới có 10 tuổi. Vì người Pháp thấy không có lợi nếu nước chúng tôi có vua lớn tuổi, nên mới lập Ngài lên, hàng năm Pháp cho hưởng lương 6.000 \$. Chỉ có thế! Phàm việc khen thưởng từ hàm Tòng-tướu-phẩm trở lên, trừng phạt từ tội 10 trượng trở lên, đều do quan-lai Pháp định-doạt. Trong cuộc sống cháy rụn đó, ôi còn gì!

Tôi nói: « Tôi thành-thực xót thương hoàn-cảnh của khách, thành-thực kính mến khách. Chẳng hay anh-hùng chí-sĩ của quý quốc phỏng được mấy người, mà dành làm nô-lệ cho người Pháp, mong giữ lấy hơi thở héo-hắt nhất thời đê tự an thân! »

Khách đáp: « Đệ-tử tắm gió gội mưa, vượt hiền-nghẹp bôn-tầu trong nước đã ngót 20 năm trời; lên ngàn xuồng biển, khắp đó cung đây, nay xin thề chẳng dám đặt chuyện dối Ngài. Nếu như kiềm-diêm người nước tôi, thì có thề chia làm 5 hạng:

Hạng quyền cao chức trọng, từng chịu ơn áo cơm của đất nước đã vài trăm năm nay. Vốn có chí như Trương-Lương mưu diệt Tần để báo thù cho Hàn-quốc. Nhưng giới thượng-lưu qui-phái ấy vốn đã quên tính ăn súng mặc sướng. Tuy vậy không phải hoàn-toàn không ai có tinh-thần đấu-tranh mãnh-liệt. Hắn còn có một đời nhà danh-gia thế-phicket, được người đời trọng-vọng, cũng biết tùy cơ dấy nghiệp, thừa thế nồi lên. Người có khả-năng mưu-đồ đại-sự như vậy, thì trong vài mươi cũng có được một.

Chỉ có số người vì nước loạn mà trở thành cô-nhi nghiệt-tử; sau trận quốc-biển Ất-Dậu, chiếu Căn-Vương ban xuống, nhất là nồi dây nhir sóng cồn thác đỗ, ở những vùng như Nghệ-an, Hà-tĩnh, Bắc-ninh, Sơn-tây..., người ta vùng dậy cuồng-nghiệt như con thiêu thân lao vào ánh lửa, như đàn ong luyện-tổ. Cho nên kẻ đê-xướng khởi-nghĩa cũng rất nhiều, và chống nhau với giặc cũng khá lâu. Đến khi tàn cuộc, bị tàn-sát cũng rất ghê-gớm. Số người này nếu ai còn sống sót, thi họ tìm nơi ẩn náu, nhưng lòng vẫn chất-chứa phẫn-uất căm-thù. Mỗi thù chung của nước cộng với thù riêng của nhà, nếu gặp dịp là họ vùng dậy ngay. Mặc dù thế-lực chẳng có bao nhiêu, nhưng với hùng-kì dám hy-sinh, không bao giờ họ sợ chết. Nhìn chung trong nước, 10 người cũng có được 1, 2 người như thế.

Rồi tới hạng người thứ ba, là những người không còn sinh-lộ, thâm-thiết bo-bo, sống không yên- ổn, muốn chết cũng không xong; lòng khát-vọng mênh-mông, khác nào trông đợi mưa rào tuôn đỗ. Họ không hề lo nghĩ gì xa-xôi, chỉ biết hễ có ai kêu gọi thì sẵn-sàng hưởng- ứng. Mẫu người như thế, 10 người cũng có được 5.

Rồi đến hạng con em những gia-dình có học, đau buồn vì cảnh nhà vận nước, bôn-tầu ngược xuôi, lấy máu làm cơm ăn, nước mắt làm nước uống, nguyện thà chết theo nước, chứ không sống chung với giặc; ân oán bạn thù dứt-khoát, chỉ dốc một bầu tâm-huyết nhiệt-thành, đứng thẳng giữa khoảng trời đất. Thật ra hạng người này cũng đã bị tiêu-hao lão-hồi, chẳng còn được mấy. Tuy nhiên, một dân-tộc khai sáng đã lâu đời, trước một tình-thế đòi hỏi giải-phóng rất cấp-bức, thì một tiếng gà nồi lên trong buổi gió mưa cũng thấu đến trời xanh. Mẫu người như thế, trong 100 người cũng có 1, 2.

Tất cả 4 hạng vừa kể, nếu cộng lại cũng đã chiếm 8/10 dân-số Việt-nam chúng tôi. Ngoài ra, toàn là bọn tránh-hồ, ốc-dộp-bi-đi. Vô tài bất-trí, bọn chúng chỉ biết trung-thành với chủ Pháp, với manh áo chén cơm. Một mai có xảy ra chuyện gì, thì bọn chúng cũng chỉ là những dời-bọ trong xương-bò ra cho giúp người Pháp mà thôi.

Tôi đáp: « Thương thay! Vi-đại thay! Lời khách nói đúng chăng. Nếu quả như vậy, thì thật đáng hờn-thẹn cho Trung-quốc này! Có con dân như vậy, làm sao mà nước mất được! »

Khách nói: « Lúc Việt-nam chưa mất nước, hạng người phản-bội giúp giặc đều chỉ vì lợi riêng mà dẫn đường cho chúng. Hạng thứ nhất là tín-đồ Thiên-Chúa-giáo. Hạng khác nữa là bọn thông-ký. Họ không biết rằng sau khi vua bị bắt rồi thì « chim hết, gác cung », người Pháp chỉ xem họ như bầy nô-lệ. Từ trước khi nước chưa mất, những lợi quyền đặc-biệt cũng đã bị vơ-vét không còn một chút gì; cho đến khi các giáo-si từ bên Tây sang, thì lại càng trói buộc, xem họ như cá thịt. Vì vậy mà các tín-đồ sáng-suốt đã oán-giận vô cùng. Trước đây 10 năm, họ đã ngầm liên-lạc với hải-thuyền của Anh-quốc, mưu-đồ tính việc làm cho hả giận; nhưng cơ-mưu bị lộ, họ đã bị giết hàng 100 người. Nói chung hạng này đến nay là giáo-đồ, mà trước kia là loài ưng khuyễn.

« Nếu có kẻ đi làm thuê làm mướn cho nhà quan, thi lúc đầu tỏ ra hi-hứng khôn-khéo đê hòng lập công chó săn, đê khi được mời, chủ cho hưởng cơm thừa canh cặn. Đến lúc bụng sấp đầy thi liền bị chόp đầu. Hạng này thật đáng là công-cụ cho giặc Pháp. Sống kiếp nô-tỵ 20 năm trời, kiém chác được may ra khỏi đói rét, ngoài ra nào có gì đâu! Hạng ngu mè tăm-tối này giờ đây chắc đã hối-hận, nhưng buông hương (60) cũng không sao kịp! »

Tôi ngồi nghe mà lặng người đi, không biết ăn nói làm sao. Trong lòng tự nghĩ rằng: Ước gì mà đồng-bào Sơn-đông, Mân-châu chúng

ta được nghe lời nói này. Ước gì mà người Trung-quốc ta được nghe lời nói này!

Khách lại nói: « Nước Việt-nam với diện-tích 26 vạn 3 ngàn dặm vuông Anh (61), bằng nước Nhật-bản. Dân-số Việt-nam, cứ theo số định chịu thuế thân của người Pháp lập ra, thì tới 25 triệu; trong đó Tây-cống 10 triệu, Hà-nội, Huế và các tỉnh khác 15 triệu. Kỳ thực thì dân-số Việt-nam không chỉ có chừng ấy. Nguyên là vì tiền sưu (thuế tinh theo nhân-khẩu) quá nặng, nên phải ẩn lậu dân-số rất nhiều, này pháp-luật hành-chính của người Pháp không phải thật sự được tồ-chức chu đáo. Chỉ ở Tây-cống, nơi có quan-chức cao-cấp của Pháp trấn-ly, việc truy-cứu nhân-số rất sít-sao, nên số sách năm vũng được thực-trạng. Còn trừ Tây-cống ra, dân-số cũng đến bảy, bốn mươi triệu, và toàn-quốc cũng gần bốn năm mươi triệu, không kém thua dân-số nước Nhật bao nhiêu. Nếu như có anh-hùng hào-kiệt lãnh-đạo và biết sử-dụng, thì nhân-số này cũng đóng góp hữu-hiệu vào công-cuộc mưu bá đế vương ».

Từ mồ đầu câu chuyện tối nay, tôi với khách đã trao đổi với nhau nhiều ý-kiến rất rõ-ràng. Tôi vốn đang có nghĩa-vụ bí-mật, nên chẳng dám nói thật ra (62).

Trong câu chuyện, khách cho biết rằng quân-số Pháp đồn-trú tại Việt-nam không quá 5 ngàn, mà số lính tập Việt-nam được Pháp huấn-luyện lại tối 40 vạn. Mọi công-tác quân-sự công hay thủ đều do lính Việt-nam đảm-nhiệm; nếu có sự lãnh-đạo nội-ứng thì tiêu-diệt giặc Pháp không khó.

Tôi liền hỏi khách: « Người Pháp đã dùng đường lối nào để có thể ngõi yên, buộc 40 vạn lính Việt-nam vào vòng chẽ-ngự của họ? »

Khách đáp: « Nếu không có ngoại-viện mà bạo-động, thì dù tiêu-diệt được chúng ở bên trong, vẫn không thể chống lại chúng ở bên ngoài, hiên nhiên như vậy. Hơn nữa, trước đây cũng đã có biết bao nhiêu người khởi-nghĩa, nhưng sau mỗi lần thất-bại thì làng xóm nát tan, họ hàng thân-thích bị giết. Đầu phải không có người vì căm-thù mà nồi dậy, nhưng rồi việc bắt-thành, thì bản-thân dù chịu tội cũng được, còn mồ mả cha mẹ thì sao? »

Đó, người Pháp sở-dĩ kiềm-chế dân-tộc Việt-nam chúng tôi được, không có đường lối nào khác hơn là: giết cả họ và đào cả mả (như Tiến-sĩ Tống-Duy-Tân phết cờ khởi-nghĩa chống Pháp mà toàn-gia bị giết sạch, hay như Tiến-sĩ Phan-Đinh-Phùng vào núi lập chiến-khu 11 năm trời, thì ở nhà mồ mả Cụ thân-sinh là Thượng-thư Phan-Đinh-Tuyên,

ông bác ruột là Phan-Đinh-Thông, cũng như phần mộ bà thân-mẫu bị khai-quật; cả con là Phan-Đinh-Nghinh bị chém bêu đầu. Nhưng họ Phan vẫn bất-khuất. Khi Phan chết, thi-hài lại bị đốt ra tro. Thật là những tấm gương hánchez trong hàng ngũ con dân đất Việt vì nghĩa diệt thù) ».

Lấy pháp-luật dã-man của Đông-phương mà trùng-trị người Đông-phương, cũng đến như thế mà thôi; tôi cảm thấy nao nao trong lòng rồi nói: « Thật thế sao? Ngay đến Trung-quốc là nước chuyên-chế nhất trên thế-giới, mà từ cận-cô tối nay, còn muốn bỏ thứ pháp-luật mọi rợ đó; vậy mà một quốc-gia tự nhận là văn-minh như Pháp, lại có thể hành-động như thế sao? Người Pháp hành-động như vậy sao? Mỉa-mai thay! Ngày nay cái gọi là thế-giới văn-minh, nhân-đạo, biết quá rồi! »

Tôi lại hỏi: « Nhân-tâm nước Ngài căm-thù sôi-nồi như vậy, chẳng hay có được tồ-chức thành đoàn-thề mưu-đỗ khôi-phục quốc-gia hay không? Ngài cũng cho biết dân-khí quí quốc rất cao, nhưng dân-trí còn non kém, vậy thì các vị chí-sĩ đã từng nghĩ tới việc cho con em ta du-học hải-ngoại để mưu-kế lâu dài hay chăng? »

Khách trả lời: « Ngày xưa, vua Huệ-Đế nhà Tần nghe nói dân đối, bèn quát bảo dân sao không biết ăn thịt nai. Lời nói của Ngài chắc không giống như vậy! Theo pháp-luật hiện nay tại Việt-nam, nếu không phải là người trong một nhà mà dám tụ tập 4 người vào một chỗ, thì lính đã tới bắt ngay, còn nói chi đến việc tồ-chức thành đoàn-thề! Trong nước, nhân-dân từ tinh này di sang tinh khác đều phải xin phép nhà cầm quyền chấp-thuận rồi mới được đi. Bắt cứ di từ thuyền sang xe hay từ xe sang thuyền, đều phải có giấy tờ làm bùa hộ-mệnh. Nếu giấy tờ không có tức là bị khép vào tội gian-tà. Đì lại khoảng độ 100 dặm mà cũng phải đổi giấy tờ 3, 4 lần! Vậy mà còn bị cho là trốn đi du-học tại ngoại-quốc! Cũng có một số người mạo-hiêm nguy-lạo giấy tờ để xuất-dương, nhưng rồi cha mẹ ở nhà lại bị giết, phần mò bị khai-quật. Làm người ai chẳng có mẹ cha, gặp cảnh như vậy yên tâm sao được! Ôi! Đất nước Việt-nam! Từ nay thê là hết! »

Khách nói tiếp: « Để bóc-lột dân-tộc Việt-nam, không có chính-sách nào của người Pháp là không cù-c-loan. Ngay như thuế nhân-khẩu, lúc đầu mỗi người hàng năm phải đóng 1\$00, cho đến cách đây 10 năm lại tăng gấp hai, và đến bảy giờ thuế đó lại được tăng gấp ba. Đến thuế nhà ở, thì đòn tay chịu thuế, cửa sò chịu thuế, cửa lớn cũng chịu thuế. Nếu nhà trồ thêm cửa nào là phải chịu thuế thêm về cửa đó. Tại thành-thị, thay một xà ngang, đòn một viên ngói, đánh

một tiếng trống (người Việt-nam cho trống đồng là dụng-cụ tôn-giáo, đánh trống là một diễn-lệ rất trọng, người Pháp bèn hận-chê), tồ-chức một bữa tiệc... đều phải đến Sở Sen-đầm trình xin giấy phép, và đóng thuế nếu không thi phạm pháp (Sở Sen-đầm tức là danh xưng của Sở Cảnh-sát). Trâu bò một tuổi chịu thuế 5\$; heo một tuổi 2\$, 3\$; chó 1\$; mèo cũng vậy; còn gà thì thuế bằng một nửa chó và mèo.

« Còn muối, vốn người Việt-nam phải dùng nhiều, là một nhu-ýếu phần quan-trọng gần bằng nửa số tiêu-thụ ở bên Trung-quốc. Người Pháp đã chiếm đất làm muối, lại giành cả thị-trường muối. Trước đây, mỗi hằng muối chỉ giá 30, 40 đồng tiền, nay thì phải mua với giá 38, 4\$. Về sinh tử, trẻ mới sinh phải nộp 2\$, người ch' t phải nộp thuế khám-nghiệm 5\$. Một gia-dình mà nếu sinh tử liền liên tl' cũng đủ phá-sản vì thuế! Thật là hết điều ăn nái! về hồn-nhân, lại phải chịu thuế lúc vào làm lề ở giáo-đường, gọi là thuế « Lan-núi ». Thuế này có 3 hạng: thượng đẳng 200\$, trung đẳng một nửa, còn hạ đẳng cũng 50\$.

« Các nghề sinh-nhai khác, như về trà, quế, ngà voi, tê-giác, đến lâm-sản được-phàm (như sa-nhán, đậu-khấu), rượu, gạo..., bắt cứ một sản-phàm nào được lưu-hành mua bán trong dân-gian, người Pháp đều rấm hết, người Việt hết đường làm ăn. Nếu cần dùng, chỉ có việc là trình chính-phủ Pháp đề xin mua mà thôi. Nói tóm lại, luật-lệ của người Pháp đặt ra, đều nhằm mục-đích làm cho người Việt-nam chỉ vừa tay làm ham nhai, chứ không sao dư thừa được một chút gì. Được như vậy, tham-vọng người Pháp mới thỏa-mãm. Toan ôi! Bết phải sống như thế này, thi thà đừng có mặt ta còn hơn! Trời xanh kia sao còn sinh 50 triệu dân nhục-nhã này làm gì? ! »

Khách lại nói tiếp: « Thời chuyện đã qua rồi, còn nói làm sao được nữa. Chúng tôi cũng chẳng oán thù người Pháp làm chi. Vì chính người Việt chúng tôi cũng có người tự chọn con đường tiêu-vong nữa! Thế nhưng, nếu người Pháp lưu-tâm đến việc mờ-mang dân-trí, mưu lợi-ích cho dân, vì dân Việt-nam mà tảo-trữ cái chính-giáo hủ bại hằng trăm năm nay, làm cho Việt-nam chúng tôi còn có cơ để tự tân tự tiến, thì 100 năm sau, trong dân-tộc chúng tôi sẽ có người anh-hùng quật-khởi gây-dựng lại cơ-đồ, như thế cũng chưa muộn! (63).

« Đáng rày, người Pháp đã làm khốn-khổ dân Việt, lại còn thi-hành chính-sách ngu-dân. Than ôi! Chỉ vài bốn năm, dân Việt đã tiêu-vong đến nữa. Đến ngoài 10 năm thì chắc dân Việt chẳng còn người! Thật không phải là quá bi-quan, người Pháp đang đổi xứ vô nhân-đạo với dân-tộc chúng tôi vậy! »

Nói đến đây, khách gục đầu khóc tèm-tă!

Âm-Băng Chủ-nhân nói:

« Tôi với khách nói chuyện suốt ngày không ngừng bút, nay xin tóm lược một phần về hiện-trạng Việt-nam, và chép lại sau đây; với ý nghĩ rằng ngòi bút của tôi chưa diễn-tả được một phần mười nỗi ai-oán của dân-tộc Việt-nam.

« Than ôi! Trong thời-gian gần đây những bậc chí-sĩ nặng mang mối thù vong-quốc, đã biết bao người ghi chép lại thảm-trạng nước mắt bằng thi-ca, gửi gắm vào bài viết, mong cho thiên-hạ đều biết đều hay... Hả lại không biết rằng tình-cảnh ấy, đâu phải do tưởng-tượng mà ra, cũng đâu phải do nèo bút hay miệng lưỡi mà mô-tả. Ai bảo như vậy là cay đắng, thật ra ngon ngọt hồn-ich vô cùng!

« Ngày nay, bạn chúng ta thì chưa rõ tình-cảnh thảm-khốc ấy như thế nào, chứ người Việt-nam thì đang ngửa mặt lên trời mà kêu than vậy! Chúng ta xót thương người Việt-nam chăng? Hay người Việt-nam lại xót thương chúng ta, xin ai khoan chớ nói ra vội; đề kè hèn này nói trước một lời: nếu mình không biết thương mình, thì cần chi phải đợi 10 năm, cũng đã có người xót thương mình rồi vậy!

Âm-Băng Chủ-nhân nói tiếp: « Ngày nay các nước văn-minh Âu-châu đều bắt nguồn từ La-mã. Đế-quốc La-mã hồi thịnh thời đã nhờ xâm-đoạt tài-sản và tính-mạng của nhân-dân thuộc-quốc mà ngày càng phát-triển thêm phồn-thịnh, đồng thời cũng nhờ đó mà lên mặt kiêu-ngạo sai khiên chư-hầu. Nền văn-minh La-mã là kết-tinh-thề của không biết bao nhiêu là oan huyệt khô lệ của nhân-dân thế-giới. Lẽ trời mạnh được yếu thua chớ chẳng vị riêng ai, cho nên tiếng tăm đế-quốc La-mã mới được lừng vang trên vài ngàn năm nay. Và giờ đây của đế-quốc này chính là những cường-quốc Âu-châu ngày nay vậy. Chịu ảnh-hưởng của tư-tưởng đế-quốc đó và ý thế mạnh hiếp yếu mà hành-trường trên mặt đất, đâu phải chỉ có đế-quốc Pháp mà thôi! Và cũng đâu phải chỉ có Việt-nam là nước chịu tai họa của tư-tưởng đế-quốc này. Đầu đâu trên thế-giới cũng tràn lan như vậy cả!

Kè từ sau ngày Mỹ-quốc được độc-lập, cái gọi là chính-sách thực-dân, về hình-thức có thay đổi đôi chút. Trước đó, chính-sách thực-dân là vơ-vét xương máu nhân-dân thuộc-quốc về làm giàu cho nước mình. Nhưng nay thì họ đã biết chính-sách đó không thích-hợp nữa. Cho nên, tại những thuộc-tiến của Anh như Úc-châu và Gia-nâ-đại, quyền-lợi và nghĩa-vụ của nhân-dân so với tại Mỹ trước đây 100 năm, đã có nhiều điểm dị-bié特. Tuy nhiên, đó là vì đồng chủng nên mới có như vậy. Còn như đối với dân Da Đỏ tại Mỹ, hay dân Da Đen tại Úc-châu, làm gì có sự thay đổi đó.

Tôi chưa có dịp sang Ấn-d Độ, không rõ quyền-lợi và nghĩa-vụ

nhân-iân của quốc-gia này so với Việt-nam có gì khác hay giống nhau. Còn như so với Nhật-bản cai-trị Đài-loan, thì chính sách thống-trị của Nhật có nhiều khác-bié. Kế-hoạch của Nhật là làm sao cho 10 năm sau, nhân-dân Đài-loan sẽ đồng-hoa thành dân Nhật hết. Cho nên Nhật đã thi-hành một chính-sách phủ-dụ khôn-khéo, bỏ điều hại họa đe gâ, niềm vui cho nhân-dân Đài-loan, cái mà ngày xưa ở Trung-quốc ta gọi là nhân-chính vậy!

Đài-loan với Việt-nam đều là thuộc-địa. Nhưng cứ bề ngoài mà xét thì nhân-dân Đài-loan như người trên trời, còn nhân-dân Việt-nam thì ngày nay muôn chết mà chết không được! Vậy mà rồi trên thế-giới tương-lai, có thể còn giống người Việt-nam. Trái lại người Đài-loan bây giờ yên vui trong cuộc sống, nhưng mười năm sau đây, trên thế-giới sẽ chẳng còn ai là người Đài-loan! Thật chẳng biết đâu là phú, đâu là họa! Đúng như lời Trang-Sinh xưa có nói: «Cây cỏ tạp, chẳng biết dùng làm chi, nên có thè sống được lâu». Vài mươi vạn dân Đài-loan đã ít-ỏi mà mười phần lại đến bảy, tám phần là hắc-sắc-sơn-phiên; với khả năng thống-trị của mình, Nhật-bản thừa sức đồng-hoa! Mơn-trớn bên ngoài đe nắm bỗ vào túi cá bón, thật đúng như vậy.

Còn như Việt-nam, là một dân-tộc bán-khai 50 triệu người, bên trong lại đã có những thực-lực đáng sợ. Thế thì đâu phải chỉ có người Pháp mới như thế, những kẻ muốn chinh-phục đe thống-trị nước người cũng đều có những lối đối-xử như vậy. Sao không thấy chính-sách Nhật-bản tại Triều-tiên từ một năm trở lại đây. Hiện nay chiến-sự chưa kết-thúc (64), vậy mà hiện-tượng về một nước Việt-nam thứ hai lại sắp thành hình. Ở đâu thì cũng là một nước Nhật-bản, làm sao có chuyện chính-sách ái-dụng ở Đài-loan khi ở Triều-tiên. Nguyên-nhân sự khác-bié chắc có gì bắt ta phải suy nghĩ nhiều. Việt-nam như thế, Triều-tiên như thế, có nên chẳng có gì định-ninh rõ, đây Việt-nam và Triều-tiên sẽ không giống nhau.

Àn-Băng Chủ-nhân lại nói: «Pháp-luật dã-man của đế-quốc La-nă vốn có từ thời-kỳ cương-thạch. Nhưng, từ đây trở đi, thế-giới ngày càng đổi thay tiến-hoa; không ai còn chấc-nhận cho thư văn-minh rác-rưởi ấy hành-hành làm hại người dưới bầu trời quang-đêng này nữa! Cứ trông vào nhân-dân Việt-nam, nhìn vào nhân-tài Việt-nam, niềm tin-tưởng của tôi càng thêm vung chắc».

## PHẦN CHÚ-THÍCH

- (1) — (2) Chúng tôi sẽ tiếp-tục nghiên-cứu và phiên-dịch một số.
- (3) Chúng tôi không phiên-dịch phần này, vì là một tài-liệu khái-lược có tính-cách hướng-dẫn về địa-lý và lịch-sử Việt-nam, chỉ cần cho người Trung-quốc khi tìm hiểu về Việt-nam mà thôi.
- (4) Tức trận giặc Crimée (1854-1856) giữa một bên là Anh, Pháp, Ý, Thổ-nhĩ-kỳ và một bên là Nga; tiếp đó Nga và Thổ lại đánh nhau (1877 — 1878).
- (5) Trần-Trong-Kim dịch — VNSL. — Trong VNVHSY của Dương-Quảng-Hàm, trang 226 thấy chép là  
 太平須努力 (a) (Thái bình tu nỗ lực)  
 萬古此江山 (Vạn cổ thủ giang sơn)
- Nhưng trong VNVQS, Phan Sào-Nam lại viết:  
 太平當致力 (Thái bình đương trí lực)  
 萬古舊江山 (Vạn cổ cũ giang san)
- (6) Qua VNVQS, chúng tôi thấy Phan Sào-Nam dùng Tây-cổng 西貢 để chỉ Nam-phần ngày-nay.

Về danh-từ này, chúng tôi tưởng cho tới nay đã có rất nhiều giả-thuyết giải-thích, và giả-thuyết nào cũng có lý cả. Đặc-bié, học-giá lão-thành Vương-Hồng-Sân, trong «Saigon Năm Xưa» — Nhà Xuất-bản Tự-Do — đã đưa ra cho chúng ta một số tài-liệu rất lý-thú và đáng yêu. Rất tiếc, vì khuôn-khổ hẹp-hội bắt buộc dành cho một lời chú-thích, chúng tôi không thể lược trích ra đây.

(a) Cũng có ghi thêm: «có bản chép là TRÍ, (致).»

- (7) — (8) Do chính-sách biệt-đãi người Pháp: cho vào buôn bán, cho giáo-sĩ được tự-do giảng đạo. Tuy nhiên, nếu nói là có dã-tâm đòn ngô Việt-nam, thì đế-quốc Pháp khêng đợi đến lúc này. Đội quân dò-thám đã được phái tới Đông-Nam-Á, đặc-biệt là Việt-nam từ hồi trung thế-kỷ 17.
- (9) Tức năm 1848: Trung-tá Pháp Rigault de Genouilly đem hai chiến-thuần sang Đà-nẵng yêu-cầu hưởng quyền-lợi và đặc-án như Trung-quốc đã phải cho họ (sau Nhì-phến chiến-tranh kết-thúc) (1840-1842). Triều-định Việt-nam không thuận, chuẩn-bị đối-phó. Rigault de Genouilly liền bắn đắm nhiều chiến-thuyền Việt-nam rồi bỏ đi.
- Đến 1856: Tù Catinat do De Montigny chỉ-huy lại đánh phá pháo-dài Đà-nẵng.
- Đến 1857: Montigny lại trở sang đòi: mở thông-thương, tự-do giảng đạo, đặt thương-diểm và lãnh-sự tại Đà-nẵng. Tuy nhiên cuộc tấn-công đầu tiên của Pháp và Tây-ban-nha vào Đà-nẵng mới thực-sự xảy ra vào ngày 1-9-1858. Trận này chúng thất-bại, nên kéo quân vào đánh Gia-dịnh (Cửa cần-giờ) lần thứ nhất vào ngày 9-2-1859. Sau đó, Đà-nẵng bị tấn-công lần thứ hai vào ngày 20-4-1859.
- (10) Tức Hòa-ước Nhâm-Tuất (5-6-1862), Tự-Đức năm thứ 15, chịu mất 3 tỉnh: Gia-dịnh (1-1861), Định-tường (3-1861), Biên-hà (12-1861).
- (11) Thật ra thì 3 tỉnh sau này đến năm 1867 (năm Phan Sào-Nam chào đời) mới thực-sự mất. (Vĩnh-long 20-6-1867, An-giang 21-6-1867 và Hà-tiên 24-6-1867, do công của De la Grandière).
- Riêng Vĩnh-long, vốn đã mất từ 4-1862, nhưng khi Hòa-ước Nhâm-Tuất được ký-kết, Pháp trả lại cho Việt-nam (nhưng vẫn đóng quân lại). Và đến Hòa-ước Giáp-Tuất (15-3-1874) cả 6 tỉnh Nam-phần mới mất hẳn.
- (12) Một trong 12 điều-khoản của Hòa-ước Nhâm-Tuất:
- « Hễ nước Nam có giao-thiệp với nước nào khác, thì phải cho chính-phủ Pháp biết; và khi muốn nhường đất cho nước nào, thì phải tùy ý nước Pháp có thuận cho mới được ».
- (13) Lâm-Duy-Hiệp, chứ không phải Lâm-Duy-Nghĩa (có thè ông Hiệp

có tên là Nghĩa). Bên Việt-nam, vua Tự-Đức sai Phan-Thanh-Giản, Lâm-Duy-Hiệp và Linh-mục Đặng-Đức-Tuấn; bên Pháp một phái-doàn do Thống-đốc Bonard cầm đầu, có Aubaret làm thông-ngoại. Cuộc đàm-phán bắt đầu từ 26-5-1862, và kết-thúc ngày 5-6-1862 với một Hòa-ước 12 khoản.

- (14) Chúng tôi xin chép lại: « Khi hai ông Phan và Lâm về kinh tâu bày sự việc, vua Tự-Đức cũng vừa than vừa thống-trách hai vị Sử-thần; coi họ không những có tội với triều-định, mà còn có tội với quốc-dân muôn đời nữa » (a).

Chúng tôi thiết nghĩ, vốn chủ-trương cách-mạng bạo-động tích-cực, nên có lẽ Phan Sào-Nam không đồng ý với tinh-thần tiêu-cực của hai Cụ Phan, Lâm, do đó mới có lời lẽ phê-phán như vậy. Phải chăng cũng do ở điểm này, và nhiều điểm tương-tự khác khi Phan Sào-Nam phê-phán nhân-vật, mà Âm-Băng Lương-Khai-Sêu đã cho là « Văn tự bất hữu nhã tuần xú » (文字不有雅馴處) ở phần Lệ-Ngôn (例言).

- (15) Tức Đề-đốc hộ thành.

- (16) — (17) « ... Khi bắt được ông, quân Pháp đóng gông rồi bỏ ông lên mui tàu, cho tàu chạy để dập-chúng hai bên bờ sông trông thấy. Trong dịp này ông ung-dung coi thường cái chết, để lại đôi liễn, và một bài thơ tuyệt-mạng dưới đây:

« Đại sự nan thành, không uồng bách niên chiêu vật nghi  
« Vì công bất tựu, diệc tương nhất tự bao quân ân. »

Hai bên thiên hạ thấy hay không  
Một gánh cương thường há phải gông  
Oǎn-oại hai vai quân tử trúc  
Long-lay một cỗ trượng phu túng  
Sông về đất Bắc, danh còn rạng  
Thác ở thành Nam, tiếng há không  
Thắng bại dinh du trời khiến chịu  
« Phản thần » đéo quả đúra cười ông !

« Nhân-sĩ Việt-nam ca ngợi chí-khí của ông Thủ-khoa họ Nguyễn trong một bài thơ như sau (chúng tôi tiếc không biết tên vị nhân-sĩ đó, và cả vị đã dịch bài thơ này):

(a) Phạm-Vân-Sơn — VSTB quyển V, tập thượng, trang 170.

Hân mĩ gian-nan vị quốc cừu  
 Chả nhân binh bại chí thân lưu  
 Anh-hùng mạc bả định hứ lận  
 Vũ-trụ trường khan tiết nghĩa lưu  
**VÔ BỐ DĨ KINH HỒ LỘ PHÁCH**  
**BẮT HÀNG CAM ĐOẠN TUỐNG QUÂN ĐẦU**  
 Dương niên Tho-thùy ba lưu huyết  
 Long đảo thu phong đảo mộ sầu.

Fản dịch:  
 Ruồi rong vó ngựa báo thù chung  
 Bình bại cho nên mạng mới cùng  
 Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ-trụ  
 Hơn thua sá kè với anh-hùng  
**NỎI XUNG MẤT VĨA QUÂN HỒ-LỘ**  
**QUYẾT THÁC KHÔNG HÀNG RẠNG NÚI SÔNG**  
 Tho-thùy ngày rày pha máu đỗ  
 Đảo rồng hiu-hắt ngọn thu phong»  
(Phạm-văn-Sơn, sách đâ dâñ, trang 203).

Tuy nhiên, theo Thái-Bạch trong « Bốn vị anh-hùng kháng-chiến miền Nam » thì câu đối lại như sau:

« HỮU CHÍ NAN THÂN, không ưong bách niên chiêu vật nghi  
 « Vi công bất tựu, diệc tương nhất tử báo quân ân ».

và bài thơ chữ Hán lại chính là của Cụ Thủ-khoa, nhưng ở câu GIÓ kết thi « ... Khởi mộ sầu », chứ không phải « ... Đảo mộ sầu ». Hơn nữa, Thái-Bạch còn ghi là chính São-Nam Phan Bội-Châu đã dịch bài thơ đó ra tiếng Việt và nguyên-văn như sau:

Ruồi rong GIÓ (1) ngựa trả thù chung  
 Bình bại cho nên mạng PHẢI cùng  
 Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ-trụ  
 Hơn thua sá kè LUẬN anh-hùng  
**NỎI XUNG MẤT VĨA QUÂN HỒ-LỘ**  
**QUYẾT THÁC KHÔNG HÀNG RẠNG NÚI SÔNG**  
 Tho-thùy ngày rày pha máu đỗ  
 Đảo Rồng hiu-hắt ngọn thu phong.

Còn về nơi thọ-hình thì Phạm-văn-Sơn ghi là:  
 « Ông bị giết ở Cồn-Rồng (Mỹ-tho),

trong khi Thái-Bạch ghi: « Ông bị hành-quyết tại chợ Thành-trọng

(1) Tại sao dịch là GIÓ ?

tỉnh Mỹ-tho...». Nhưng cả hai đều ghi ngày ông thọ-hình là 15-4 Ất-Hợi (1875).

- (18) Tức là ngày 8-3 năm Nhâm-Ngọ (25-4-1882), do Đại-tá Henri Rivière, và đây là lần thứ hai. Lần thứ nhất Pháp đánh Hà-nội là ngày 20-11-1873 do Đại-ý Francis Garnier; trận này Nguyễn-Tri-Phương bị thương nặng, rồi mất.
- (19) Thật ra là năm Quý-Mùi (ngày 18-8-1883) Đô-đốc Courbet đánh cửa Thuận-an. Và Hòa-ước này gọi là Hòa-ước Quý-Mùi (23-7 Quý-Mùi) hay Hòa-ước Harmand (25-8-1883). Cho đến 6-6-1884, một số điều-khoản trong Hòa-ước này được sửa đổi, thành một Hòa-ước mới: Hòa-ước Giáp-Thân (13-5-Giáp-Thân) hay Hòa-ước Patenôtre. Ký Hòa-ước xong, Patenôtre hội các quan lại rồi sai đốt lò nung chảy ăn AN-NAM QUỐC-VƯƠNG mà Trung-hoa phong cho vua Việt-nam, để tỏ rõ Việt-nam không còn lệ-thuộc Trung-hoa nữa (Hòa-ước Thiên-Tân 11-5-1884, Trung-hoa bỏ rơi Việt-nam).
- Nhân thè, xin nhắc lại niên-đại các vua:
- Dục-Đức: tuy có Vương-hiệu nhưng đã bị phế ngay từ đầu và bị buộc uống thuốc độc chết ngày 6-10-1883.
  - Hiệp-Hòa: 27-6 Quý-Mùi (30-7-1883) đến 29-11-1883; cũng bị buộc uống thuốc độc chết.
  - Kiến-Phúc: 7-10 Quý-Mùi (1-11-1883) đến 10-6 Giáp-Thân (31-7-1884); chết đê lại một nghi án.
  - Hàm-Nghi: 1-8-1884 đến 5-7-1885 phải lưu-vong, rồi đến 2-11-1888 bị Pháp bắt.

- (20) Tức là ngày « Quỷ Cơm Chung » 23-5 Ất-Dậu (5-7-1885) Ngũ-quân Đô-thống Tôn-Thất-Thuyết chỉ-huy Nam-quân phản-công lại quân Pháp, do Trung-tướng De Courcy chỉ-huy. Nhưng cuộc phản-công thất-bại, biến ngày ấy thành ngày thất-thủ kinh-dô.
- (21) Theo Phan-Trần-Chúc thì khi đạo ngự ra tới Hà-tĩnh, tại bản-doanh Ấu-sơn, thuộc làng Phú-gia, huyện Hương-khê, « Tôn-Thất-Thuyết sai thảo tờ chiếu Càn-Vương, lấy chữ vua Hàm-Nghi phê-chuẩn và gởi đi các tỉnh » (a), đúng như Phan-São-Nam đã viết.

(a) Phan-Trần-Chúc « Vua Hàm-Nghi » — nhà sách Chính-Lý tái-bản năm 1952, trang 120.

Nhưng theo Phạm-văn-Sơn thì « sau khi rời kinh-thành, ngày 6-7-1885, tại nơi tạm-trú là Văn-xá (a), ông Thuyết thừa lệnh vua Hàm-Nghi thảo chiếu Càn-Vương, hô-hào si-dân Ứng-nghĩa ». Còn tờ chiếu cũng do ông Thuyết thảo ở Hà-tỉnh là tờ chiếu thứ hai. Chiếu này đề ngày 11-8 Ất-Dậu (20-9-1885), Hàm-Nghi đệ nhị niên, được ban-hành sau ngày Pháp lập vua Đồng-Khánh. Nội-dung chiếu; lấy lời lẽ vua Hàm-Nghi vừa kêu gọi toàn-quốc kháng-chiến thêm một lần nữa, vừa trả lời đạo Dụ của Đồng-Khánh kết tội hai ông Thuyết và Tường.

(22) Thật ra lúc này (1888) vua Hàm-Nghi đang bôn-tào ở vùng rừng núi Hà-tinh và Quảng-bình. Nhưng Nghệ-an và Hà-tinh trước đây vẫn coi như một tỉnh.

(23) Thực-dân Pháp không đưa vua Hàm-Nghi sang Paris. Hành-trình bị lưu-dày của nhà vua theo Phan-Trần-Chúc (Vua Hàm-Nghi — sách đã dẫn) như sau:

- 2-11-1888: bị Truong-Quang-Ngoc và Nguyễn-Tinh-Đinh phản-bội (theo lời dụ-dỗ của hai Đại-ý Pháp là Mouteaux và Boulanger) bắt tại một túp liều ở Khe Tá-bào, thuộc vùng làng Chà-mặc, thượng-du Quảng-bình.
- 14-11-1888: bị giải tới đồn Thuận-bài (ở Quảng-bình).
- 15-11-1888: từ đồn Thuận-bài sang Bố-trạch, tới tỉnh-ly Đồng-hới, rồi tới đồn Thuận-an (Huế).
- 25-11-1888: từ Thuận-an xuống tàu La Comete vào Saigon. Tới Saigon, nhà vua lại được chuyền sang Tàu « Biên-hòa », mà đi thẳng tới Alger vào thượng-tuần tháng giêng 1889.

(24) Bà Từ-Dü Thái-hậu, tên Phạm-thị-Hàng hoặc Hào, là con gái Phạm-Đăng-Hưng (một công-thần triều Nguyễn). Sinh ngày 19-5 Canh-Ngo (1810) tại Gò-công (Nam-phần). Vợ vua Thiệu-Trị.

(25) Theo Phan-Trần-Chúc và Phạm-văn-Sơn, thì ngày 6-9-1885 tức 28-7 Ất-Dậu, Nguyễn-văn-Tường bị De Courcy đày ra Côn đảo cùng với Tôn-Thái-Đinh (thân-phụ Tôn-Thất-Thuyết) và Phạm-Thận-Duật. Và chính ông Duật khi chưa tới Côn đảo đã chết nên thây bị ném xuống biển. Còn ông Tường thì sau lại bị đày sang Tahiti, và chết tại đảo này vào tháng 2-1886, cho đến 30-7-1886, xác được đưa về quê ở Quảng-trị.

(a) Một làng thuộc quận Hương-trà, phía bắc Thừa-thiên — Phạm-văn-Sơn — sách đã dẫn, trang 45 và 69.

- (26) Tính tới 1885, Tây-cống đã mất vào tay Pháp được 11 năm rồi. (Hòa-ước Giáp-Tuất 1874, mất 6 tỉnh Nam-phần)
- (27) Tức là Hoàng-giáp.
- (28) Tức là Thanh-hóa. Xét lịch-sử Việt-nam, cái tên Thanh-hóa (phủ 青化府) có đầu tiên vào năm 1010 dưới đời Thuận-Thiên nhà Lý. Sau đó lần lượt đổi danh hiệu từ Thanh-hóa sang Thanh-hoa (華) hay ngược lại. Cho đến Gia-Long nguyên niên (1802) lại đổi lại là Thanh-hoa trấn. Đến Minh-Mạng năm thứ 12 lại gọi là Thanh-hoa tỉnh. Đến Thiệu-Trị nguyên niên (1841) lại gọi là Thanh-hoa tỉnh (青化省).
- (29) Một địa-danh thuộc thượng-du Thanh-hóa, vùng biên-giới Lào.
- (30) Có lẽ Phan Sào-Nam muốn nói đến tinh-thần nhiệt-thành hy-sinh tuyệt-diối của họ Hà. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ hình ảnh này không được đẹp lắm.
- (31) Chúng tôi thiền nghĩ Phan Sào-Nam đã nói quá nhiều những điều không nên nói về đời tư của Nguyễn-Si, xin giàn dịch bớt.
- (32) Có lẽ nguyên bản in sai. Ất-Dậu 乙酉 (1885) chứ không phải Đinh-Dậu 丁酉.
- (33) Theo Đào-Trinh-Nhất (Phan-Đinh-Phùng — Nhà xuất-bản Tân-Việt — trang 231).
- (34) Về việc này, chúng tôi xin trích-dẫn sau đây một đoạn văn của Cụ Đào-Trinh-Nhất khi viết về chung cuộc của nhà lãnh-tụ Càn-Vương Phan-Đinh-Phùng:  
« ... Nguyễn-Thân sai đem di thiề Cụ Phan ra chỗ địa đầu cửa tòng Việt-yén, đồ dầu châm lửa mà đốt xương thịt cháy ra tro, rồi tro ấy trộn vào thuốc súng, nhồi trong súng thần-công của ta mà bắn xuống La-giang... »  
(« Phan-Đinh-Phùng » — Nhà xuất-bản Tân-Việt — tr. 234).
- (35) Cũng theo Đào-Trinh-Nhất, thi chí-sĩ Phan-Đinh-Phùng mất tại núi Quạt (hòn núi ở địa-phận huyện Hương-khê, Ha-tinh) vào hồi 8 giờ sáng ngày 13 tháng 11 năm Ất-Mùi (1895).
- (36) Chúng tôi xin thành-thực vấn-nạn độc-giả về con số mà cụ Phan Sào-Nam đã đưa ra.

- (37) Các nhà chí-sĩ tiền-bối cách-mạng Việt-nam luôn luôn nhìn vắn-dè dưới khía cạnh đạo-đức. Nhưng ở đây chúng tôi xin lạm bàn rằng: đối với quân cướp nước thì có hay không tội, thật không thành vắn-dè. Còn vua Hâm-Nghi ở Việt-nam thì quân dân Việt-nam còn tiếp-tục đánh Pháp mạnh. Do đó, việc họ bắt vua đày sang Alger là tất-yếu, khi mà quân-dân Việt-nam không còn đủ lực-lượng để bảo vệ Ngài, bảo-vệ đất nước. Đặt vắn-dè đạo-đức với quân đế-quốc xâm-lược thì chỉ thiệt mịn!
- (38) Theo Phan-Trần-Chúc (sách đã dẫn) thì hàng năm chính-phủ Pháp ở Đông-dương trợ-cấp cho vua Hâm-Nghi 25.000 quan (Có lẽ là đồng Phật-lăng).
- (39) Khi tập Việt-Nam Vong Quốc Sứ ra đời (1905) thì tại nước nhà, là Thành-Thái năm thứ 16 (Thành-Thái nguyên niên, 1889).
- (40) Chúng tôi thiền nghĩ có lẽ vì công-pháp quỗc-tế chử không phải vì các cường-quốc măc mưu lừa bịa của Pháp. Đúng như sự nghi-ngờ thắc-mắc của Phan Sào-Nam.
- (41) Lại một lần nữa nhà chí-sĩ của chúng ta đứng trên bình-diện đạo-đức, và tinh dè nhìn sự việc. Cơ sở cách mạng trong núi nếu không tiêu-trừ thì nhất định ngày càng bành-trướng, rất nguy-hiem cho quân địch, chử sao lại bảo nát với cỏ cây và không hại gì?
- (42) Theo Đào-Trinh-Nhất (Phan-Đinh-Phùng — Nhà xuất-bản Tân-Việt, trang 115) thì Phan-Trọng-Mưu là anh em đồng-chi, đồng-hương, lại hình như là đồng-tộc với Phan-Đinh-Phùng; trước cũng tự hiệp Văn-Thân khởi-nghĩa một thời-gian, những giữa lúc Cụ Phan-Đinh-Phùng ra Bắc thi ở Nghệ Tinh, Phan-Trọng-Mưu thất-bại, chạy trốn ra Nam-định, rồi nhờ Hoàng-Cao-Khai đem ra hàng Pháp. Nhưng cũng không nhận cộng-tác với Pháp một việc gì.
- (43) Cửa Tây Bắc Thành-nội Huế. Nơi này được người Pháp dùng làm pháp-trường chém đầu nhiều nhà cách-mạng Việt-nam. Cụ Trần-Cao-Vân cũng bị chém ở cửa này.
- (44) Tức thế trước-bạ bây giờ. Ngoài ra, tùy theo từng việc, có những mẫu giấy in sẵn. Chẳng hạn vay nợ 50\$ thì viết « khế » bằng giấy in khò nhỏ, từ 50\$ trở lên thì viết « khế » bằng giấy in khò lớn; và mẫu giấy này được gọi là tín-chỉ (信紙).

- (45) Ở địa-phương tôi — Nghệ-an — quen gọi là sô « Hoành-then », tức là quyền sở đóng thuế của mỗi chiếc thuyền.
- (46) Thật ra thì « Rượu Lậu » được thời pháp-thuộc cũng là một đại họa cho thôn-dân Việt-nam không kém.
- (47) Bát-tràng: một làng thuộc tỉnh Hà-đông; ca dao Việt-nam:
- Trên trời có đám mây xanh  
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng  
Ước gì anh lấy được nàng  
Thì anh mua gạch BÁT-TRÀNG vẽ xây.*
- Phương-lâm: thuộc Hải-dương ?
- Văn-lâm: thuộc Hưng-yên ?
- (48) Chúng tôi xin đề nguyên văn Công-cuộc 分局 cũng như Tư-cuộc 私局, vì không rõ về các sắc thuế bấy giờ để đổi-chiếu.
- (49) Theo Kinh Dịch: Nam-phương thuộc Hỏa; cũng theo Kinh Dịch (bát quái), thì quẻ Lý 離 (Ly trung hư: quẻ Ly rồng ở trong) ứng vào hành Hỏa trong Ngũ Hành. Việt-nam ở phương Nam nên thuộc Lý-Hỏa.
- (50) Có lẽ Phan Sào-Nam muốn nói đến Trường Bảo-hộ Albert Sarraut ở Hà-nội chăng?
- (51) — (52) Văn-thân Nghệ Tinh trong câu đối truy-diệu Cụ Phan-Đinh-Phùng, ở vế trên có chữ: « ... Khả hận giả thùy diên đại hạ nhát mộc nan chi... 可恨者垂頭大度一木難支... » và vế dưới có chữ: « ... Vị hàn tai hội quyết đồi ba, trung lưu đê trụ... 謂何哉潰決頽流中流砥柱... » Đào-Trinh-Nhất dịch là: « ... Ngao ngán nhẽ, lầu cao sấp đồ, một cột khó nâng... » và « ... Đầu đón thay, đê vỡ sóng vồ, giữa dòng trụ đứng... ». Ý nói tình-trạng lâm nguy, không người cứu-vãn.
- (53) Gia-tộc Trương-Lương 5 đời đều làm tướng nước Hán (ngũ thế tướng Hán).
- (54) — (55) Chỉ hạng người đến phút cuối-cùng vẫn tuyệt-đối trung-thành với vua với nước, khác nào như khi nhà Châu và nhà Tống nguy-vong, vẫn có những người mưu-đồ cứu-vãn tình-thể.

- (56) Có lẽ Phan Sào-Nam muốn nhắc đến thời-gian đầu tiên khi thực-dân Pháp lợi-dụng tín-đồ Thiên-Chúa-giáo trong công-cuộc xâm-lược.
- (57) Nguyên-tác viết bằng chữ Nôm, chúng tôi chỉ chép lại.
- (58) Theo thiền-ý của Thúc-phụ tôi — Cụ Đông-Tùng — thì có lẽ đây là chí-sĩ Tăng-Bạt-Hồ, hiệu Đài-nền-Bát (người làng An-thường, quận Hoài-nhơn, tỉnh Bình-định). Vì theo tài-liệu cách-mạng Việt-nam thì Tăng-Bạt-Hồ, sau khi phong-trào Cần-Vương thất-bại, đã xuất-dương (1904), cùng với Phan Sào-Nam sang Tàu và Nhật gặp các chính-khách Nhật là Khuyên-Dự-ông-Nghị và Đại-Ôi Trọng-Tín mưu việc đưa Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Đè sang Đông-Kinh.
- (59) Cũng theo Thúc-phụ tôi cho biết, thì khi xuất-dương, Phan Sào-Nam đã phải nguy-tạo ra việc bỏ vợ từ con, để tránh hậu họa cho gia-dình sau khi Cụ ra khỏi nước.
- (60) Một con vật — mà người địa-phương Nghệ-an quen gọi là con Ngận — có đặc-tính là khi bị săn đuổi thì buoi dồn vứt cái « xạ » lại cho người săn, để thoát thân.
- (61) Chúng tôi không rõ Phan Sào-Nam tính theo dặm Anh như thế nào, nhưng tính theo km2 thì Nhật-bản rộng lối 368.000 km2 và Việt-nam lối 320.000 km2.
- (62) Trong thời-gian này, Âm-Băng Chủ-nhân đang tiếp-tục hoạt-động chuẩn-bị cho cách-mạng Tân-Hợi Trung-hoa (1911), sau khi Mậu-Tuất chính-biến (1898) (mà vai chủ chốt là Khang-Hữu-Vi, thầy học của Âm-Băng, thất-bại, bị Từ-Hy Thái-hậu và tướng Vinh-Lộc (nhóm Mân-Thanh) khủng-bố).
- (63) Uớc-vọng của nhà chí-sĩ chúng ta thật xa vời quá!  
Nếu thực-dân Pháp « tốt » như vậy thì đã không có việc họ đem xương máu và tàu chiến sang cướp Việt-nam làm thuộc-địa!
- (64) Tức chiến-tranh Nga-Nhật (từ 8-2-1904), Nhật đánh Lữ-thuận, đến 27-5-1905 hạm-đội Nga bị Nhật đánh tan tại eo biển Đồi-mã. Đến 5-9-1905 hiệp-ước Portsmouth được ký kết, trong đó có điều-khoản Nga chịu để Nhật được toàn quyền hành-động và đặt một cuộc bảo-hộ ở Triều-tiên. Còn Đài-loan thì đã phải nhường cho Nhật (cùng với Bành-hồ và bán đảo Liêu-đông) từ năm 1895, do Hiệp-ước Hạ-quan (Simonoseki) ký kết ngày 17-4-1895 sau chiến-tranh Trung-Nhật (1-8-1894 đến 17-4-1895).

## Mục-lục

● Lời giới-thiệu của Á-Nam Trần Tuấn-Khai	4
● Tựa của G.s. Bửu-Cầm	5
● Lời người dịch	8
● Tiêu-sử cụ SÀO-NAM Phan-Bội-Châu	14
● Lời giới-thiệu « V.N.V.Q.S. » của Âm-Băng-Thát Chủ-nhân	17
● Phàn Lệ	18
● Việt-Nam Vong Quốc Sử	19
● Lời Phát đoán	21
 — CHƯƠNG THỨ NHẤT :	
Nguyên nhân và sự thực về Việt-nam mất nước	22
 — CHƯƠNG THỨ HAI :	
Tiểu truyện các anh-hùng chí-sĩ khi mất nước	32
 — CHƯƠNG THỨ BA :	
Chính-sách Pháp cai-trị Việt-nam	45
 — CHƯƠNG THỨ TƯ :	
Nhìn về tương-lai Việt-nam	71
 — PHỤ-LỤC :	
Lời nói đầu về Việt-nam Vong Quốc sử của Âm-Băng-Thát Chủ-nhân	81
 — PHẦN CHÚ-THÍCH	
Nguyên-tác Việt-nam Vong Quốc Sử bằng Hán-văn của cụ Phan-Sào-Nam (Phần này in riêng, đánh số trang từ 1 đến 140, và bắt đầu từ trang cuối sách).	91

Phan nguyen tac Han van se scan sau